

văn nghệ

*lý hoàng phong cách mạng
ngày nay với văn học * lê
huy oanh nhận định về thơ
hậu chiến * kiêm minh nỗi
buồn bạch kim * nguyên
trung khi hồi tưởng * doãn
quốc sỹ tự do linh hồn * tô
thùy yên lễ tấn phong tình
yêu * dương nghiễm mậu
nhật ký * cung trầm tưởng
ernest hemingway trong
đấu trường và chín hồ trên
xa lộ saigon biên hòa*

8

tháng chín, tháng mười sáu mốt
tháng 9, 10 -1961

Văn Nghệ số 8

TẠP CHÍ TRANH ĐẤU VĂN HỌC NGHỆ THUẬT MỚI



Paris * 04.2025

Bìa : *Nguyệt san Văn Nghệ*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

Văn Nghệ số 8

Saigon
Tháng 9, 10 -1961

Trong số này :

1. Văn Nghệ	11
<i>Những đổi mới của tạp chí</i>	
2. Lý Hoàng Phong	17
<i>Cách mạng ngày nay với văn học</i>	
3. Lê Huy Oanh	36
<i>Nhận định về thơ hậu chiến</i>	
4. Cung Trầm Tưởng	78
<i>Ernest Hemingway trong đấu trường</i>	
5. Tô Thùy Yên	102
<i>Lẽ tấn phong tình yêu</i>	
6. Kiên Minh	114
<i>Nỗi buồn bạch kim</i>	

7. Dương Nghiễm Mậu	172
<i>Nhật ký</i>	
8. Nguyễn Trung	195
<i>Khi hồi tưởng</i>	
9. Doãn Quốc Sỹ	204
<i>Tự do linh hồn</i>	
10. Vương Tân	236
<i>Mấy đoạn đường</i>	
11. Trần Thy Nhã Ca	241
<i>Sau cơn giông</i>	
12. Erskine Caldwell	245
<i>Dorothy</i>	
13. Phan Nguyên	263
<i>Thời sự văn nghệ: ba bằng chứng một nhận định</i>	

VĂN NGHỆ SỐ 8

tạp chí tranh đấu văn học
nghệ thuật mới

Chủ nhiệm: Lý Hoàng Phong

Thư ký tòa soạn: Ngọc Dũng

Trị sự: Phí Ích Nghiễm

Tòa soạn và trị sự: 554, Trương Minh
Giảng, Saigon
điện thoại: SG. 06

Kiểm duyệt số 619/UBKD.
ngày 6-11-1961

NHỮNG ĐỔI MỚI CỦA TẠP CHÍ

Đọc qua 7 số Văn Nghệ, các bạn có thể thấy chúng tôi đã không ngừng cố gắng nhưng những bước đi ấy mới chỉ là những bước dò dẫm chậm chạp vì chúng tôi đã phải vượt qua những khó khăn quá lớn. Cho đến số báo trước đây chúng tôi chỉ mới đạt tới cố gắng đọc nhất là duy trì sự có mặt của tờ báo vì tất cả những lo âu của chúng tôi đều dồn về phần vật chất của nó. Bây giờ Văn Nghệ đổi mới để bước một bước mới về phần xây dựng nội dung và hình thức tờ báo.

Chúng tôi sẽ cố gắng đem đến cho Tạp chí một ý muốn, một thái độ rõ rệt hơn. Đó là ý muốn, thái độ tham dự vào đời sống chung của xã hội, chúng tôi muốn góp tiếng nói chúng tôi vào đời sống chung đó.

Trên phương diện làm văn học nghệ thuật chúng tôi không quan niệm có một văn học nghệ thuật vị nhân sinh hay vị nghệ thuật mà chỉ có văn học nghệ thuật đích thật và văn học nghệ thuật giả tạo, mọi văn học nghệ thuật đích thật đều có tính cách tham gia, bắt nguồn từ đời sống, không xa rời đời sống, mọi văn học nghệ thuật đích thật là cố gắng biểu hiện, diễn tả đời sống và ý nghĩa đời sống là cố gắng biểu hiện, diễn tả thực tại, cố gắng vươn đến tương lai.

Chúng tôi cũng nhận định rằng trong một xã hội cách mạng thường trực để bảo vệ sự sống còn và tự do, văn học hiện đại tất nhiên phải mang những tính chất cách mạng, khai phá đòi hỏi người làm văn học nhìn thẳng vào thực tại xã hội với ý thức sáng tạo những giá trị mới, đổi mới xã hội.

Có người nói đến một sự lãnh đạo văn học nghệ thuật, có người nghĩ phải viết thế này thế nọ. Chúng tôi cho rằng văn học nghệ thuật là việc làm tự do và chỉ có thể nói đến một văn học nghệ thuật có ý thức và một văn học nghệ thuật vô ý thức, không ai dám nghĩ đến việc lãnh đạo văn học nghệ thuật ngoài những người cộng sản và phát xít, một sự lãnh đạo chỉ có thể tạo ra một thứ văn học nghệ thuật giả dối, mù quáng, lợi dụng.

Cuộc đấu tranh của dân tộc ngày nay không cho phép chúng ta ngại ngùng và rụt rè. Vì vậy từ nay thái độ của chúng tôi sẽ chân thành và thẳng thắn. Nhiều người nói rằng họ không dám viết như ý họ muốn, họ không thể diễn tả xã hội như mắt họ thấy vì họ sợ sự phủ nhận của cơ quan kiểm duyệt. Chúng tôi nghĩ khác. Chúng tôi sẽ nói thật và nói thẳng. Và chúng tôi tin rằng cơ quan kiểm duyệt sẽ hiểu chúng tôi. Chúng tôi nghĩ rằng chính quyền hiện tại không bao giờ chủ trương sự ràng buộc tư tưởng, sự cấm đoán tự do sáng tạo trong ý thức trách nhiệm, những hành động này chỉ có thể đưa đến sự bùng bít thực tại, sự trì trệ tinh thần, sự ảm ức sa đọa tâm hồn.

Một thái độ can đảm là cần thiết về phía những người làm chính trị cũng như những người làm văn học. Can đảm

mở những cánh cửa, những cánh cửa của tâm hồn, của ý thức để nhìn vào thực tại và xây dựng tương lai khỏe mạnh hơn.

Để thực hiện những ý muốn mà chúng tôi đã phác họa, từ nay tờ báo sẽ từ bỏ hình thức tuyển tập để mang lấy hình thức của tạp chí. Về phần nội dung, ngoài phần sáng tác chúng tôi sẽ có những bài bày tỏ quan điểm của người viết, về các vấn đề văn học nghệ thuật hoặc các vấn đề của đời sống xã hội.

Về phần sinh hoạt văn nghệ, ngoài phần giới thiệu, phê bình, chúng tôi còn thêm những ý kiến ngắn để tờ báo thêm phần sinh động theo chủ trương tham dự vào đời sống của tạp chí. Trên đường sáng tạo văn học nghệ thuật, trên đường xây dựng đổi mới xã hội, chúng tôi hy vọng các bạn sẽ cùng đi với chúng tôi,

các bạn sẽ góp ý kiến, sẽ phê phán, sẽ chỉ dẫn công việc làm của chúng tôi, chúng ta cùng nhau đi đến lý tưởng chúng ta thực hiện.

VĂN NGHỆ

CÁCH MẠNG NGÀY NAY VỚI VĂN HỌC

LÝ HOÀNG PHONG

Cách mạng không phải chỉ là sự thay đổi một chế độ. Cách mạng thật là một sự đổi mới tư tưởng, đổi mới xã hội. Cuộc sống biến hóa chuyển động không ngừng, nếu tư tưởng trì trệ một chỗ, xã hội nằm cứng trong vỏ cũ thì tư tưởng và xã hội sa đọa, hư hỏng. Cách mạng tức là theo chiều cuộc sống biến hóa chuyển động mà đổi mới tư tưởng, đổi mới xã hội cho thích hợp với hoàn

cảnh. Một nhà chính trị ngày xưa có câu: “ngày nay mới, ngày mai mới, mỗi ngày mới mới”. Đó là cách mạng.

Cách mạng và văn học vì thế thường đi theo nhau. Vì văn học cũng như cách mạng đều muốn đổi mới tư tưởng, đổi mới xã hội.

Xã hội chúng ta gần một thế kỷ nay đã trải qua mấy cuộc cách mạng Cuộc cách mạng thứ nhất là cuộc cách mạng đổi mới tư tưởng đổi mới xã hội theo Tây Phương dưới thời kỳ lệ thuộc. Xã hội cũ, tư tưởng cũ của ta bị thất trận và xiềng xích mỗi ngày mỗi sa lầy. Đã có một sự xung đột cũ mới, nhưng tư tưởng mới đã thắng thế tư tưởng cũ. Loan, Dững đã đoạn tuyệt với xã hội cũ và đã được lớp người mới hưởng ứng: tuy sống dưới một chế độ quân chủ cổ lỗ nhưng xã hội

ta đã học tập chủ nghĩa cá nhân và tự do dân chủ, tất cả cái cũ chỉ còn là vang bóng một thời.

Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, kinh nghiệm cộng sản và cuộc thành hình nền móng độc lập dân chủ vừa qua đã đem đến xã hội ta một cuộc cách mạng mới.

Công cuộc giải phóng dân tộc đòi hỏi chúng ta một cách mạng tư tưởng dân tộc. Chúng ta không còn nô lệ người Tây Phương. Chúng ta đã lấy lại tự do. Và chúng ta muốn một sự tự chủ tinh thần. Chúng ta không đoạn tuyệt với cái cũ để theo ông thầy Tây Phương như ngày trước. Chúng ta đòi xét lại những giá trị cũ. Chúng ta tìm lấy trong cái cũ những giá trị mới, chúng ta đổi mới cái cũ. Văn hóa cũ, đạo đức cũ, phong tục cũ

có những giá trị bất biến và cần được đổi mới để tồn tại.

Tranh đấu giải phóng dân tộc còn bắt buộc chúng ta xét lại những giá trị tư tưởng của Tây Phương. Tư tưởng triết học, văn hóa, chính trị, xã hội của họ, chúng ta học hỏi với tinh thần phê phán độc lập không phải với tinh thần mù quáng phục tòng của người nô lệ. Với sự tự chủ, Đông Phương đã lấy được tinh thần bình đẳng với Tây Phương và chỉ với sự bình đẳng đó chúng ta mới tìm được con đường dung hòa với Tây phương, Đông phương và Tây phương đã được chúng ta đánh giá một cách đúng đắn hơn. Ngày nay chúng ta không còn thói quen xem Tây phương là ánh sáng tuyệt đối của văn minh và Đông phương là bóng tối mịt mù của thoái hóa.

Trong lúc Đông phương đi tìm cho mình con đường mới để tiến tới thì Tây phương là một cơn bệnh trầm trọng, một chia lìa bi thảm.

Kinh nghiệm cộng sản cho chúng ta những quan niệm mới về xã hội Tây phương. Văn minh Tây phương đã đưa đến mâu thuẫn xung đột giữa hai giai cấp tư bản và vô sản, giữa tín ngưỡng tôn giáo và triết học duy vật, một sự xung đột không bề giải quyết ổn thỏa.

Chủ nghĩa cộng sản trước đây còn là hy vọng của một số lớn người trên thế giới vì sự hứa hẹn của nó, ngày nay chỉ còn giá trị là một sức mạnh dựa trên vũ lực. Chủ nghĩa cộng sản một phần nữa chỉ là kết quả của chủ nghĩa tư bản. Nó phá hủy nguyên nhân tạo ra nó nhưng nó không có đủ yếu tố văn hóa để xây

dựng xã hội mới. Con người sau khi thỏa mãn đầy đủ nhu cầu vật chất rồi sẽ làm gì, sẽ đi về đâu, những hoạt động của nó sẽ hướng đến cứu cánh nào và cái chết có thật là bất thành vấn đề không? Chủ nghĩa mác-xít chỉ giải quyết một nửa vấn đề nhân sinh, vì vậy nó giải quyết lầm lẫn. Tư tưởng giai cấp sai lạc của cộng sản đã dẫn đến một sự thực hiện trái ngược với chủ trương. Tổ chức giai cấp là tổ chức giá trị tự nhiên theo khả năng và tiến hóa của con người. Nó linh động chứ không máy móc. Vì vậy phải điều hòa giai cấp chứ không san bằng giai cấp. Chủ nghĩa mác-xít lại mang trong bản thân tính chất độc đoán và ép buộc nên không thể đưa đến tự do, dân chủ.

Không đi theo con đường của chủ nghĩa tự do cá nhân của tư bản, cũng không đi theo con đường độc tài tập thể

của cộng sản, cách mạng chúng ta phải là một cách mạng xã hội mới.

Phải tổ chức xã hội trên căn bản nào để có trật tự chính đáng và công bằng chân thật, đó là câu hỏi phải giải đáp.

Rút kinh nghiệm từ những chủ nghĩa xã hội của phát-xít và của cộng sản, ngày nay người ta hoài nghi, e sợ những chủ nghĩa xã hội dựa trên những triết thuyết, những khoa học trừu tượng, những hệ thống thuần túy duy lý. Những nhà khoa học tìm ra những định luật, những nhà triết học xây dựng những hệ thống tư những nhà chính trị tổ chức xã hội, người ta nhét con người chúng ta vào trong đó, rồi guồng máy quay, quay tít, không ngừng được nữa cho đến khi nó phải tan vỡ. Tại sao? Tại vì người ta tổ chức một guồng máy xã hội lý tưởng

mà không biết guồng máy đó có thích hợp cho con người chúng ta không. Khi nhà khoa học tìm định luật, nhà triết học xây dựng hệ thống tư tưởng và nhà chính trị tổ chức xã hội, họ đã chỉ nghĩ đến một xã hội trừu tượng và một con người trừu tượng hơn nữa. Con người ấy không phải là con người cụ thể chúng ta, con người có đủ thất tình, lục dục, có tốt có xấu, có tiến có thoái, con người là một tổng hợp của những tương quan liên hệ nhân quả, mâu thuẫn, phức tạp, biến hóa và sống động, con người là một vũ trụ nhỏ và nó mang trong nó tất cả chơn lý của sự sống. Một chủ nghĩa xã hội đáng tin cậy vì thế phải lấy con người cụ thể đó của chúng ta làm nền tảng vì con người là nền tảng xây dựng và làm thành xã hội.

Tóm lại cách mạng ngày nay của chúng ta là phóng một con đường mới của tư tưởng thoát ra ngoài sự bế tắc của thế giới tư bản và thế giới cộng sản, là làm mới những giá trị cũ của dân tộc, lập quân bình cho tư tưởng Đông phương với Tây phương. là lấy con người cụ thể làm đối tượng để xây dựng xã hội, là xây dựng một ý thức hệ mới.

✱

Chúng ta đã nói cách mạng và văn học có những liên hệ mật thiết với nhau vì văn học và cách mạng đều muốn đổi mới tư tưởng, đổi mới xã hội. Vậy văn học hiện thời của chúng ta có những gì?

Quang cảnh xã hội ta sau chiến tranh và cách mạng cộng sản là một quanh

cảnh trần trụi đổ nát trong đó con người mất hết thần tượng. Những giá trị của xã hội cũ đã không còn hiệu lực, những giá trị mới chưa có, tôn giáo, gia đình, tình yêu đều bị phá hoại. Tâm trạng lạc loài trần trụi của con người giữa cái xã hội phá sản đó đã được miêu tả trong tác phẩm thần tượng cũ, những giá trị cũ đã mất, con người đòi đi tìm những “Bếp lửa” của Thanh Tâm Tuyền. Những thần tượng mới, những giá trị mới. Con người đòi đi làm ý thức họ mới cho xã hội, đòi tranh đấu cho tự do công bằng. Con người đòi cách mạng. Và “Tôi không còn cô độc” cùng tác giả trên có phải là tiếng kêu của cách mạng?

Cái cách mạng mà chúng ta đòi hỏi, chúng ta đã thấy một phần nào ở những tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ. Làm sống lại và làm mới ý thức tranh đấu của dân

tộc, những giá trị trường cửu của văn hóa cũ, tố cáo sự giả trá lừa gạt và đoán trước sự thất bại của cộng sản, dung hòa văn hóa và tư tưởng Đông Tây, đó là những tư tưởng chính của Doãn Quốc Sỹ. Một vài nhân vật trong những tác phẩm của ông cho ta một hình tượng về một kiểu người hiền mới, một kiểu người hiền được xây dựng trong tinh thần tam giáo, hòa đồng, đôn hậu, khảng khái, phóng khoáng và ung dung, là người con hiếu trong gia đình, người bạn hiền, người dân tốt ngoài xã hội, một kiểu người hiền điển hình của xã hội mới chúng ta. Gần một trăm năm nô lệ đã biến xã hội ta thành một xã hội mất gốc. Doãn Quốc Sỹ cố gắng đưa chúng ta trở về tắm rửa tinh thần nơi dòng sông văn hóa cũ, thở lại không khí thơm mát của “Khu vườn dân tộc”. Phải lấp bằng cái hố sâu xa lìa chúng ta với nguồn cội, với quá

khứ, nhưng đồng thời chúng ta mở rộng tinh thần hòa hợp với thế giới nhân loại. Cũng như “Dòng sông định mệnh” chảy ra biển rộng, chúng ta hòa mình chúng ta với thế giới nhưng dòng sông chúng ta vẫn chảy từ một nguồn suối riêng biệt trên núi cao. Tất cả tư tưởng Doãn Quốc Sỹ, như thế, vươn đến một xã hội Việt Nam mới xây dựng trên căn bản tinh thần truyền thống, và một thế giới quan hòa hợp, đại đồng.

Cách mạng mới đã có lý tưởng. Ý thức hệ mới đã được phác họa. Nhưng lớp người nào sẽ lãnh đạo cách mạng mới? Lớp người ấy là những ai, họ như thế nào? Theo truyền thống thì xã hội chúng ta ngày trước được phân chia làm sáu hạng người: sĩ, nông, công, thương, binh, tăng. Ngoài giai cấp tăng lữ lãnh đạo về tôn giáo, giai cấp sĩ là giai cấp lãnh

đạo chính trị, tinh thần và trí thức, giai cấp lãnh đạo xã hội nói chung. Giai cấp sĩ đại diện cho ý thức hệ xã hội, có nhiệm vụ gìn giữ trật tự, hạnh phúc tinh thần và vật chất của xã hội, điều hòa quyền lợi các giai cấp và nắm giữ cán cân công bình xã hội. Giai cấp sĩ phải là giai cấp đạo đức gương mẫu, sống cuộc đời trong sạch liêm khiết. Trật tự và hạnh phúc xã hội, công bằng và đạo đức xã hội đều tùy thuộc vào sự lãnh đạo và gương sáng của giai cấp này. Chính quyền có đạo đức thì kẻ sĩ ra làm quan lãnh đạo cai trị dân, chính quyền vô đạo thì kẻ sĩ lui về dạy học lo việc giáo dục dân hoặc làm cách mạng đánh đổ bạo quyền. Lãnh đạo nhân dân thật không phải là vua chúa mà chính là kẻ sĩ. Vai trò lãnh đạo xã hội của giai cấp sĩ phu rõ ràng và quan trọng như vậy cho nên giai cấp này hư hỏng thì xã hội phải loạn ly.

Khi xã hội chúng ta rơi vào vòng lệ thuộc Tây phương, xã hội cũ của ta bị phá sản và kẻ sĩ cũng phá sản theo. Trước tai họa mất nước, lớp sĩ phu Việt nam đã chia ra làm hai hạng: hạng thứ nhất là hạng đạo đức ưu tú đứng lên lãnh đạo nhân dân làm cách mạng giải phóng dân tộc, hạng thứ hai ươn hèn yếu đuối thỏa hiệp ra làm quan cho chính quyền thực dân. Giai cấp sĩ phu chân chính đại diện cho ý thức hệ dân tộc của chúng ta cùng bị tiêu diệt với tự do của dân tộc. Vai trò lãnh đạo của kẻ sĩ gần như chấm dứt. Vai trò lãnh đạo ấy trong xã hội mới Âu hóa không rơi vào tay đám quan trường phụng sự cho chính quyền ngoại quốc, không còn đại diện cho ý thức hệ nào nữa mà được chuyển đến cho người trí thức mới, đại diện cho ý thức hệ Tây phương.

Người trí thức mới thật ra không thể so sánh với người sĩ phu ngày trước. Người sĩ phu ngày trước tin tưởng ở một ý thức hệ nhất định và hành động theo ý thức hệ đó, người sĩ phu có một vai trò lãnh đạo và một trách nhiệm đạo đức nhất định đối với xã hội. Người trí thức theo Tây phương không tin tưởng cũng không hành động theo một ý thức hệ, một đạo đức nào nhất định. Họ không có một vai trò và một trách nhiệm nào rõ ràng. Họ chỉ là những người có kiến thức rộng và bằng cấp lớn nắm giữ những vai trò chuyên môn trong xã hội. Người trí thức mới vì thế không nắm được quần chúng, không lãnh đạo được nhân dân còn sống với ý thức hệ cũ. Người trí thức mới vì thế không làm được cách mạng vì thiếu ý thức hệ. Khi cộng sản cướp được chính

quyền, lãnh đạo kháng chiến và lãnh đạo cách mạng, người trí thức âu hóa thức tỉnh. Họ nhận thấy chính một số người trong bọn họ đã lãnh đạo cách mạng vô sản để tiêu diệt giai cấp của chính họ.

Người trí thức ngày nay muốn chống cộng phải xác định vai trò lãnh đạo của chính họ trong xã hội mới và họ phải xây dựng ý thức hệ mới để lãnh đạo cách mạng mới.

Nếu Doãn quốc Sỹ đã đưa lên một con người hiền mới có thể là hình ảnh của người sĩ phu mới theo truyền thống dân tộc lãnh đạo mạng và lãnh đạo xã hội mới thì nhóm nhà văn “Quan điểm” đã muốn đặt định vai trò lãnh đạo cách mạng cho giai cấp tiểu tư sản cho người trí thức âu hóa. Trong lúc Nghiêm Xuân

Hồng xây dựng ở thức hệ cho con người trí thức đó thì Vũ Khắc Khoan tìm cách minh chứng vai trò lãnh đạo cách mạng của nó trong “Thần tháp Rùa” và Mặc Đỗ diễn tả cuộc sống của những con người trí thức tiểu tư sản quốc gia chống cộng không có ý thức hệ trong “Bốn mươi”, « Siu cô nương ». Người trí thức tiểu tư sản hôm nay đã nhận thấy trách nhiệm lãnh đạo cách mạng và lãnh đạo xã hội của họ. Họ phải gánh lấy vai trò kẻ sĩ của xã hội cũ trong xã hội mới. Nhưng họ thiếu ý thức và họ đang đi tìm ý thức hệ. Văn học ngày nay như thế có phải là văn học của kẻ sĩ mất cách mạng đang đi tìm cách mạng, của người thức thiếu ý thức hệ đang đi tìm ý thức hệ?

*

Trong hoàn cảnh dân tộc hiện tại, cách mạng và văn học đã muốn đi cùng một đường, đã muốn lãnh lấy vai trò đổi mới tư tưởng, đổi mới xã hội. Con đường tiến tới của cách mạng và văn học chúng ta còn dài và mỗi ngày mỗi đẩy nặng thêm tính chất đấu tranh, xây dựng xã hội mới.

Cách mạng và văn học chúng ta mang những tính chất của truyền thống dân tộc, của tổng hợp tư tưởng Đông Tây, là cách mạng và văn học khai phá, giải phóng. Cả hai đều mang trách nhiệm đập phá những lực lượng hủy hoại của cộng sản và tư bản, đã phá những thoái hóa của tư tưởng, những bất công của xã hội, lột trần bộ mặt xã hội cho xã hội tự nhìn

thấy mình để đổi mới. Cả hai đều mang nhiệm vụ tìm hiểu con người, đời sống và xã hội cụ thể và sống động với một nhãn quan mới để xây dựng ý thức hệ mới.

LÝ HOÀNG PHONG

NHẬN ĐỊNH VỀ THƠ HẬU CHIẾN

LÊ HUY OANH

Nếu thi ca Việt Nam trước cuộc chiến tranh Việt Pháp (trước năm 1945) ngược lên đến thời Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, được tạm gọi là thơ Tiền Chiến thì ta có thể gọi thi ca sau hiệp định Genève là thơ hậu chiến¹. Dĩ nhiên cách phân chia thời kỳ trong văn

1 Cũng có người lấy cuộc thể chiến thứ hai để làm mốc phân chia hai thời tiền chiến và hậu chiến Theo ý tôi thì cách phân chia đó không được thuận tiện cho công việc phân định thời kỳ văn học của nước ta trong lúc đất nước bị chia hai (trước kia là gián tiếp, từ sau hiệp định Genève là trực tiếp) vì chúng ta chỉ nói tới văn học của khu Tự do thôi.

học cũng chả cần phải tuyệt đối, trong vài trường hợp có sai biệt dăm ba tháng, một hai năm cũng chẳng sao cả. Chẳng hạn thời đại văn học Victoria của văn học Anh đâu có bị đặt khuôn khổ đúng khớp với khoảng thời gian trị vì của nữ hoàng Victoria.

Hôm nay tôi muốn phát biểu một vài ý kiến về thơ hậu chiến tại xứ ta, không kể đến khu vực cộng sản, nơi mà đa số các nghệ sĩ bị bắt buộc phải ca tụng bác và đảng một cách gượng gạo giả dối.

Có những kẻ bi quan kêu lên rằng thi ca Việt nam thời hậu chiến xuống dốc mất rồi. Vài kẻ lạc quan đặc ý tuyên bố thời hậu chiến là thời đại Hoàng Kim của thi ca Việt nam. Có người cho rằng thi ca hậu chiến cũng tầm tầm vậy thôi không đến nỗi nghèo nàn lắm mà cũng chẳng đáng coi là phong phú. Những

nhận định đó có khác nhau như vậy cũng chẳng phải là điều lạ. Bàn về văn học thì mỗi người mỗi ý, mâu thuẫn nhau đôm đốp là chuyện rất thường vậy. Tuy nhiên bàn định về văn thơ vẫn cứ là một điều rất nên làm nếu không bảo là cần thiết. Ý kiến thành thật của mỗi người thế nào thì cứ việc nêu ra. Vì vậy tôi xin trình bày ý kiến của riêng tôi về thi ca hậu chiến.

Các người làm thơ thời hậu chiến nhiều lắm, đếm không xuể. Báo chí sách vở đăng thơ nhan nhản: thơ cũ, thơ mới, thơ tự do, thơ phá thể, thơ nửa cổ nửa kim. Thịt heo sợ thiếu chứ thơ không sợ thiếu. Cứ bỏ ra trăm bạc mua sách báo bán son ở vỉa hè thì đọc thơ đến cả năm không hết. Ngoài những tạp chí, các báo hàng ngày cũng đăng rất nhiều thơ. Có bài thơ tả mối tình đầu ngày thơ trong sạch được đặt ngay bên ô quảng cáo về

thuốc chữa bệnh giang mai hay thuốc Tam tinh Hải cầu bổ thận hoàn của nhà thuốc Võ Văn Vân. Có bài thơ lành mạnh hùng tráng được đặt ngay bên cái tin một thanh niên trêu gái ngoài đường nhưng rủi bị gái có võ judo quật ngã gãy răng.

Người Việt nam vốn sinh thơ, rất nhiều người thích làm thơ. Chính khách làm thơ, nhà buôn làm thơ, chủ xí nghiệp làm thơ, tu sĩ làm thơ học trò, giáo sư, thợ thuyền, chiến sĩ, giới nào cũng nảy ra hàng chục, hàng trăm người làm thơ. Thi đoàn nọ thi đoàn kia xuất hiện nườm nượp chẳng khác gì tình trạng bát nháo của thi ca nước Pháp sau cuộc thể chiến thứ nhất. Thường ai cũng coi thơ của chính mình hoặc của những bạn trong nhóm là hay, còn thơ của đa số người khác là dở. Đó cũng là tính thường. Các nhà thơ bảo thủ thường đả

kích các nhà thơ tự do hoặc có những thái độ cấp tiến. Nhưng ngay trong hàng ngũ bảo thủ hay trong hàng ngũ cấp tiến cũng có sự mĩa mai khinh thị nhau. Hãy nhìn vào trường hợp thứ hai: Nguyên Sa dè bủ thơ Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên phê bình thơ Nguyên Sa là hời hợt nông cạn, Thạch Chương gọi Cung Trầm Tưởng là Bà huyện Thanh Quan [2], Cung Trầm Tưởng rất khổ tâm khi đọc thơ Quách Thoại. Những thái độ đó hoặc thành thật, hoặc muốn đim nhau, hoặc có thiên kiến vì ác cảm. Trường hợp khác là có một số những nhà thơ cấp tiến như Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Tô Thùy Yên đã có một đạo hăng hái sôi nổi lắm. Họ phá phách rất dữ, phủ nhận tất cả những giá trị của thơ tiền chiến, cho Huy Cận, Xuân Diệu, Bích Khê, Tản Đà, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương vào ... rọ hết. Họ tuyên bố sẽ

gắng công xây cất một đài thơ hôm nay thật cao thật đẹp. Thái độ của họ gần giống như thái độ của những nhà thơ đa đa hay siêu thực Pháp thời kỳ mới xuất hiện.

Các tay ngự sử xuất hiện khả nhiều trên thi đàn, hạ bút phê phán một cách rất tự nhiên những mầm non và những cây cổ thụ. Khen chê thành thật cũng có mà khen chê ầu cũng có. Mạnh ai người ấy nói, ai muốn tin thì cứ tin, chẳng tin thì . . . hòa cả làng. Trong việc phê bình, sự thành thật và óc sáng suốt thường bị cảm tình và thiên kiến phá hoại Những trường hợp “mẹ hát con khen hay” nhiều lắm. Anh nọ chị nọ viết mười bài thơ. Một người bạn liền ca tụng giới thiệu anh, chị đó với mọi người. Rồi tán rộng, tán nhảm. Rồi trích thơ. Rồi in ảnh. Rồi viết tiểu sử: sanh năm nào, phá ngang

việc học để phụng sự nghệ thuật bắt đầu từ năm nào, đã bị đau khổ bao nhiêu lần vì yêu chẳng hạn. Giữa cái chợ thơ hôm nay, tiếng rao hàng tới tấp và vàng thau lẫn lộn. Dĩ nhiên vàng rất ít mà thau thật nhiều. Chứng kiến cảnh này những kẻ thức giả yêu nghệ thuật, hiểu nghệ thuật không biết nên cười hay nên khóc.

Một vài quái thai văn nghệ ra đời. Chẳng hạn người ta thấy cả một ông Phạm Thanh « soạn » một quyển Thi Nhân Việt Nam hiện đại quy tụ cả những nhà thơ tiền chiến lẫn những nhà thơ hậu chiến. Ông họ Phạm ấy đã trích lại gần hết những bài thơ mà Hoài Thanh, Hoài Chân đã trích trong Thi Nhân Việt Nam trước kia vào sách mình, thêm vào những lời phê phán giới thiệu có những chỗ nông cạn dò dẫm sai lạc về mỗi nhà thơ. Ngoài những nhà thơ xứng đáng,

có khá nhiều cây bút tầm thường cũng được ông Thanh nêu ra: nào Lê Văn Tấn, Trần Gia Thoại, Cử Tạ, Vũ Đức Trinh, Hồng Trung, Tuấn Giang. Nguyễn Thu Minh v.v... Ông Phạm Thanh còn quên mất « thi hào »... Bút Trà!

Cứ nhận định theo lối ông Phạm Thanh thì nước mình trong lúc này phải có hàng vài ngàn thi sĩ. Ông Phạm Thanh phải soạn thêm vài chục cuốn thi tuyển để nhà Khai Trí xuất bản chứ. Có những thi sĩ đứng đắn đã phải đỏ mặt, khi thấy mình bị ông Phạm Thanh giới thiệu trong sách. Đặt Hàn Mặc Tử, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương v.v... vào với những ông Thần Liên Lê Văn Tấn, Vũ Đức Trinh, Trần Gia Thoại chẳng hạn thì thật là ... loạn. Cũng may cho một số thi sĩ có tài như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên ... không bị ông Phạm Thanh

chiếu cố đến. Ấy thế mà nghe đầu hình như cuốn Thi Nhân Việt Nam Hiện Đại lại bán đắt mới . . . đau lòng chứ. Loại thi tuyển đang hiếm mà. Xin chịu ông chủ nhà sách Khai Trí là rành tâm lý người đời. Ông giàu là phải lắm.

Các thi sĩ có năm, bảy hạng thì người đọc cũng có chín, mười hạng. Nhưng hạng bảo thủ chiếm đa số. Vì thế những tập thơ tái bản của những cây viết thời tiền chiến sót lại như Vũ Hoàng Chương hay Bàng Bá Lân bán chạy lắm. Trong khi đó thơ của các thi sĩ trẻ tuổi quá ế ẩm, hoặc không nhà xuất bản nào chịu in. Một thi sĩ xứng đáng là Tô Thùy Yên muốn xuất bản một tập thơ của mình mà chưa tìm nổi một Mạnh Thường Quân của ngành xuất bản. Cung Trầm Tưởng, Thanh Tâm Tuyền hay Nguyên Sa, mỗi người cũng chỉ mới in được một tập thơ

mỏng mảnh. Hoàng Anh Tuấn có sẵn cả hàng ngàn bài thơ mà chưa có dịp xuất bản.

*

Một đặc điểm của thơ hậu chiến là lãng mạn, ủy mị, than mây khóc gió nói rất nhiều về đàn bà, về tình yêu, sung sướng, thất vọng, đau khổ. Em em anh anh, nàng nàng tôi tôi ngự trị rất nhiều trong các bài thơ. Giọng thơ nào cũng đắm lệ. Đặc điểm thứ hai của thơ hậu chiến là bày tỏ những nỗi cô độc, bơ vơ của thi nhân. Một số nhà thơ tưởng mình là những « Trích tiên » lạc xuống cõi trần. Họ ngồi lì trong « tháp ngà » một mình kêu buồn, kêu mỏi, kêu bơ vơ để coi rẻ cuộc đời và thương mình. Nhan nhản những danh từ hoặc từ ngữ như

bơ vơ, cô liêu, em ơi, hoa sim tím, ngần lệ thân thờ, lá vàng rơi, gửi về Nhung, gửi về Tuyết, oán thương, xử mộng, xử đau buồn, lang thang, thốn thức, đơn côi, buồn tê tái, buồn le lói, lãng quên, man mác, vu vơ... nằm trong hàng vạn bài thơ « chấp chữ » một cách vụng về của những thanh niên mới lớn, và của cả những thanh niên đã lớn từ lâu. Đã đành rằng tính chất trữ tình là một trong những tính chất tất yếu của thơ, và ái tình là một cái gì rất đẹp để đáng cho các thi nhân muôn đời ca ngợi. Nhưng không gì khổ tai khổ mắt người đọc bằng những bài thơ thiếu nghệ thuật bày tỏ những mối tình ... con nít vụn vặt dớ dẩn. Nhất là trong lúc này là lúc mà người thanh niên cần tốp bớt những tình cảm ủy mị. Khóc lóc ít thôi. Buồn thương ít thôi. Chúng ta là người dân một tiểu nhược quốc. Mộng mị than thở nhiều quá thì

rồi dân tộc làm sao ngóc cổ lên được.

Thật ra những tình cảm điên cuồng hoặc uỷ mị, những nỗi tâm sự u uất, cô độc như kể trên đã từng được thể hiện nhiều trong thơ của những thi hào như Lý Bạch, Cao Bá Quát. Nguyễn Gia Thiều, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Baudelaire, Rimbaud... nhưng thơ của họ vẫn bất hủ và đáng cho độc giả của bất cứ thời nào đọc, nhờ có nghệ thuật thật cao. Lấy những thí dụ gần đây: một bài Kỳ nữ của Đinh Hùng, một Bài Blues số một của Hoàng Anh Tuấn hoặc một bài Dạ Khúc của điên cuồng hốt hoảng vì hoa hương, rượu mạnh, nháy mắt, đau khổ Thanh Tâm Tuyền chẳng hạn, tuy có nói về đàn bà, có bày tỏ sự tuyệt vọng, người đọc có thể coi những bài này là không « lành mạnh » nhưng vẫn cần có chúng để làm dịu nỗi khao

khát nghệ thuật vì giá trị nghệ thuật của chúng rất cao đến độ đặt được mọi thái độ, mọi tình cảm, mọi nhân sinh quan vào cái Đẹp. Và cái Đẹp thì bất diệt. Thơ Baudelaire nói lên nhiều cái sa đọa, trụy lạc, hèn yếu của con người nhưng có kẻ thức giả nào dám hô hào vứt bỏ thơ ông vì nó không lành mạnh đâu. Nếu đau khổ, lãng mạn, mê cuồng để làm thơ hay như Baudelaire hoặc Verlaine thì cũng nên giữ lấy cái thái độ sống đó lắm.

Baudelaire, Verlaine hay Nguyễn Gia Thiều, Hàn Mặc Tử, Tản Đà không còn là người phạm tục. Họ là những thần minh soi đường cho thế nhân vào thưởng thức cái thế giới say mê tuyệt diệu của nghệ thuật, đồng thời dạy cho thế nhân biết rõ về cái bản thể cuộc đời. Đọc thơ họ ta say sưa cảm động vì nghệ thuật nên ta kính phục bất cứ thái độ nào của họ. Ta

không còn lợm giọng khi biết họ bị bệnh giang mai, nghiện ma túy, nghiện rượu, đồng tính ái, si tình, đam mê hoặc khóc trên ngực những con đĩ môi nâu, mắt đỏ, đầu tóc bù xù. Họ là những kẻ đã hy sinh thân thể để mở rộng tư tưởng và sự khôn ngoan của loài người. Trong một nghệ thuật cao, bất cứ đối tượng nào cũng có thể tốt đẹp được cả.

Nhưng nếu ở một trình độ nghệ thuật thấp hơn thì thơ lãng mạn chỉ hợp với từng thời đại. Và cái tinh thần lãng mạn chỉ hợp với thời tiền chiến chứ không thể hợp với thời hậu chiến. Nếu cố ý làm thơ lãng mạn trong lúc này, trong khi không đạt tới một nghệ thuật cao thì những thơ đó ắt phải bơ vơ lạc lõng giữa xã hội hoặc gây phương hại lớn lao cho xã hội. Chỉ những tâm hồn thấp kém, vô trách nhiệm và nghèo nàn về thẩm mỹ mới

còn có thể say sưa rung cảm được với những Giọt Lệ Thu của bà Tương Phố, Hai Sắc Hoa Ty Gôn của T. T. KH. hoặc « Anh nhớ tiếng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh – Anh nhớ em, anh nhớ lắm em ơi » trong Tương tư, Chiều của Xuân Diệu (Dĩ nhiên những bài như Huyền Diệu, Nguyệt Cầm (Thơ Thơ), Buồn đêm mưa, Tràng Giang, Ngậm ngùi (Lửa thiêng, Huy Cận) thì vẫn có thể hợp với bất cứ thời đại nào vì những bài thơ như thế đã là những con thuyền nhỏ cắm neo ngoài dòng thời đại (nói theo kiểu Lưu Trọng Lư khi nhận định về Tây Sương Ký của Vương Thực Phủ và Romeo and Juliet của Shakespeare).

Xét xong, ta nhận thấy những kẻ yêu thơ và thiết tha với sự sống còn của dân tộc rất lấy làm khổ tâm về hàng ngàn bài thơ đã phát biểu những tâm sự ủy mị lãng

mạn cô độc, run rẩy của nhiều người cầm bút lúc này, nhất là những bạn trẻ. Giữa cuộc sống vật lộn trầm trọng như hiện thời thiết tưởng các cây viết nên hăm bớt những nỗi niềm tâm sự ích kỷ ai oán đi thì hơn. Nếu không thì những sản phẩm sáng tạo làm ngăn trở sự tiến hóa của quốc gia mà cũng chẳng làm giàu thêm cho nghệ thuật được chút nào cả. Bây giờ là lúc khu vực Tự do đang bị cộng sản đe dọa. Nếu muốn bảo vệ sự tự do, chúng ta phải nuôi dưỡng tinh thần chiến đấu, đốt lên một ngọn lửa tin tưởng trong tâm hồn những người chung quanh. Vả chăng Việt Nam vốn là một nước nhược tiểu và cần phải thoát khỏi tình trạng nhược tiểu. Một tinh thần lãng mạn ủy mị sẽ là chướng ngại cản bước tiến của dân tộc.

Trái lại có những cây viết đã làm

những bài thơ « lành mạnh » với một kỹ thuật ấu trĩ, tầm thường. Do đấy thiện chí của họ đâm ra lỗ bịch. bài thơ dở làm cho độc giả bức mình, gây ra một sự khinh thị trong tâm hồn độc giả thì làm sao có thể truyền những tư tưởng hùng mạnh cho độc giả được. Người ta không thể nào « lành mạnh hóa » xã hội bằng một thứ nghệ thuật kém cỏi. Thà dùng những phương tiện khác thì có kết quả hơn. Các cây viết đó hò hét i uông, làm thơ « con cóc » để nêu ra tôn chỉ này, tôn chỉ nọ, lý tưởng này, lý tưởng kia, lên mặt mô phạm kêu gọi, khuyên lơn các người đồng loại hãy sống cuộc đời lành mạnh hoặc hun đúc tinh thần chiến đấu, hoặc noi theo gương sáng của đảng này đảng khác. Lời kêu gọi của họ do đấy là những tiếng kêu ngớ ngẩn thất thanh giữa sa mạc. Thú thực là trong lúc này ở lãnh vực thi ca, nước ta chưa có một cây bút chiến

đấu nào vững vàng cả. Cái tính chất đấu tranh thấp thoáng trong Tôi không còn cô độc của Thanh Tâm Tuyền thì lại phổ quát quá nên có những chỗ không thiết thực với thực trạng xã hội hiện thời. Đó mới chỉ là cách mạng thuần túy chứ chưa phải cách mạng thực hành. Chúng ta mong mỗi chờ đợi sự xuất hiện của những thi sĩ xã hội có tài. Tô Thùy Yên hình như muốn phủ nhận những giá trị cũ của thơ ông để hướng công việc sáng tác vào quảng quần chúng, cùng quần chúng mở cuộc « thám hiểm » những con đường đưa dân tộc đến những chặng tiến hóa mới ở mọi lãnh vực. Cả Cung Trầm Tưởng cũng thế. Nguyên vọng họ sẽ có được thực hiện một cách tốt đẹp không? Tương lai sẽ trả lời.

Trong vườn thơ hậu chiến, chúng ta còn thấy rất nhiều những bông hoa... giấy. Đó là những bài thơ hời hợt nông cạn phát biểu những tình cảm, những kinh nghiệm hoàn toàn giả tạo. Có những cậu “mỏ trắng” mặt mũi còn non choẹt, miệng còn hơi mùi sữa mẹ đã làm thơ tỏ ý ái ngại cho kiếp sống của... gái nhảy, hoặc « dạy dỗ » những bậc đàn anh, Có những ông sợ vợ như sợ cọp, chuyên môn luôn cúi để cầu danh, ăn bơ sữa, ngủ giường nệm mà cũng dám làm thơ « hùng » nói tới « mài gương dưới nguyệt » « da ngựa bọc thây » “đường lên ải Bắc » « kinh ngạc vầy vùng ». Có những ông làm thơ đặc giọng hiện sinh kêu Xanh giéc-manh-đề-prê, nhưng chủ trương lấy vợ còn trinh tiết, biết thờ chồng nuôi con đúng như một hiền phụ Á đông.

Về thơ hậu chiến, có vài trường hợp đặc biệt tôi thấy cần phải nêu ra. Trước hết là trường hợp Thanh Tâm Tuyền. Nhà thơ này vốn được coi như người cầm đầu phong trào thơ Tự do của thời hậu chiến. Ông đã thành công trong thơ Tự do, một lối thơ tưởng dễ dàng mà thật ra khó thành công. Thơ tự do tuy nhiều khi không có vần nhưng nó có một nhịp tiết riêng và linh động, một thứ nhạc điệu rộng rãi không bị chèn ép trong khuôn khổ. Nhịp tiết ấy lệ thuộc hoàn toàn và tài nghệ của mỗi nhà thơ. Đọc những bài thơ như Phục Sinh, Nhịp ba, Mưa ngủ (Tôi không còn cô độc), Mặt trời tìm thấy (Sáng tạo bộ mới số 1) của Thanh Tâm Tuyền hoặc những bài Hãy đưa tôi ra bờ sông, Có phải em về đêm nay của Nguyên Sa (Thơ Nguyên Sa.) ta thấy mỗi bài có một tiết tấu, một nhịp điệu riêng, do đấy mỗi bài một sức quyến rũ riêng,

Sáng tạo nổi một sức quyến rũ cho thơ chẳng phải là một việc dễ dàng. Cái khó thứ hai là tạo cho thơ một sức truyền cảm hoặc gợi cảm muốn làm được công việc đó, nghệ sĩ cần tìm những đối tượng đặc sắc (đặc sắc cả trong cái tầm thường) và đặt một mục đích sáng tạo thích đáng. Cuối cùng, người sáng tạo phải tổng hợp hai yếu tố đó. Dĩ nhiên sức quyến rũ và truyền cảm, gợi cảm của thơ đều tùy thuộc vào nhau. Cho nên, muốn thành công trong lối thơ Tự do, người nghệ sĩ cần phải có đủ khả năng làm mê hoặc và thuyết phục nổi lòng người. Cái khả năng đó nếu phong phú, mạnh mẽ thì đó là thiên tài vậy.

Một số đông thanh niên đã theo Thanh Tâm Tuyền đi vào lãnh vực thơ tự do nhưng rất ít người thành công. Đa số chưa quan niệm đúng thế nào là thơ tự

do; một số ít – trong lúc đó có nhà thơ “tài tử” Trần Thanh Hiệp hiểu được nguyên tắc thơ tự do nhưng không đủ khả năng thực hiện nguyện vọng sáng tác của họ. Trong số những bài thơ Tự do không phải của Thanh Tâm Tuyền dĩ nhiên ta cũng thấy có những bài thiết hay nhưng rất ít: phần nhiều đều sai lạc, tồi dở, lập dị làm hại cho thơ Tự do rất nhiều. Họ làm tưởng rằng làm thơ Tự do nghĩa là muốn nói sao thì nói, muốn viết thế nào thì viết rồi họ cố ý làm cho thơ thành tối tăm, kỳ cục, mà không hề để ý đến những yếu tố căn bản nhằm tạo cho thơ có một sức quyến rũ và truyền cảm hoặc gợi cảm. Do đấy họ đã làm quần chúng ghê tởm thơ Tự do, thứ thơ mà một số đông nghệ sĩ quốc tế thế kỷ thứ 20 đã đạt được bằng kinh nghiệm, bằng sự khôn ngoan và lòng can đảm. Thơ Tự do tiêu biểu cho những nghệ sĩ thèm khát tự do,

yêu mến nghệ thuật, muốn tìm những lối đi mới để phong phú hóa nghệ thuật.

Thanh Tâm Tuyền là người đã thành công trong lối thơ Tự do cao quý ấy, thế mà oái ăm thay, thơ ông lại rất nhiều người mặt sát, đả kích thậm tệ² coi ông là kẻ lập dị, bịp bợm hoặc điên khùng. Người ta công kích ông tới tấp, đập lên đập xuống khiến ông hình như cũng có một thời kỳ hoang mang nghi ngờ cả nguyên tắc và đường lối sáng tạo của mình. Đến nay, những người giàu óc thẩm mỹ bắt đầu nhận thấy cái chân giá trị của thơ Thanh Tâm Tuyền. Trường hợp Thanh Tâm Tuyền rồi đây có lẽ sẽ trở nên tương tự với những trường hợp Mallarmé hay René Char.

2 Cách đây chừng 3 năm, chính kẻ viết bài này cũng đã từng có lần đã kích thơ Thanh Tâm Tuyền. Bây giờ mỗi lần nghĩ lại thái độ của mình dạo ấy, tôi lại cười thầm. Nhưng cả lúc ấy lẫn lúc này, tôi đều thành thực.

Nhưng hiện thời, phần đông quần chúng nước ta vẫn chưa thưởng thức nổi thơ ông vì tương đối nó có vẻ tri thức và tân kỳ quá. Tôi nhớ đến Tống Ngọc, một văn nhân đẹp trai thời Chiến quốc, sở trường về lối thể - từ. Vua Sở có lần hỏi Tống Ngọc rằng: « Tại sao tiên sinh bị người ta chê bai thậm tệ như vậy? » Tống Ngọc trả lời: « Có một người đến ca ở kinh đô, mới đầu y hát khúc Hạ lý ba nhân có chừng vài nghìn người hợp lại cùng họa theo: đến khi y hát khúc Dương a phỉ lộ là khúc hát ít thông thường hơn thì số người họa theo còn độ vài trăm: cuối cùng y hát khúc Dương xuân bạch tuyết cao hơn và tân kỳ hơn thì chỉ còn vài chục người họa mà thôi » ... Nêu ra chuyện này, tôi không có ý so sánh Tống Ngọc với Thanh Tâm Tuyền nhưng để kết luận rằng: nghệ thuật càng cao bao nhiêu thì người thưởng thức càng ít,

nhất là trong lúc đầu khi nó mới được sáng tác. Tài nghệ Tống Ngọc thật ra cũng không cao diệu gì nhưng lời chàng quả thật là hữu lý.

Trong xã hội nước ta ngày nay, giữa lúc tiểu thuyết của Bà Tùng Long, Dương Hà, Phú Đức, Lê Văn Trương bán đắt như tôm tươi, giữa lúc các báo hoặc tạp chí như Saigon Mới, Phụ nữ ngày mai, Văn nghệ tiền phong bán rất chạy, giữa lúc những vở tuồng cải lương hạ cấp gặt ra không hết khách xem, thì thơ Thanh Tâm Tuyền bị nhiều người chê bai là một điều không lạ gì. Huống chi xã hội nước ta vốn là một xã hội có nhiều tính chất bảo thủ không thể nào làm quen nhanh chóng với những cái gì đi ra ngoài lối mòn, dầu rằng con đường mới cũng có nhiều hoa thơm cây quý. Phải một thời gian lâu dài nữa quần chúng mới có thể

cảm thông được với những bài thơ như Phục Sinh, Mưa ngủ, Chim hay Nhịp ba trong Tôi không còn cô độc.

Tuy nhiên, với nhận định của tôi lúc này, tôi vẫn còn gặp trong thơ Thanh Tâm Tuyền một số thực tế tối om om mà tôi không thể nào tìm được cái tính chất gây rung động là tính chất thiết yếu của thơ. Nhưng thật ra rất ít nghệ sĩ được coi như hoàn hảo vì trong lãnh vực nghệ thuật không có một sự nghiệp nào tránh khỏi được ít nhiều cái không vừa lòng người đọc. Đọc thơ của các thi sĩ siêu thực Pháp chẳng hạn, nhiều khi ta khoái trá thích thú với những bài thơ thật tân kỳ, sâu sắc nhưng cũng không hiếm những lúc ta thấy « bực mình » vì những bài thơ « hũ nút » làm vỡ đầu người đọc chứ không gây được rung cảm trong lòng người đọc. Một bài Amour Fon của

Breton, nhiều đoạn trong Les Chants de Matdoror của Lautréamont hoặc nhiều bài thơ của René Char tôi đã đọc đi đọc lại, suy nghĩ tìm tòi hoài mà cũng chỉ có ý niệm sơ sơ, không sao cảm được cái hay của chúng. Những trường hợp ấy tôi chỉ muốn liệng thơ Siêu thực đi để trở về với Villon, Baudelaire, Verlaine hay Gautier.

Về trường hợp Thanh Tâm Tuyền với thơ Tự do, tôi nghĩ rằng: một quốc gia tiến hóa mau chính là nhờ ở những cuộc cách mạng thường trực: văn nghệ cũng thế. Những hành động cách mạng như của Thanh Tâm Tuyền trong lãnh vực nghệ thuật dĩ nhiên chỉ làm lợi chứ không làm hại văn học một khi mà người ta nhận được cái giá trị đích thực của chúng. Có Thanh tâm Tuyền, nền văn học nước ta giàu sang thêm, phong

phú thêm rất nhiều. Vườn thơ Việt Nam từ xưa đến bây giờ vốn đã có nhiều đóa hoa quý, nay lại có thêm những đóa hoa lạ. Mỗi lối thơ đều có cái hay riêng nếu có được những nghệ sĩ có tài sử dụng. Bất cứ ở hình thức nào, một áng thơ hay vẫn có thể làm say mê độc giả. Những tâm hồn phong phú có thể thưởng thức được những cái hay riêng biệt của thơ Đường, của thơ Mới hay của thơ Tự do. Cái đẹp của nghệ thuật có trăm hình trăm vẻ mà. Chính vì thế cho nên một người yêu thơ Thanh Tâm Tuyền có thể vẫn yêu thơ của Đinh Hùng chẳng hạn tuy rằng hai giọng thơ của hai thi sĩ đó gần như khác biệt hẳn nhau. Riêng tôi khi đi vào tác phẩm Tôi không còn cô độc tôi quên mất Đinh Hùng nhưng đi vào tác phẩm Mê hồn ca tôi lại quên mất Thanh Tâm Tuyền. Ở « thế giới » thơ Thanh tâm Tuyền, tôi say sưa với một

bầu không khí mới, với những cảnh sắc mới, những ngôn ngữ nghệ thuật mới. Ở « thế giới » thơ Đinh Hùng tôi lạc vào một khu vực u huyền quái đản nhưng đẹp đến làm tôi ngây ngất. Mỗi nơi có những hương sắc riêng, những âm điệu riêng, những nhân vật riêng, nhưng mỗi nơi đều có cái quyến rũ riêng. Tuy nhiên vì hai thế giới thơ của Đinh Hùng và Thanh Tâm Tuyền khác biệt nhau cho nên có những người vốn dè dặt với các trào lưu văn nghệ tân tiến thường ưa thơ Đinh Hùng nhưng không ưa thơ Thanh Tâm Tuyền, ngược lại, có những thanh niên cấp tiến thường nói chuyện với tôi họ ít rung cảm được với thơ Đinh Hùng. Lĩnh vực hoạt động của nghệ thuật rộng lắm. Dĩ nhiên là có nhiều khi tôi đã tạm biệt Thanh Tâm Tuyền hay Đinh Hùng để tới thăm một Tô Thùy Yên một Trần Thy Nhã Ca hay một Phan Lạc Tuyên. Và

tôi vẫn thường đi về quá khứ để gặp Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận, Bích Khê, Chế Lan Viên, Tản Đà, Trần Tế Xương hay Cao Bá Quát. Lĩnh vực nghệ thuật càng rộng, óc thưởng ngoạn của người ta càng thỏa mãn hơn.

Trong Sáng Tạo số 2 và số 4 bộ mới, Thanh Tâm Tuyền và một số đồng bạn (hăng hái nhất là Trần Thanh Hiệp và Duy Thanh) đã lên tiếng phủ nhận giá trị của thơ tiền chiến. Hành động này gây bức tức trong giới yêu văn nghệ. Riêng tôi nhận định về trường hợp này như sau: chúng ta rất có lý khi bảo rằng họ có thái độ chủ quan, quá khích: ta có quyền không chấp nhận cái thái độ đó, nhưng cũng đừng nên kết án nó. Thái độ như vậy có những khi rất cần thiết vì nó chính là cái động lực thúc đẩy sự sáng tạo, thúc đẩy nghệ sĩ đi tìm những cái

hay cái đẹp mới mẻ. Nếu quả thật họ làm giàu cho nghệ thuật thì rất hay, nhưng nếu họ không làm được gì thì ta có thể coi đó là một thái độ bông bột.

Một người nữa cũng có công trong việc truyền bá thơ Tự do tại Việt Nam là Nguyên Sa, tác giả tập Thơ Nguyên Sa (1957). Tuy mặc lấy hình thức tự do nhưng thơ Nguyên Sa có vẻ mực thước sáng sủa hơn thơ Thanh Tâm Tuyền; Nguyên Sa đã pha trộn thơ tự do với thơ có vần, có nhịp tiết thông thường – Ở tập Thơ Nguyên Sa bên những bài thơ có hình thức phóng túng như Cho thuê, Tôi sẽ bỏ đi rất xa, có những bài thơ có vần và khuôn thước như Đẹp, Tuổi mười ba. Cái tự do trong Thơ Nguyên Sa là thứ tự do dè dặt. Trong việc sáng tác, Nguyên Sa thận trọng rào đón thị hiếu của các tầng lớp độc giả nhưng về tài nghệ ông chỉ là

một người có hoa tay, khéo nói và khéo chụp hình ảnh. Do đấy thơ ông có nhiều những vẻ đặc sắc giả hiệu đọc lướt qua ta tưởng có những gì đáng kể những đọc kỹ ta thấy chúng chỉ là những tiểu xảo. Tôi không thể nào rung cảm được với những bài Di Chúc, Nga, Gặp gỡ, Gọi em... Tuy nhiên tôi cũng thấy rung cảm ít nhiều với đôi ba bài như Tôi sẽ bỏ đi rất xa, Bài hát Cửu Long... Trường hợp Nguyễn Sa có điểm khác biệt với trường hợp Thanh Tâm Tuyền, lần đầu tiên đọc thơ Thanh Tâm Tuyền có rất hiếm người không nổi giận bực mình nhưng càng đọc kỹ, ta mới thấy thơ Thanh Tâm Tuyền lóe ra những tia sáng của thiên tài. Nghệ thuật thường có những trạng huống rắc rối phức tạp như vậy.

Cùng trong lớp những thi sĩ cấp tiến còn có Tô Thùy Yên và Cung Trầm Tưởng.

Tô Thùy Yên có nhiều triển vọng lắm. Ông có một ngôn ngữ thi ca riêng biệt khác với Thanh Tâm Tuyền và Nguyên Sa. Thơ ông vững vàng nhờ những hình ảnh chính xác mà tân kỳ, nhờ lối hành văn sáng sủa mực thước nhưng không tầm thường. Thái độ của Thanh Tâm Tuyền là cái thái độ cách mạng trí thức tựa như của Breton hay Eluard còn thái độ của Tô Thùy Yên lại có vẻ bản khoản, thách thức đôi khi đến đau đớn của những kẻ giàu suy tư. Chính vì thế nên cho đến bây giờ Tô Thùy Yên hình như vẫn phân vân về mục tiêu sáng tạo của mình. Dẫu sao thì Tô Thùy Yên đã tỏ ra mình là một người rất giàu tài năng trong lãnh vực nghệ thuật. Rải rác trong những tạp chí, tôi đã được thưởng thức nhiều bài thơ thiết hay của Tô Thùy Yên như Cánh đồng con ngựa chuyển tàu, Tôi, Thân phận của thi sĩ, Đêm qua bắc Vàm

Cổng, Những ý nghĩ vào buổi chiều trên bãi biển, Bài học về vạn vật, Tự do v.v...

Còn về Cung Trầm Tưởng tôi chỉ ư một số những bài thơ ông làm sau tập Tình Ca. Phần nhiều những bài thơ trong Tình Ca chỉ là những tâm sự của thanh niên Việt mới lớn sống lạc lõng ở Balê, rồi đi nháy, rồi mê đắm, rồi buồn, rồi uống rượu, rồi pha trộn kỹ thuật Tây Phương với kỹ thuật Việt Nam vào việc sáng tác thơ. Nhưng tài nghệ cũng như tư tưởng của Cung Trầm Tưởng trong Tình Ca không có gì đặc sắc nếu không muốn nói là dở. Tuy nhiên ở Tình Ca cũng có đôi ba bài đáng gọi là hay như Những mái nhà những vì sao hoặc Khoác kín. Những bài thơ mới đây của Cung Trầm Tưởng như Tật Nguyên, Đam mê, Thoát sắc v. v. . . cũng đáng được coi là những áng thơ đặc sắc. Các bài này chứng tỏ

Cung Trầm Tưởng sau tập Tình Ca đã bắt đầu đổi hướng cả về tư tưởng lẫn kỹ thuật. Chúng ta hãy chờ xem.

Trường hợp Quách Thoại cũng cần nêu ra. Có một số người, trong đó có vài người của nhóm Sáng Tạo hoặc cây viết phê bình Thế Phong đã có vẻ đề cao thơ Quách Thoại quá. Sự thực – theo tôi – thì đời sống Quách Thoại đáng ta để ý hơn là thơ của ông. Yêu nghệ thuật, làm nghệ thuật, giàu suy tư, giàu tình thương và có óc tưởng tượng phong phú nhưng Quách Thoại đã phải sống cuộc đời túng đói, khổ cực, sống nhờ bè bạn, rồi nghiện ngập, rồi ho lao, rồi đi tu, rồi chết trần trong một nhà thương thí. Cuộc đời thanh niên yếu mệnh này bi thảm chẳng khác gì cuộc đời Hàn Mặc Tử. Chính vì đau khổ như vậy nên thơ Quách Thoại chứa đựng một tình thương bao la: thương

mình, thương những kẻ đồng loại bị áp bức, bị hành hạ giữa xã hội loài người. Ông còn mong ước cho xã hội Việt Nam – xã hội của một quốc gia nhược tiểu — được thêm tươi sáng trong một chế độ dân chủ, tự do. Sự đau khổ còn đưa tâm hồn Quách Thoại lên tới chỗ siêu thiêng cao đẹp của tư tưởng. Và bất cứ trong lúc nào Quách Thoại cũng tỏ ra thành thật. Với một cuộc sống bị xâu xé giữa lý trí và đam mê, giữa những niềm tuyệt vọng vì tật bệnh xen lẫn với những phút ham sống; với một tâm hồn đầy tình thương yêu và thành thật, Quách Thoại đáng được coi là một thi sĩ. Tất cả giá trị thơ Quách Thoại là ở những điểm đó. Còn về kỹ thuật, thơ Quách Thoại tầm thường không có gì đặc sắc cả. Ông không phải là một thiên tài như Hàn Mặc Tử. Tôi đã được đọc nhiều thơ của Quách Thoại,

nhưng tôi chỉ gặp dăm bảy bài tạm gọi là hay.

Một chuyện nữa cần nói tới là trường hợp Trần Thy Nhã Ca. Một lần tôi giật mình khi đọc ba bài thơ Ngày tháng trôi đi, Thanh Xuân, và Bài Nhã ca thứ nhất của Trần Thy Nhã Ca đăng trên tạp chí Hiện Đại số 1 (tháng 4 - 1960). Ba bài này hay lắm: bố cục vững vàng, ngôn ngữ hình ảnh có nhiều điểm tân kỳ tuy hình thức thơ vẫn thuộc có văn bảy chân hoặc bốn chân. Giọng thơ đầy vẻ thiết tha, hoài cảm. Đọc ba bài này tôi thấy hồi hộp và sung sướng tưởng như mình lại nảy ra một thiên tài về thi ca. Những bài thơ sau của Trần Thy Nhã Ca lại phụ lòng kỳ vọng của tôi. Kỹ thuật thơ của cô yếu dần và ý thơ lạc lõng không làm tôi rung động nữa. Trần Thy Nhã Ca còn ít tuổi lắm mà sao tâm hồn đã sớm già cỗi?

Có không hiếm những nhà thơ khác cũng đã có những trường hợp cở điểm tương tự trường hợp của Trần Thy Nhã Ca: thỉnh thoảng tôi cũng được đọc một vài bài thơ thật đặc sắc của những cây bút mà theo ý tôi tài nghệ chưa có gì đáng kể. Đó là những món quà bất ngờ của nàng thơ mà nhiều người làm thơ thỉnh thoảng được nàng ban cho.

Nhìn chung, tôi thấy thi ca nước ta thời hậu chiến rất giàu về lượng nhưng nghèo về phẩm. Trong số cả hàng ngàn người làm thơ đăng báo hoặc in sách chỉ có đôi ba người như Đinh Hùng, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên đáng được coi là có chân tài. Riêng về Đinh Hùng, tôi chỉ muốn nói tới ông trong Mê hồn Ca. Từ sau Mê hồn Ca, thơ Đinh Hùng nhiều khi không còn giữ được phong độ cũ.

Về trường hợp Nguyên Sa, có thể đặt Nguyên Sa vào số những nhà thơ có tài không? Thật ra, Nguyên Sa mới chỉ làm nổi dăm bảy bài khả dĩ đạt được phần nào cái giá trị đích thực của nghệ thuật. Còn đa số thơ của ông chỉ là những « kẹo mút » mà người Pháp gọi là confiserie poétique. Nhưng có điều mà ai nấy đều phải nhìn nhận: đó là cái công không nhỏ của Nguyên Sa trong việc truyền bá thơ Tự do tại Việt nam, Vả chăng, « kẹo mút » cũng là cái đáng được người ta thưởng thức trong những lúc trà dư tửu hậu lắm chứ.

Còn Cung trầm Tưởng thì với sự chuyển hướng hiện nay liệu ông có sẽ gạt hái được những kết quả rực rỡ theo như lòng kỳ vọng của những người yêu thơ không?

Ngoài ra những người yêu nghệ thuật cũng để ý tới những nhà thơ có triển vọng và khả năng như Hoàng Anh Tuấn, Hoàng Bảo Việt, Trần Thy Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Viên Linh, Diên Nghi, Phan Lạc Tuyên, Duy Thanh, Kiên Giang, Vương Tân ...

Những người kể sau này cũng có những người sáng tạo được dăm bảy hoặc đôi ba bài thơ hay hoặc có sắc thái riêng biệt, nhưng đa số tác phẩm của họ chưa đạt tới mức độ tài hoa khiến cho những người yêu thơ, hiểu thơ phải thán phục.

Tôi chủ trương là một nhà thơ xứng đáng với danh hiệu thi sĩ phải là một người có chân tài. Không có những người như thế tất nhiên không có nghệ thuật đích thực, một thứ nghệ thuật làm say mê lòng người đúng như người ta

vẫn mơ ước khát khao. Ở đây tôi muốn nói đến thú nghệ thuật đó.

Trở lại vấn đề, tôi nhận định: thơ hậu chiến nghèo nàn vì thiếu những nghệ sĩ có chân tài. Đôi ba người chưa đủ để cứu vãn thanh danh của một thế hệ thi ca. Mà chẳng cứ gì thi ca, văn nghệ toàn diện của thời hậu chiến đã và đang tụt thiếu một cách thảm hại. Ở bộ môn tiểu thuyết có tác giả nào vĩ đại không? Thật ra cũng có đôi ba người viết tiểu thuyết tạo được một lối viết mới mẻ hoặc nói lên được một phần nào cái thực trạng của xã hội, nhưng chưa ai nổi bật, chưa ai dựng được một sự nghiệp đáng kể. Bộ môn kịch gần như chỉ là một số không! Bộ môn điện ảnh có gì đáng kể? — chẳng có gì cả: tôi đang chờ xem phim: Mưa lạnh hoàng hôn, xem ngành điện ảnh của xứ

mình có “ngóc đầu” lên được chút nào không. Còn ở bộ môn tân nhạc thì hình như chỉ có một mình Phạm Duy là đáng mặt danh tài. Phạm Duy thì tôi chịu lắm. Dầu sao, tôi hy vọng sẽ có thêm những thiên tài xuất hiện. Bất cứ trong thời đại nào, những áng văn chương giá trị đều vô cùng cần thiết, không có không được. Tôi nhớ tới một lời tuyên bố của thi sĩ Baudelaire: Tất cả những người khỏe mạnh đều có thể nhịn ăn được trong vòng hai ngày nhưng không khi nào có thể nhịn thơ được. Cho nên, tất cả những người yêu thơ thèm khát thơ đều mong mỏi cho tình trạng văn nghệ nước nhà chóng ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

LÊ HUY OANH

ERNEST HEMMINGWAY TRONG ĐẤU TRƯỜNG

VÀ CHÍN HỒ TRÊN XA LỘ SAI GON — BIÊN HÒA

CUNG TRẦM TƯỜNG

*Hỡi Don Ernesto, chúc bác nghỉ yên
giấc ngàn thu và mơ thấy nhiều sư tử*

(Morvan Lebesque)

Người trong ảnh là một lão già
vạm vỡ, tuổi trạc sáu mươi.
Mái tóc và bộ râu quai nón rườm rà, bạc
phau như một rừng tuyết, cũng khỏe
mạnh như cái trán cao, rộng, trên đó lồm

xuống những đường rạch dứt khoát, cho cảm tưởng là những tiềm mạch của một sinh lực phì nhiêu. Đôi mắt cup, bé lại không biết vì tuổi hay vì ranh khôn, và rất sắc ở đuôi, toát ra một tia nhìn thông minh, quỉ quyết, có thể sáng như chớp khi gặp mối. Một cái hàm vuông, vất lên tận mang tai, chống đỡ đôi môi mỏng, tham lam một cách lộ liễu, mím lại như ngậm trong miệng những mưu mô khó hiểu.

Tất cả tóc, râu, trán, mắt, môi ấy hòa hợp thành bố cục cường tráng, làm mặt lão già giống mặt một con sư tử.

Càng ngắm ảnh lão càng ngạc nhiên khi nghe tin lão chết vì vô ý tự bắn vào óc. Cái ngạc nhiên đến độ ghệt thở của một người không muốn chấp nhận cái chết thật của một tác giả lớn nó đã tin phải sống đến trăm tuổi, nó đã mẩn

phục cái lối nghĩ, kể truyện, hành văn “in our times”, nó đã mê và ngây thơ ước ao được sống cái kiểu sống của những Robert Jordan, Jack Barnes, Harry trong “For whom the bell tolls”, “The sun also rises”, “The snow of Kilimanjaro”, những thứ tender tough-guy của Greenwich Village, Chicago, Montparnasse, nghĩa là những thứ “anh chị tình cảm”, khi cứng khi mềm, khi vồ vập khi phớt tỉnh, vừa đánh lộn giỏi vừa uống rượu hay...

Càng ngắm ảnh lão càng ngạc nhiên. Cái ngạc nhiên của một người thương tiếc không một lão già mà một gã trẻ tâm hồn, vạm vỡ sức vóc, yêu sống đến tận dụng cả sức vóc vạm vỡ của mình để hưởng thụ cuộc sống, mau, nhiều và chắc nịch, yêu sống chân thành đến độ dám nhìn thẳng vào cái chết như một gã đầu bò nhìn thẳng vào trán con bò rừng,

hồn xược thách đố. Cuộc sống không có giá nào đắt bằng nên đáng được hưởng, được yêu. Yêu một cái gì là thể nào cũng nghĩ đến nó sẽ mất, sẽ vỡ, sẽ biến đi. (Ý nghĩ chia ly, thương tiếc đã nằm trong tình cảm ràng buộc). Yêu vô cùng cuộc sống là nhìn cuộc sống và cái chết trong cùng một góc nhìn, là đặt thường xuyên vấn đề cái chết, là cuối cùng chấp nhận, yêu cái chết, coi cái chết là hành vi sống tối hậu tuyệt đối tự do, có thể thỏa mãn những khát vọng lớn, khác thường mà cuộc sống đã không thỏa mãn được. Bởi vậy, tao áo mũ xênh xang xuống đấu trường, tiến, lùi, né, đánh lừa sự bổ nhào của con bò rừng bằng một tấm thảm đỏ biểu hiệu trí ranh khôn biết sống, không sợ chết của tao cùng sự ngu đần khùng khiếp của một sức mạnh vô ý thức.

Nhận định trên dẫn Hemingway đến

một quan niệm hiện sinh cụ thể, hưởng thụ tích cực, nhục dục tự nhiên và cường tráng, khiến ông vô cùng quyến rũ đối với tuổi trẻ.

Người ta thường bảo người sống lâu gần vật thì sẽ giống vật. Tôi có chứng kiến hiện tượng sau, lúc còn ở Pháp: những bà lão, bị xã hội ruồng bỏ, phải sống, tâm sự với chó, rút cục trở thành giống chó từ cặp mắt đến dáng đi, vẻ buồn. Hemingway cũng vậy, vì đã quan niệm sống là lãnh hội nhiều cảm giác mạnh như đi săn trong rừng rậm, sa mạc rồi mang da, cốt thú những chiến vật về trưng bày thường xuyên trong tâm hồn mình, chính ông đã biến thành một con sư tử. Ở đủ mọi khía cạnh từ cảm nghĩ đến hành động, cách sống. Ông tham lam như một con sư tử đói. Tham ăn thực phẩm ngon, rượu bùi. Tham yêu đàn bà đẹp, ngủ hồi sức mau.

Tham chiến đấu ở khắp các mặt trận, từ Pháp qua Ý sang Tây Ban Nha, gia nhập vào nguy hiểm, nổi rộng xã giao, hiểu thêm phong tục. Tham săn thú lớn, câu cá to, đâm thủng gáy bò rừng. Tham đi đây đi đó, tỉnh dậy với ánh hồng hừng đông. Tham đi trên cỏ mùa xuân, tai nghe chim muông ca hát, hay ngồi sưởi bên lò hồng, nhìn ngoài trời bão tuyết...

Hemingway già tuổi nhưng trẻ tâm hồn và khỏe xác thịt. Tôi có thể nói: Ông là một lão già chết non. Một lão già mà đến giờ chót của đời mình vẫn dốc nguyên hăng hái bỏ ngỡ của tuổi trẻ vào cuộc sống, nếu có buồn thì cũng chẳng bao giờ yếm thế, vẫn bo bo vẽ ra những dự định to lớn, lâu dài, giữ nguyên cái quan niệm chân thành ban đầu là cuộc sống và tác phẩm phải là một, có đánh bốc, làm báo, đi săn, đi câu, đấu bò, đánh

trận, làm ái tình rồi mới viết những chuyện đó. Một lão già mà đến giờ chót của đời mình vẫn cứng đầu nghĩ rằng cuộc sống đáng được yêu, được hưởng thật, thế nhưng chúng ta chẳng thể mua nó bằng bất cứ giá nào, chẳng hạn bằng phản nghịch, yếu hèn, sợ hãi!

Hemingway đã tự ký bản án của mình khi viết: “Con người sinh ra không phải để chịu bại. Nó có thể bị hủy diệt chứ không chịu thất bại”.

Câu này định nghĩa được một phần nào luân lý nhân sinh của Hemingway, một thứ luân lý rất “sư tử” như bộ mặt sư tử của ông. Luân lý của những “anh hùng hảo hớn”, của những kẻ “cương” khi đã rút vào thành trì của mình thì từ chối tất cả mọi thỏa ước. Luân lý của những định kiến, không thể không thúc đẩy chính kẻ khởi xướng ra vào guồng máy

nghiến nát của nó, như triết thuyết của Socrate đã thúc đẩy Socrate thản nhiên uống rượu độc cẩu, chấp nhận là người chứng cái chết của chính mình.

Hemmingway đã có thể đứng xa ba mươi thước bắn tắt một điều thuốc lá. Hemmingway đã dùng súng đạn để chinh phục cuộc sống, chính súng đạn đã trở ngược bắn vỡ đầu ông. Ngoài những trường hợp Jack Barnes, Frederick Henry, Robert Jordan, nghĩa là những trường hợp những kẻ biết chết, khôn ngoan đi tìm hiểu cái chết để bảo vệ cuộc sống, Hemmingway, như bị choáng váng bởi cái men vinh quang bao phủ đời ông, đã dùng cái chết làm khí giới phục vụ cái chết. Ông đã chấp nhận cái chết vì cái chết. Ông đã được thỏa mãn vì chính ông đã chết cái chết theo ý muốn của tác phẩm của ông. Cái chết của một gã đầu bò rừng,

áo mũ xênh xang xuống đấu trường. Gã biến thành một tiêu điểm hút hết cường độ của muôn ngàn tia nhìn ngưỡng mộ. Quanh gã, ngang tầm trán gã, cả một rừng người, cả một dân tộc sắc sỡ sát cũi cho vào nhau thành một vòng chảo xoáy ốc, ồn ào như trong một lò sát sinh. Tất cả diễn trình theo đúng nhịp điệu, phong tục một phim đại vĩ tuyến tô màu của Hollywood: lễ nghi linh đình, vó ngựa nhộn nhịp, sắc phục tung bùng, ánh trời chói chang. Tiếng kèn đồng lạnh lạnh thúc gọi, làm đập mạnh trái tim. Cát của đấu trường bốc lên, sục mùi yếm thế. Gã mất dần phần chủ quan của gã, gờ tay, ngả mũ, đi, đứng, cười, cúi nhặt những bó hoa, những khăn ren, những ví tiền, những áo, gã làm những cử động ấy một cách máy móc, hết ý thức. Gã thôi là gã, là con người. Gã biến thành con bò rừng thứ hai của đấu trường, một thứ hiến vật

cho những tâm hồn cổ sơ mua vui, hét la cuồng nhiệt. Những cái né, tiến, lùi, nhắm, đâm thôi là của nghệ thuật, chỉ còn là những tác động bản năng tự vệ của một con thú bị giam trong đường cùng.

Bỗng rừng người đứng dậy, rú lên thất thanh: dưới đấu trường, con bò rừng thật lấy sừng hất lên không trung con bò rừng giả rồi quăng nó nằm sổng xoài trên mặt đất. Gã đấu bò chưa kịp thấy bụng gã bị xuyên thủng, máu chảy như suối thì đã ngất lịm đi trong đau đớn không cùng. Gã nằm, má áp xuống cát bụi, tay xuôi theo thân thể. Máu gã sẽ mau chóng tan vào cát bụi như chiều chủ nhật cuối cùng của đời gã tan vào sáng thứ hai hôm sau, như những tiếng ồn ào của rừng người ngưỡng mộ gã tan vào những mái nhà Madrid, những biển

ánh sáng nê-ông, những đại lộ, những ngã tư, những truyện sống tầm thường.

Bảo đó là cái chết của một anh hùng dân tộc, hay bé hơn, của một anh hùng thủ đô, e rằng quá tầm thường hóa tình yêu đất nước. Tình yêu này, khi cần, sẽ đòi hỏi cái chết, không của một người tự hy sinh cho dân tộc hẳn được giải trí, sống cảm giác mạnh một chiều chủ nhật, mà chẳng hạn, của một chiến sĩ âm thầm ôm bom ba càng lao vào chiến xa địch. Nếu không vậy, thì ít nhất cũng phải nhận gã đầu bò đã chết cái chết của một người can đảm? Tôi thì cho nhận xét này lại càng sai lầm hơn. Chỉ có can đảm khi biết sợ hãi và thắng được sợ hãi. Đó là một luận lý giản dị mà những kẻ bạt mạng, “casse – cou” không hề biết đến khi đi vào cái chết. Vậy tôi kết luận như sau:

Cái chết của gã đầu bò là cái chết trên màn ảnh vĩ tuyến. Nó không có thực dù những Don, những Pedro, những Ignacio vẫn cứ theo gót các đàn anh đến chết gục giữa đấu trường. Hemmingway đã tỏ ra lỗ lã, phản nhân sinh khi ông dựng lên cái “luân lý của gã đầu bò” – danh tử của Saint Exupéry – hoàn toàn phục vụ cho cái chết.

Cái chết chỉ ý nghĩa khi là kết cục của một cuộc sống ý nghĩa, biết sợ hãi, thắng được sợ hãi, biết vị kỷ, thắng được vị kỷ, vượt được ra ngoài cái vỏ cá nhân dầy cứng. Một cuộc sống phụ thuộc vào đồng loại, xã hội, nhân loại, chống đối lại chính mình nếu cần, gột sạch những hủ lậu, thoái hóa. Một cuộc sống không bắt buộc phải đi săn, uống rượu mạnh, nghe nhạc Paso, bi hùng, phẩm cách trêu tượng, thần bí, có bệnh hoạn thì mới cô

đơn, lưu đày. Một cuộc sống cụ thể của các anh các chị, của tôi, bắt nguồn từ ý thức về những cái tầm thường hàng ngày, về những thái độ, cử chỉ đạp xe, xuống phố, đến tòa soạn đi buôn, ăn tô phở, uống ly cà phê, tóm lại biết sống và biết chết khi ý nghĩ cuộc sống bị tước đoạt.

*

Cứ mỗi lần, nhìn cái sẹo lớn ở cùi chỏ tay mặt của tôi, tôi lại nhớ đến Trần Duy Kỳ, người bạn bị tử nạn tại Tuy Hòa cách đây hai năm: Kỳ nếu còn sống thì nay được gần ba mươi tuổi. Kỳ, cũng như tôi, đã say mê rồi phủ nhận những thần tượng, đã ham đọc rồi thấy lão toét cái “máu thích đi” của Nguyễn Tuân tiền chiến.

Đã say mê những phim cao bồi Western, thèm “đi thật xa”, bỏ ghế nhà trường rồi sang Pháp học làm phi công, tưởng tượng những chuyến bay đêm, những cuộc nhào lộn trong không trung, những cụm mây Cumulonimbus đồ sộ, những dãy núi nhâu, những mặt biển nhẵn, những vòng cánh quạt, những biểu kế dạ quang, những phi trường, những nữ chiêu đãi viên đẹp, những cái ôm, cái hôn khi trở về .. . tất cả sẽ thỏa mãn được cái khát vọng sống thật, sống mạnh, “sống nhiều” của mình.

Kỷ và tôi chóng thân nhau vì nhiều lý do. Vì cùng học chung một nghề nguy hiểm, đã sống những mẫu dĩ vãng tương tự, có những khát vọng giống nhau, cùng đọc và yêu Hemmingway, Saint Exupéry, và nhất là vì cùng thích lái vespa nhanh.

Cũng như các bạn trẻ hôm nay,

chúng tôi đã quan niệm sống là hưởng thụ mau và nhiều. Nghi vấn “lỡ ngày mai ...” dù chưa được nói lên rõ ràng ở đầu lưỡi thì cũng đã xuất hiện trong tiềm thức bằng những mẫu tự mập mờ. Không có phương tiện đi săn, đấu bò, du lịch thể giới, sống lớn bằng Hemmingway, chúng tôi đành trở về thân phận chúng tôi, quan niệm giản dị hưởng thụ cuộc sống, mau và nhiều là, chẳng hạn, lái vespa nhanh, ngốn một đoạn đường tối đa trong một thời gian tối thiểu. Sống như vậy lẽ dĩ nhiên là được gió thổi bạt tóc, ù tai, được cảm giác mạnh tuôn vào những cơ mô của ngực, cằm, mũi, má, trán, được mình khẳng định với chính mình bằng những cảm tưởng cường tráng, quả quyết, dũng cảm. Nhưng sống như vậy sớm muộn không thể không va đầu vào những hậu quả của tốc độ.

Buổi sáng hôm đó, cách đây khoảng bảy năm, xe của Kỷ, chở tôi ngồi đằng sau, đâm bổ vào một viên kỹ sư ở Nice đang cúi nhặt chiếc khăn tắm của ông rơi ở giữa đường. Tốc độ lúc xảy ra tai nạn: 75 cây số một giờ. Tiền và phải trả cho lương tâm và thân thể: viên kỹ sư béo, tàn tật suốt đời: Kỷ nằm nhà thương: tôi bị rách toạc cùi chỏ tay mặt.

Bốn năm sau, Kỷ chết vì máy bay. Theo tôi, cái quý báu, bền bỉ nhất Kỷ để lại cho tôi không là những tấm ảnh chụp chung hay một mớ kỷ niệm về những đêm tâm sự, nói tục, mà là cái sẹo vì tai nạn nói trên, tôi sẽ suốt đời mang trên thân thể tôi. Như mang nụ cười lộ sỉ đặc biệt của Kỷ, mang một cái nhìn trở ngược về dĩ vãng, soi mói và làm một cuộc phản tỉnh dữ dội

Nay, tôi gần ba mươi tuổi. Có vợ, có con, được sống thêm những biến cố lớn, đọc thêm nhiều sách hay, chơi thân với một vài người bạn tốt, đồng tình đồng chí. Có những trách nhiệm, nhu cầu mới, nên nhìn và nghĩ về cuộc sống khác, nhiều khi trái nghịch với lúc còn ở giai đoạn Trần Duy Kỳ. Bây giờ nhìn lại cái sẹo là nhận ra hình ảnh Kỳ kèm theo cái ý thức bắt nguồn từ nhận định về những sai lầm của cuộc sống xưa. Một cuộc sống không ý nghĩa, thiếu cố gắng nhưng ham hưởng thụ, cá nhân vị kỷ đến tàn nhẫn, vô liêm sỉ, nhiều khi chán nản vô duyên cớ, đổ bữa bãi sức lực phong phú của tuổi trẻ vào những xuẩn động vô ích như lái xe nhanh, đánh lộn khỏe, nhậu nhẹt dữ. Một cuộc sống, nếu không phản tỉnh sẽ dẫn đến hủy hoại tinh thần và thể xác.

Tôi nghĩ đến những nhà cách mạng nổi loạn có ý thức, nghĩa là từ hành động bôi sạch dĩ vãng đen tối xây dựng lên một con người một xã hội, một chế độ mới, sáng sủa, những tên lưu manh trẻ tuổi hôm nay, vì thiếu ý thức hệ đấu tranh nên đã để bản năng đẩy vào một thứ nổi loạn tuyệt đối hư vô, dễ dãi, như chẳng hạn của một bè lũ túm đánh một đối thủ, của một Lâm “Thợ điện” hay Chín Hồ quá cố mù quáng lao đầu vào bạo động. Một thứ nổi loạn không cứu cánh, tách rời con người ra khỏi cuộc sống, bi thiết và tuyệt vọng như một cố gắng vẫy vùng trong khoảng trống.

Tôi rất thích những cơn mưa dài dũ dội như cơn mưa chiều nay. Mưa lớn có hiệu lực hiển nhiên là làm tôi quên phắt những bận rộn nhỏ nhen mà nghĩ sang cái thực của lòng mình. Nhưng nghĩ

sang cái quang đăng mênh mông cưỡi trên đầu một cơn mưa tối tăm.

Từ lâu tôi đã muốn viết về cái chết của Chín Hồ, tay đua xe gắn máy trên xa lộ Saigon – Biên Hòa. Nhưng cứ mỗi lần đặt bút là mỗi lần tự vấn lương tâm: “Bối giời mả lên thì có ích gì”. Mỗi lần tự vấn như vậy là mỗi lần quảng bút đi và... chẳng làm gì hết. Hay đúng hơn, ru mình trong lười biếng dễ dãi như trước khi đi ngủ, lấy Văn Nghệ số 6 ra đọc, thấy tui bạn viết nhiều mà chẳng nói gì ráo³. Rồi vấn đề Chín Hồ lại được đặt lại chiều nay, mưa lớn. Tôi thấy rõ rệt nếu không viết về cái chết của Chín Hồ, tôi sẽ lừa dối chính tôi, tôi sẽ không bày tỏ cái thực của lòng tôi, cái thâm ý tàn nhẫn là tôi giận tôi khinh cái chết của Chín Hồ, thấy nó cũng vô ích ngu xuẩn như cái

3 Chắc anh Lý Hoàng Phong cũng nghĩ vậy nên đã cải tổ Văn Nghệ từ số 8.

chết của gã đấu bò của Hemingway.

Chín Hồ không cao lớn, nặng cân, có râu đẹp, được ăn đủ sinh tố, uống rượu tốt, đi du lịch xa bằng Hemingway, nhưng Chín Hồ đã bắt kịp Hemingway ở mức cái chết. Đã có hình ảnh một Manolete Chín Hồ trong những trang gay gắt của “Death in the afternoon” nghĩa là hình ảnh một người không ý thức được cái giá cao vô lường của cuộc sống nên đã kết thúc nó bằng một hành vi rẻ ợt.

Xa lộ Saigon – Biên Hòa, dưới sức va chạm mạnh, đã hất Chín Hồ lên như một con nhái. Nó rớt xuống vệ đường đá cũng đỏ như cát đỏ của một đấu trường Tây Ban Nha. Nó nằm sòng xoài trên vũng máu của chính nó, xương ngực vỡ vụn như một cành cây khô, dưới ánh mặt trời đâm vào thân thể nó. Nó thì má xuống mặt đã gồ ghề, nghe tiếng suối cũng oi

bức, ngọt ngọt như ở Madrid. Nó tưởng có ngàn chiếc kim nhọn nhỏ gấn đó rì rào mung lung như một tiếng gọi xa của ban đêm. Rồi nó ngắt lịm, ngắt lịm vĩnh viễn không được biết là quanh thây nó có những lưỡi uốn vào để kể, những tai vênh lên để nghe. Có một vài giọt nước mắt, của một con điểm khoái bồ Chín, của một bà lão bán hàng ở xóm Bàn Cờ đã cho cháu Chín uống chịu một lúc ba chai “la-ve” lớn. Có một sử tích “Chín Hồ” do các đàn em còn sống dựng lên. Nghe đến, bất cứ một thằng trẻ nào cũng thấy có một Chín Hồ trong mình, một Chín Hồ tài hoa “yêng hùng”, tận tụy cho bạn bè, đàn em, nhưng rất là... côi cút. Một Chín Hồ bỏ học, đi tập lái tắc-xi, bị “Trường Tiền” đánh rớt, học sửa xe gắn máy, không sợ tốc lực, tài tình phát minh được một thứ xe đua đặc biệt bằng cách nạo xy-lanh, đổi cây thụt tháo ống xả

hơi... Một Chín Hồ chịu hết nổi những chuyến đi về hàng ngày buồn tẻ giữa căn nhà sàn ngoại ô và hãng sửa xe, nên mới đi đua xe gắn máy, ăn tiền cá, nghiên cứu tỉ mỉ kỹ thuật cầm lái như bò rạp trên xe, tay trái cầm cổ phuộc, tay mặt cầm ghi-đông để tránh sức gió cản...

Cũng như gã đấu bò của Hemingway đã say mê cái chết vì cái chết, Chín Hồ đã say mê tốc độ vì tốc độ. Chín Hồ tuy không bao giờ được cầm một cây súng săn hai nòng nhưng đã tự tạo cho mình một thứ khí giới vô cùng lợi hại là khát vọng sống vội, Chín Hồ đã sử dụng thứ khí giới này không để bảo vệ mà để kết thúc mau chóng cuộc sống. Như viên đạn đã kết thúc văn nghiệp rạng rỡ Hemingway. Đứng từ nhận định này, ta sẽ thấy khát vọng sống vội của tuổi trẻ

hôm nay là một hành động hư vô, điên khùng.

Sử tích “Chín Hồ” đã chấm dứt trong cái lãng quên lạnh lùng của cuộc sống. Nhưng cái ở lại muôn đời trên xa lộ Saigon – Biên Hòa là bầu trời miền Nam này khi nắng khi mưa, khi xanh cao khi mù thấp. Ở lại cùng với niềm hy vọng của những người thương yêu thực sự tuổi trẻ. Hy vọng những Chín Hồ tương lai sẽ ngừng tự sát bằng những xuân động, mang máu, mồ hôi, nước mắt của mình, thôi nhuộm đỏ những phiến đá đỏ cần cỗi ở vệ xa lộ, mà tưới vào huyết mạch của xứ sở, cày thêm những ruộng lúa, trồng thêm những đồn điền cao su, những cao nguyên cam, khai thêm những rừng hoang, dựng thêm những đập Đa Nhím, khơi thêm những kinh đào... Hy vọng xa lộ Saigon – Biên Hòa sẽ thôi là tử lộ của

tuổi trẻ để trở thành huyết lộ của những đoàn xe tấp nập chở hoa màu lục tỉnh, cao nguyên vào thủ đô.

Cuộc bơi giời mà tưởng cũng đã đủ.
Hỡi Chín Hồ, anh chúc em yên ngủ giấc ngàn thu và mơ thấy nhiều xe Sachs

CUNG TRÂM TƯỜNG

LỄ TẤN PHONG TÌNH YÊU

1.

Tôi ôm lấy thân dòng suối tắt.

Thối tha cành lá mục.

Mà nước mắt tôi, không đủ sức hồi sinh.

2.

Tôi phô bày từng cử động của đời tôi, tôi
cư trú trong ngôi nhà tường kính.

Thiên hạ quan sát tôi như loài thú hiếm.
Nhưng ai là kẻ hiểu tôi và gọi đúng tên
tôi?

3.

Thường tôi vui đầu trong những ngón tay xương, làm con chuột chủ chui nhủi dưới hồn mình và đào xới nó.

Tìm thấy trên những đá gạch tàn phế vận hung rên nổi thất vọng của các thời đại trước. Trên những dòng phún xuất thạch gân guốc, cơn thịnh nộ của thiên nhiên, ở những hành lang thạch nhũ, sự kiên nhẫn truyền đời của ý chí đổi thay quá sức.

Ở những ngọn cỏ mảnh mai luộc nắng thủy ngân, sự can trường của hiện hữu.

Nhưng tìm thấy ở tôi điều gì chẳng làm sao tôi biết được.

4.

Cũng kiếp ngựa nhưng là ngựa rằn nên không để cuỡi, tôi mở con đường máu cho tâm khảm thoát thân.

Khỏi bế mặt của cuộc đời bình lặng.

Tôi trang bị hoài nghi mà thám hiểm tương lai, ngày một lạc sâu thêm vào hoang địa – nổi chán chường cứ trải rộng ra.

Và vòm trời như nắp áo quan bằng cẩm thạch.

5.

Ôi giá được dừng chân, tôi sẽ dựng lều nghỉ già trong tuổi nhỏ. Trái tim tôi chín héo, quắp co như đầu lâu chiến tích treo trên giàn khổi giống mọi xanh mun miền đảo san hô, Giận cho tôi đã băng

qua thiếu thời với đôi giày vạn dặm.

6.

Đêm khuya, tôi mở cửa sổ ra, ngưỡng
mộ dự thính cuộc hòa tấu âm thầm của
các tinh cầu trong khoảng không.

Và quên đi những điều đã nghe thấy ban
ngày dưới phố.

7.

Tôi đến đặt dưới chân tượng đau buồn
cao vọi bóng áng cả đời tôi, một đoá lời
ca ngợi tình yêu kết bằng những cành
hoa héo rü.

8.

Tôi vốn nặng đầu như chiếc nắm. Chiếc nắm ấy, sáng hôm nào trời rất bình minh, trông thấy một con sơn ca buồn rầu lẻ bạn. Thế là chiếc nắm đột nhiên biến thành một con sơn ca nhẹ nhàng cất cánh liệng bay theo.

9.

Anh chôn sâu trong nghĩa địa lãnh quên cây đàn đãng tử và thanh kiếm giang hồ, theo chân em thâm lặng trở về, nghe chừng thần thánh hát trong anh, từng bừng như một cây tùng rậm làm lồng cho các loài chim vừa thức dậy.

10.

Em cho anh chiếc chìa khóa cửa. Anh tự tay cất một ngôi nhà.

Trong đó trang hoàng bằng tất cả em.

Còn cỏ hoa không trồng cũng mọc.

Có nhau rồi, ta có cả thiên nhiên,

11.

Suốt con đường đưa đến nhà em, anh bước khoan thai không ngó xuống kẻ thù. Khi tới nơi, anh đã là vô địch, trên đầu rạng rỡ hào quang chỉ mình em ngó thấy.

12.

Những mũi lao đỏ ối của bình minh phóng vào thân thể đêm bỏ chạy. Cây chúng kiến thè lưỡi lá tươi xanh thốt lên niềm phấn khởi mừng vui.

Anh lật giở vầng trán mốc meo ra nhận sự chúc lành đầu tiên của kiếp sống.

13.

Mạch gió nhảy phập phồng trong những cánh tay cành cây rục hồng ánh sáng. Em có thấy, tình yêu anh làm xúc động cả thiên nhiên.

14.

Với thân thể lân tinh, em sáng lên trong bóng tối, hạt kim cương rạng ngời trong mỏ than đêm, anh trông thấy em không nhầm lẫn được.

Với thịt da gỗ quý, giọt mật tinh khôi nạm giữa đài hoa thơm nức, em dâng hương anh, gĩa du mục lạc loài trong nhớp nhúa.

Với dung nhan bắt được tài tình của hy vọng, em leo mọc khắp tường thành nứt đổ đời anh, trở bát ngát những nụ cười mời đón.

15.

Em là chiếc thuyền thời thượng cổ chở đến anh hoa trái tốt tươi ngọt ngào của miền đất anh biết qua thần thoại.

Em là dòng suối trong veo nhí nhánh

chảy mang theo nhan sắc của bầu trời,
dòng suối đưa chân anh vào hứa địa,

16.

Đêm đông phương, đêm xanh xao, thơm tho và ấm áp. Anh nằm thiêm thiếp bên em dưới tàng cây thả buông tâm trí lan man cho thiên nhiên mát rượi mặc tình len vào anh tận tủy xương buồn ngủ. Cả khu vườn trắng men trắng bạc và trên trời tinh tú xum xuê. Hồn anh cũng trắng men buồn thiu và âm u chất sàng. Anh sung sướng hoàn toàn, trong đầu ngủ say các côn trùng ý nghĩ, anh bỗng bồng bềnh trên đê mê. Thỉnh thoảng ánh sáng mỏng mảnh lại rung rinh, hình như hoa cỏ trở mình, Hay hồn ma hiện về tuần rảo. Gió thật mạnh luồn qua kẽ lá chẳng tơ. Em lặng thinh không nói năng gì, vậy

mà anh nghe cả hồn em. Tự bao giờ anh đã biến thành hoa cỏ.

17.

Tháp đôi thân thể vào nhau, anh nhân lên với em thành vô vàn khoái cảm.

Với linh hồn xao xuyến của rừng thu, anh trút sạch lá vàng đau khổ cũ.

18.

Khi con chim nào đó hối hả đến đưa tin, anh bước ra khu vườn chiều mái còn ủ kín hương đêm, đón rước mặt trời, rửa đôi chân trần trong vũng cỏ. Anh nghe trên vầng trán ngất ngày hơi thở ướt của ban mai. Cây cối ứa chồi, xao xác liếc khua lá quý kim mà mưa khuya vừa đánh

bóng. Con sông căng nước nằm im như con thú no kênh. Ngày chảy lan như một dòng mật ngọt. Không khí nồng hương rượu hồng mới cất làm say. Anh sống, sống để yêu và yêu để sống. Với nhẩn nại nông dân, anh lái đẩy tim anh cày xẻ đời em.

Cho đến xế chiều khi anh khép cửa phòng trở vào giấc ngủ thì vừa kho anh đã chất đầy những cọng nắng no.

19.

Đó là kỳ nghỉ hè của trí não. Anh rời khỏi căn nhà anh ẩm mốc về ở một nơi mà ngoại trừ em, không còn ai biết tin. Ở đấy, nghe tiếng ru im lìm êm ả của hồn em, anh ngủ muôi cho hết tháng ngày trên nhung nệm tình yêu như con gấu

xù về mùa đông trong thạch động. Đêm
lạ là, anh trở giấc, cây nển thức kia đã
bị gọt mòn, còn nghe thấy tiếng ru.

20.

Và bài thơ này coi như lời lẽ một người
đánh đồng thiếp nói với đời trong đó có
em như để tạ ơn và tạ lỗi

TÔ THÙY YÊN

NỖI BUỒN BẠCH KIM

KIÊM MINH

1.

Những hành lang, những cửa phòng ngủ của khách sạn nhất định là phải có một vẻ riêng, cái vẻ đang điểm. Dù là ban ngày dù là ban đêm thì cũng thế. Tuy nhiên khi về đêm thì cái vẻ đang điểm của khách sạn mới có duyên.

Về đêm, khi nhìn một người con gái hay đàn bà đi trên hành lang hoặc mở cửa để vào một căn phòng, người ta thường

không suy nghĩ về việc người đàn bà đó hay người con gái kia đã làm gì rồi, hoặc sắp làm gì đây. Còn vào ban ngày thì trái lại. Hình như là sự hoạt động ở dưới đường, hình như là ánh nắng ở ngoài trời thích phát giác những điều mà các góc bóng tối, cánh cửa phòng ngủ muốn che giấu bằng tất cả thế lực của chúng.

Khách sạn C. Tám giờ sáng. Tuyết mở cửa phòng nàng để đi ra. Đây là lúc theo thường lệ nàng đến phòng tắm. Lúc này có thể nàng bắt gặp những cái nhìn thiếu lịch sự của vài người dư công rồi việc. Tuyết sửa soạn, ngay khi mở cửa phòng để đi ra, một bộ dáng và những cử chỉ khiêu khích cốt để làm cụt hứng “bạn có ác ý”. (Nàng gọi những kẻ có cái nhìn thiếu lịch sự bằng kiểu đó). Với cái bộ dáng và những cử chỉ khiêu khích mà Tuyết tạo cho mình vào lúc này, nàng trở

nên đẹp hơn, đáng mê hơn.

Mặc một bộ đồ ngủ màu hồng, Tuyết đi khoan thai, mặt đầy kiêu hãnh, cái kiêu hãnh rất rởm nhưng đáng thông cảm bởi vì rõ ràng là Tuyết muốn lấy đó làm một thứ khí giới để tấn công trước những “địch thủ” của nàng.

Nàng là gì cũng mặc, “bọn có ác ý” đó vẫn cứ không thể chạm đến thân thể của nàng. Dù sao đi nữa thì Tuyết chỉ là của một người mà thôi. Tuyết không phải là dĩ. Mà nếu là dĩ thì cũng mặc nàng với nàng, chẳng ăn thua gì đến ai,

Với ý nghĩ ấy Tuyết bước từng bước rất uy nghi đến phòng tắm, tắm khăn đẹp vắt trên cổ tay rất ngon vì trắng phơn phớt hồng.

Trông nàng có cái điệu của một

khách thừa lương đi trên đường vắng sau khi trời mưa...

Tuyết có vẻ rất vững tinh thần khi bước những bước đó trên hành lang, nhưng khi mà nàng vào trong phòng tắm, thì nàng lại thắc mắc suy nghĩ đến những cái nhìn của mấy kẻ có ác ý để mà bức mình và để mà đau khổ. Hình như áo quần giúp cho nàng chống đỡ được với sự tàn nhẫn. Hình như sự trần truồng thân thể của nàng làm nàng thấy sự trần truồng của đời sống mình, làm nàng lo sợ cho tương lai mình.

Tuyết thường có nỗi lo sợ ấy. Tuyết đang lo sợ cho tương lai nàng.

Khi này thì có một người đàn ông này giờ theo dõi Tuyết ngẩn người hướng mắt về phía cửa buồng tắm. Đứng chờ người ra, vẻ mặt đầy dự vọng, y tự hỏi:

“con bé này tên gì, làm gì, ‘của ai’?”

Một người bồi khách sạn bỗng đi đến. Y ra hiệu cho người bồi dừng lại bằng cách gây nên tiếng động nhờ hai ngón tay: Pát! Pát!

– Này! Hỏi cái này.

– Dạ...

– Con bé vừa đi vào phòng tắm tên gì, mèo của ai?

Anh bồi khách sạn lễ phép một cách nghề nghiệp:

– Thưa cô Tuyết đấy ạ, tình nhân của một ông khá giàu.

– Lâu mau rồi?

– Dạ đã ba năm nay!

Anh bồi khách sạn bây giờ không

cần chờ những câu hỏi nữa, kể:

– Cô đó ở phòng số 2, cô ở khách sạn này hơn một năm nay. Ông ấy bao tất cả. Ông ấy thỉnh thoảng lại đến ngủ với cô ta. Ông ấy giấu vợ cũng tài. Hơn một năm nay rồi mà không thấy cô ta bị đánh ghen.

Hình như cho rằng nói chùng đó là cũng hơi nhiều, anh bồi quay đi. Người đàn ông nói: “Này!” Và anh bồi đứng lại. Người đàn ông hỏi:

– Cô ta cứ “nhảy dù” luôn chứ?

Và rồi y cười, cho rằng như thế là anh bồi thông cảm. Anh bồi nói làm người đàn ông cụt hứng:

– Nhiều người khách rất muốn cô ta, nhưng không được!

Người đàn ông nói:

– Thế thì nó thương thằng đó, thiệt tình hay sao? Như vậy là ngu!

Anh bồi nói:

– Điều là ấy tụi tôi không rõ!

Người đàn ông nói:

– Thử một lần nữa xem!

Anh bồi nói:

– Tôi sợ cô ấy... nói khó chịu lắm.

Anh bồi rất thích thú về những điều anh ta nói nãy giờ. Anh ta vốn mến Tuyết, có cảm tình đặc biệt với Tuyết. Anh ta không nghĩ Tuyết chung tình với “ông chồng” của Tuyết, không muốn thế là đàng khác, nhưng anh ta thích ít nhất khách sạn này phải có một thứ dân cư

đặc biệt như Tuyết. Anh không tìm hiểu vì sao anh thích vậy, anh chỉ biết anh thích vậy. Tuyết ở nơi đây đã lâu, Tuyết đã trở thành quen thuộc với khách sạn và mọi người ăn làm trong khách sạn này xem nàng là kẻ thân. Họ có thể nói những điều vui buồn của họ với Tuyết và Tuyết biết cách chia xẻ vui buồn cùng họ.

Anh bồi bây giờ quay đi sau khi đã chào người đàn ông, đi được hai bước thì sực nhớ điều gì anh trở lui, tiến đến gần cái phòng mà trong đó Tuyết đang tắm nói vọng vô:

– Cô Tuyết cô có cái thư tôi sẽ đem thư lên với cà phê sữa cho cô.

Từ trong phòng tắm, Tuyết nói vọng ra:

– Thế à? Thư ai nhỉ? Cảm ơn anh Tư!

Người đàn ông lúc này nghe buồn trong người, y nói với anh bồi trước khi anh này khuất sau góc hành lang:

– Tôi ở phòng số 12, anh đến dọn dẹp giường nệm cho tôi với.

Anh bồi quay mặt lại, đáp:

– Vâng, tôi đến bây giờ. Số 12, tôi nhớ rồi.

Anh bồi biến sau góc hành lang. Người đàn ông bước theo hướng ngược lại với anh bồi mà gần đấy quẹo về tay trái là thang lầu.

Tuyết vừa tắm xong. Nàng đang lau mình.

* * *

Khi Tuyết trở về phòng, ngồi soi gương chải tóc và trang điểm được một chốc thì anh Tư mang ly cà phê sữa và một lá thư vào. Anh đặt ly cà phê sữa xuống bàn nhưng bức thư thì cứ cầm nơi tay. Anh đọc những dòng chữ ghi tên và địa chỉ trên đầu bì thư

– Thành ở ...

Tuyết ngừng tay chải tóc, nàng nói:

– Thư của anh tôi đó, đưa tôi xem.
Chắc là có chuyện gì đây.

Không có vẻ gì tha thiết trong lời nói của Tuyết cả.

Anh bồi đưa thư cho Tuyết, Tuyết bóc phong bì một cách vụng về rồi lấy thư ra đọc qua.

– Ba tôi đau nặng, Tuyết nói với anh Tư sau đó.

Anh Tư định chia sẻ nỗi buồn gia đình cùng Tuyết bằng một câu nào đó, nhưng thấy vẻ mặt Tuyết vẫn như thường nên anh lại thôi.

– Chắc ông cũng già rồi, anh Tư nói.

Tuyết trả lời:

– Ủ, ông già rồi và ông lại mắc bệnh ghien nữa. Ông làm khổ gia đình nhiều lắm rồi. Nếu ông chết thì cũng...

Tuyết bỏ lửng câu đó vì không dám nói rằng nếu ông chết thì cũng tốt. Anh bồi lại chẳng mang theo anh cái thú luân lý thường tình hay sao? Anh không hiểu được Tuyết khi Tuyết tỏ ra thờ ơ với sự đau ốm trầm trọng của ba nàng.

– Này anh Tư; anh có biết không, đời tôi đang dở nhiều chuyện cũng là tại ba tôi. Vì sao tôi bỏ nhà ra đi? Vì ba tôi định gán tôi cho một người mà tôi không thương. Để ông lấy tiền ông hút. Tôi phải bỏ nhà ra đi là vì thế. Và một người con gái bỏ nhà ra đi trong cái thời buổi khó khăn thì ra sao anh cũng rõ. Tôi tưởng hạnh phúc là chuyện dễ. Thật là khó.

Tuyết rõ là anh Tư chẳng có ý kiến gì về các câu chuyện của nàng, nhưng nàng cứ nói cho anh nghe. Ít nhất là như thế nàng khỏi nói lên với một mình.

Anh Tư khi thấy Tuyết đã ngừng lại, thì nói:

– Ở đời ai cũng có chuyện rắc rối. Không ai vui hoàn toàn. Mấy người đi tu họ nói đời là bể khổ. Tôi thường đi xem cải lương, tuồng nào cũng có chuyện

rắc rối, nhưng phần kết thì hết rắc rối. Nhưng đó là cái lương.

– Anh thích cái lương lắm sao? Tuyết hỏi.

– Thích chứ sao không? Tôi thích đi coi cái lương và khoái những vai hề làm trò,

Nghe anh Tư nói chuyện Tuyết thấy vui.

Lúc này có tiếng ồn ào ở dưới đường. Vừa xảy ra một tai nạn giao thông không có người chết và cũng chẳng có ai bị thương. Anh Tư thích nhìn tận mắt những tai nạn giao thông không rõ vì tâm lý nào. Anh bỏ ban công đi vội đến cầu thang để xuống đường. Khi anh đi qua phòng số 12, người đàn ông khi nãy gọi anh mà anh không nghe. Y có lời

nguyên rửa.

Tuyết thì bây giờ vẫn còn tiếp tục trang điểm. Nàng nhìn bóng nàng trong gương, vui khi thấy nhan sắc mình đang còn ở thời kỳ oanh liệt.

2.

Khách sạn C nằm trên một con đường không náo nhiệt lắm ở Chợ Lớn, một bên của nó là ngõ hẻm, từ đấy có một lối vào khách sạn, lối này chỉ những người quen thuộc với khách sạn mới thường dùng. Khách sạn có hai tầng trên, gồm tất cả 40 phòng. Như thế, nó không lớn lắm. Tầng dưới đất của nó

là tiệm ăn. Chủ: Trung Hoa lai Việt. Bồi bếp: cả thấy 15 người. Bà chủ rất to béo, thường ngồi ở kết. Đó là cách nhìn khách sạn C. của phần đông người ta.

Vào một chiều nọ, khi mặt trời đã tắt, nó được nhìn một cách khác bởi một người đàn ông rất sôi nổi với cuộc sống lại tìm đến với nó: Diễn. Diễn đã nhiều lần ngủ đêm tại một căn phòng của khách sạn này và Diễn đã không bao giờ quên cái khách sạn này, nói không bao giờ quên cái không khí của nó thì mới đúng. Nó mang nỗi buồn Á Đông, nó chứa đựng nhiều sự bí mật riêng của nó. Nó ở trên cao nhưng nó chẳng cách bức với sự nghèo khổ nằm ở dưới, gần cạnh nó, nơi ngõ hẻm.

Diễn đứng bên kia đường ngay trước mặt khách sạn để nhìn nó Chàng nhớ đến cái thang lầu cùng những hành lang

của khách sạn. Cái nền của nó lát bằng một thứ đá hoa có những đường nét thiếu mỹ thuật, Diễm nhớ thế. Và cửa, sao lại sơn màu nâu? Cái màu đó không vui mắt, thường bắt người ta nghĩ tới những kỷ niệm u ám. Những ngọn đèn chong ở thang lầu và ở các lối đi mờ mờ, bước trong thứ ánh sáng ấy, Diễm thường nhớ tới những người Trung Hoa đêm đêm hát dạo ở các tiệm mì đường Nguyễn Tri Phương cùng những cái kẹo của họ mà họ cứ để bừa vào những hàng có khách.

Diễm cũng lại nhớ tới cái ống nhỏ để dưới đất, trên đầu giường ở mỗi phòng khách sạn, thứ ống nhỏ rất lớn, miệng loa ra. Rồi lại nhớ cánh cửa sổ đã hỏng lẽ ở phòng số 3. Phòng số 3 là phòng mà Diễm thường lấy mỗi lần đến với khách sạn này. Nó thuộc về phòng thứ nhì là tầng trên hết và là một căn phòng nằm

về phía ngõ hẻm, ở đây, qua cửa sổ Diễn thường nhìn xuống cái hẻm chìm trong bóng tối, nhưng lại không bao giờ yên lặng. Đêm đêm dưới đó thường vang lên tiếng reng reng của người tắm quất mà hình thù rất xấu, thích nói chuyện trong khi đắm bóp. Y thường đi lên lầu I và lầu 2 gây tiếng động kim khí để tìm khách hàng. Trước mỗi cửa phòng y dừng lại, cho tiếng động đó vang lên.

Diễn đã nghĩ về khách sạn C. rất nhiều Khách sạn này nó ám ảnh chàng. Chàng luôn luôn thấy tất cả những con người ở trong khách sạn C. đều đáng thương. Từ anh bồi thềm tiền cho đến kẻ tiêu xài lớn. Tất cả họ thường cười, nhưng mệt mỏi, thiếu vui. Diễn lại nhớ đến một phòng tắm mà trên vách có những dòng chữ tục tĩu và vài hình vẽ ngộ nghĩnh tinh quái. Khách sạn thường

có đây những sự việc bất hợp pháp, nhất là khách sạn này, Diễn nghị. Tội lỗi lẫn quất ở đây. Luân lý không có ở đây, và đó là điều thú vị. Người ta yêu thương đến độ điên cuồng ở đây; người ta giết nhau vì yêu thương cũng như vì thù hận. Người ta sống chấp choạng nhưng người ta sống rất thỏa thích ở đây. Đến đây người ta đi vào một xã hội khác. Diễn nghị thế.

Tại khách sạn này đã xảy ra vụ một kẻ giết người yêu của mình, Diễn nghe kẻ vậy.

Bây giờ Diễn băng qua đường.

Khi Diễn vào khách sạn, chàng đi đến bàn bà chủ, ở đấy có bản ghi những phòng nào đã có khách và phòng nào còn trống. Một người bồi tử trong đi ra gặp Diễn, chào chàng. Người bồi này có

ký ức rất bền. Anh ta nhớ Diễn thường đến đây và mỗi lần đến là thế nào cũng có nhờ anh nhiều điều để sau đó không quên cho anh một số tiền buộc boia khá rộng. Anh bồi thấy Diễn, chào, rồi cười tiến đến chàng. Diễn hỏi:

– Phòng số 3 còn chú?

Vui vẻ anh bồi trả lời:

– Thưa thầy còn, thầy lấy phòng số 3?

– Ừ.

Diễn là một người khách hơi khác thường, anh bồi nghĩ vậy.

– Tôi lấy luôn một tháng, Diễn nói, hai nghìn phải không?

Rồi quay sang bà chủ:

– Bà cho tôi cái biên lai.

Vừa nói Diễm vừa rút bóp ra. Anh bồi theo thói quen, liếc nhìn vào bóp của Diễm. Anh thấy cả một xấp rất nhiều bạc năm trăm. Anh lấy làm phục người khách của anh lắm. Anh lại càng thích thú hơn nữa khi anh thấy trong bóp của Diễm có cả một cuốn séc.

Diễm đã đưa tiền và đã lấy biên lai sau khi đưa căn cước cho anh bồi biên tên tuổi nghề nghiệp vào sổ khách sạn.

Anh bồi với tay đến một tấm bảng treo ở vách phía sau lưng bà chủ để lấy chiếc chìa khóa phòng, xong, anh nói với khách:

– Mời thầy lên.

Diễm đi theo người bồi. Chàng bực mình trước sự lễ phép rất mực của anh

ta, một sự lễ phép có âm mưu và tính toán. Tuy lễ phép nhưng anh bồi không chịu không làm phiền Diễm. Anh ta gọi chuyện với chàng để làm thân:

– Thầy chắc ở Đà Lạt về?

– Không. Vì sao anh lại nghĩ thế?

– Tôi thấy thầy muốn phòng thàng và thầy lại mặc đồ lớn.

– Tôi ở Saigon nhưng tôi muốn phòng thàng. Còn mặc đồ lớn là vì tôi thích làm quan trọng.

Anh bồi nghe thế thì cười. Diễm nói:

– Anh muốn làm nhà trinh thám sao? Anh quên nhận xét một điều: tôi không có va-li.

Rồi không để anh bồi thắc mắc về câu đó, Diễm tiếp, lần này không với

giọng trò chuyện mà là giọng sai bảo:

– Tôi sẽ nhờ anh đi mua một bộ py-jama, cái khăn mặt, cái khăn tắm, viên xà phòng, bút và kem để đánh răng.

– Dạ, dạ.

– Anh lên mở chìa khóa phòng dọn dẹp giường nệm rồi đi mua những thứ đó.

– Dạ, dạ.

Nghe anh bồi dạ liên tiếp, dạ với tất cả tấm lòng của anh ta, Diễm nghĩ: “Có tiền bạc đầy túi cũng thích thật”. Diễm lại nghĩ: “Hoàn cảnh mình bây giờ khác hẳn với hoàn cảnh mình trước kia! Nhưng vì sao mình buồn, vì sao mình chán?”

Diễm đã qua khỏi những bậc thang, những bậc thang mờ mờ hư ảo. Không

gian như không gian ở trong giấc chiêm bao thường có những chuyện quái đản và thường có người đẹp mê hồn hiện lên.

Cái hành lang cũng thế, nó hư ảo. Diễn không cần ghi nhận là nó nằm dọc và nó chia đôi hai dãy phòng. Diễn không cần biết là miệng thang lầu ở vào chặng giữa cửa hành lang. Diễn chỉ thấy hành lang sâu, sâu không phải vì nó mà vì chàng, Diễn nghĩ đến những hành lang của các khách sạn trong các phim trinh thám thường là nơi xảy ra những vụ thanh toán nhau tàn nhẫn.

Chàng nghe nhọc thể xác và uể oải tinh thần. Anh bồi thấy chàng ngừng bước, tưởng chàng quên hướng đến phòng 3. Anh tiến lên trước chàng. Phòng 3 về phía đi ra ban công. Diễn bước theo anh ta. Diễn có cảm giác là chàng đang đi giữa một con đường vắng

vẻ. Nhưng cái cảm giác bị mất ngay khi chàng nhìn thấy qua vài cánh cửa phòng hé mở những người đàn ông ở trần vạm vạp và những người đàn bà đang trang điểm. Tại một phòng có một cô mặc đầm, ngồi trước gương soi đang đeo mi giả vừa cười làm duyên với cái bóng mình, một nỗi cô độc ồn ào. Diễn nhìn lên số phòng cô ta: “5”, Đây là láng giềng của mình chàng nghĩ.

Bây giờ Diễn đã đến trước phòng 3. Anh bồi cho chìa vào ổ khóa. Có tiếng động khô vang lên. Một khối đen hiện ra. Anh bồi bước vào trong khối đen khiến nó sáng lên. Sau đó, anh ta mở cửa sổ rồi làm một vai cử chỉ dọn dẹp giường nệm.

Lúc này Diễn đứng trước phòng mình nhìn sang cô mặc đầm. Cô mặc đầm quay đầu ra cho bay lượn tới Diễn một cái nhìn bằng cặp mắt đeo mi giả.

Diễn nhìn cái jupe đỏ của cô ta, nghĩ đến một bản Valse.

“Dạ đã xong”, anh bồi đi ra và nói thế. Diễn móc bóp lấy một số tiền đưa anh bồi để nhờ anh đi mua mấy thứ đã dặn:

– Khi về anh cứ để đồ vật trên bàn cho tôi, đừng thức tôi dậy nếu tôi ngủ. Phòng tôi không khóa.

Diễn nói rồi hỏi:

– Anh tên gì?

– Thịnh, anh bồi đáp.

Thịnh cười vui vẻ đi đến miêng thang lầu. Diễn đứng nhìn cô mặc đầm một chốc rồi vào phòng, đóng cửa lại. Chàng cởi áo vét ra máng vào lưng ghế rồi tiến đến giường ngả lưng xuống liền. Nằm

xong chàng mới lấy giày ra sau. Chàng không tháo cà vạt và cứ để nguyên cả vớ ở chân. Chàng nằm cái kiểu nằm của những người mệt mỏi.

Diễn khép mắt lại, nói thầm: ngủ, ngủ, ngủ. Diễn thấy bằng lòng được nằm trong cái không gian cô đơn của một căn phòng khách sạn ở Chợ Lớn, nghĩ rằng như thế này có thể khiến trở thành xa vắng những điều vừa xảy đến cho chàng trong mấy hôm nay đã quá làm thần kinh chàng căng thẳng. “Ở đây không có luân lý và đó là điều thú vị”, Diễn nói thầm như thế. “Ở đây không có luân lý” Diễn nói lên thành tiếng.

Ngủ, ngủ, ngủ. Một điệu nhạc Tây phương đầy sôi nổi rất quen thuộc văng lên hình như từ một tiệm khiêu vũ gần đấy. Bây giờ đã 10 giờ, Khác với mọi khi, Diễn không còn thấy xúc động vì điệu

nhạc sôi nổi đó nữa và chàng ngủ.

Bên ngoài hành lang có tiếng gót giày ngon lành của một vài cặp trai gái, của đôi kẻ đi một mình.

3.

Tôi biết sẽ có ngày hôm nay, tôi biết như thế từ lâu rồi.

– Tuyệt, để tôi nói Tuyệt nghe!

– Anh im đi để nghe tôi nói. Người nào đau khổ thì nói. Những kẻ như

anh chẳng cần phải nói nhiều và cái nói nhiều của anh là để làm cho người ta đau khổ thêm thôi. Hãy im lặng để mà vui hưởng... Ở đời có những kẻ chỉ biết vui hưởng... Chính anh không cần phải nói. Những kẻ như tôi thì mới nói, nói nhiều, nói như điên, xin đừng cướp lời tôi, xin đừng cắt ngang những lời tôi nói. Một sự thực và cùng thực: tôi không yêu anh và anh không yêu tôi. Anh chỉ thèm sự tươi trẻ và nhan sắc của tôi. Anh không hiểu nỗi và anh cũng chẳng cần hiểu tâm hồn tôi. Hà! Chính anh, anh đâu có tâm hồn mà anh thấy tôi có một tâm. hồn. Tôi, tôi có thứ đó. Anh này! Anh thèm tôi và tôi thèm tiền. Tôi thuộc về anh lâu nay vì thế. Không! Không! Đúng ra – điều này hôm nay tôi mới nói — tôi thuộc về anh là để tôi làm bản tôi đi để tôi không còn mơ ước gì nữa. Bao nhiêu mơ ước của thời mới lớn của tôi, tôi không thực hiện

được nên tôi đành làm biến tôi đi để cho tôi khoẻ trí. Khi người ta xem như mình chết! Sa vào anh, đó là một cách tự tử của tôi. Và anh đâu phải là người đầu tiên đã đến với tôi, được hưởng sự nguyên vẹn của tôi. Được hưởng sự nguyên vẹn đó cũng không phải là người tôi yêu. Tôi là như thế đó!

Tôi vừa lớn lên vừa biết rung động thì đã phải sống giữa cảnh chó má! Một người cha quý thuốc phiện hơn con, một người mẹ lừa gạt người cha. Họ có nghìn lý lẽ để che đậy cái đáng ghê tởm của họ. Tôi có một người anh, người anh đó ...

– Tuyệt!

– Không! Anh im đi!,, người anh đó có lẽ rồi cũng đến chết đâm chết chém. Là bởi vì sao? Bởi vì anh ta thích uống rượu vào cho tím mặt để đi tìm thanh

toán những kẻ mà anh ta ghét. Anh ta chỉ biết ghét chứ không biết thương trừ ra – ôi, khó hiểu — trừ ra thương ba tôi. Anh ta phụng sự ba tôi và cho là tôi cũng có bốn phận như thế. Anh ta dọa sẽ giết tôi vì tôi làm đi lậu làm cho anh ta mất danh dự! A ha! Danh dự! Tôi biết thế, càng làm đi, làm đi để trả lời cho anh tôi biết rằng tôi là thế. Vì sao anh ấy lại thương ba tôi, một người quý thuốc phiện hơn con. Hà! có cái điều này hơi kỳ: Ba tôi lại thương tôi và rất ghét anh tôi. Nói rõ ràng là: cạnh tôi thì thương ba tôi, ba tôi thì ghét cay ghét đắng anh tôi, ba tôi thì thương tôi, tôi thì thù ba tôi. Tôi nhiều khi như điên là vì thế, nhưng tôi ít khi mà điên. Chắc hôm nay thì tôi điên. À! Và tôi nói về mẹ tôi. Mẹ tôi lấy chồng khác và mẹ tôi thương cả anh tôi và tôi nhưng ghét ba tôi mặc dầu bà ta vẫn thỉnh thoảng lại tiếp tế thuốc phiện

cho ba tôi hút. Ba tôi nhận thuốc phiện đó, hút, và chửi mẹ tôi, và khóc cho đời tôi.

Như thế là thế nào, ai hiểu nổi. Cũng như anh làm sao hiểu tôi Thường, con Tuyết nó hiện ra trước mắt anh là con Tuyết thềm tiền bạc, cho nên bây giờ anh ngạc nhiên thấy nó hất những xấp giấy xanh đỏ của anh cho phủ đầy nền mà ngó mà cười. Tính tình tôi bất thường lắm anh ạ. Mấy lúc này chưa có cơ hội để tôi cho anh thấy sự bất thường của tôi. Tôi đã rõ là thế nào trong đời tôi cũng có một lúc nào đó tôi khinh tiền bạc. Chính lúc này đây! Chính lúc này đây! Ha! Từ lâu tôi chạy vào trong bóng tối để cho tôi không còn thấy tôi nữa, để cho cái thân phận này nó càng tệ mất đi, để cho tôi không còn lý do nào mà hò hét về cái vẻ đau buồn của nó nữa. Tôi chạy trốn

vào trong bóng đen, tôi sà vào anh, vào người tôi không bao giờ cần tìm hiểu – tôi nói tàn nhẫn hơn – tôi không thấy có anh khi anh gần tôi, khi anh ôm tôi. Những khi anh ôm tôi, những khi anh... tôi tự nói thầm: Đây! Sự khổ sở đang hiện hình để vây hãm đời tôi! Đây, cái u tối đang choàng lấy tôi. Ha! Ha! Anh có hiểu gì về những lời tôi nói không? Từ lâu anh tưởng tôi là con bé tầm thường, không nói nên được một lời nào làm cho anh rung mình, làm lạnh xương sống người ta... Tôi nói lên được là vì sao? Là vì tôi khổ, tôi điên vì khổ, là vì đời sống phô bày những điều kỳ dị đó làm nhức đầu tôi và tôi nhức đầu nhức óc thì tôi nói lên sự đó. Tôi nghe trong tôi như thế nào thì tôi nói lại như thế ấy. Bây giờ, tôi không cần gì hết, bây giờ tôi cần sống, cần sống anh có biết không, và khi tôi cần sống thì tôi khinh thường những thứ

này, những thứ đang nằm rải rác trên nền, đó, giấy bạc đó, anh nhặt lên đi, nếu anh không nhặt thì tôi buộc phải đuổi anh ra khỏi phòng. Phòng này là của tôi, không phải của anh vì tên tôi được ghi trong bảng danh sách những người mượn phòng. Tôi muốn được nhìn anh nhặt lên bỏ vào túi anh, tôi muốn như thế vô cùng. Tôi đang nhìn sự ngơ ngác kinh ngạc của anh và tôi thích lắm. Anh làm sao hiểu được tôi. Anh có nghĩ rằng anh nằm chiêm bao không? Ha! từ lâu tôi nằm chiêm bao – lâu lắm rồi – và bây giờ thì anh nằm chiêm bao, chỉ một giấc ngắn mà thôi. Bây giờ khi anh tưởng anh nằm chiêm bao là chính lúc tôi đi ra khỏi giấc chiêm bao của tôi để tôi đi vào đời sống rất thực. Và trước khi tôi sống rất thực thì tôi phải kỳ dị một chút. Anh được thấy sự kỳ dị của tôi. Và khi tôi sống rất thực thì tôi như điên, điên

là quá tỉnh đấy. Anh không hiểu gì cả. Anh lại càng ngơ ngác vì anh biết không phải anh nằm chiêm bao. Nhưng tôi thì tôi cứ nghĩ anh nằm chiêm bao. Những cái gì người ta thấy hiện ra trước mắt mà người ta không hiểu nổi mà người ta không cắt nghĩa được thì người ta nói “ồ, chiêm bao!” Bây giờ anh đang ở trong giấc chiêm bao! Anh bây giờ khác lạ. Vì sao? Vì anh rùng mình trước tôi. Tôi, một người đáng lẽ phải dang tay ra nhận tiền của anh, rồi cười rồi nằm xuống với anh, rồi đi chơi bởi nháy nhót với anh, nũng nịu với anh một lần chót rồi sau đó thì nghe lời anh, sung sướng nghe lời anh, sẵn sàng để cho anh... bàn giao! Tôi như thế thì anh không bao giờ ngạc nhiên. Hể anh không ngạc nhiên thì anh như thường. Giờ đây, anh ngạc nhiên thì anh như tượng gỗ.

Đến đây Tuyết ngừng lại. Tuyết đã nói một hơi như bị lên đồng. Đôi mắt Tuyết trong khi nói và ngay cả bây giờ nữa long lên, sáng thứ ánh sáng kỳ lạ, hiếm hoi. Chưa bao giờ nàng sinh động như bây giờ. Nàng vừa vui vừa buồn, nàng vừa thực vừa xa vời, hư ảo. Nàng quyết liệt, tàn nhẫn, tàn nhẫn cả với chính mình. Tuyết bây giờ như một người bị ai lấy linh hồn lâu lắm, nay được bỗng có lại linh hồn và như vậy nàng vùng lên, kể lể moi móc tất cả mọi chuyện của gần triệu năm cam nín.

Ông Trần X. là người “bao” Tuyết bấy lâu nay chưa hề thấy nàng như vậy, Tuyết bây giờ là một con người khác. Ông Trần X. thường nói năng hoạt bát liến thoắng nhưng hôm nay thì ông lại như người câm. Nói như Tuyết, ông ta đã biến thành tượng gỗ. Tượng gỗ hiện đang cúi xuống

nhặt những xấp bạc, những tờ năm trăm năm bừa bãi trên nền.

Chính lúc này của phòng Tuyết có người gõ «Ai?» Tuyết hỏi lên thế. Và rồi Tuyết tiếp:

– Ai đẩy cứ vào, cứ vào và cứ vào, tôi muốn có một người nhìn cái cảnh này, tôi muốn có người chứng kiến cái cảnh này, cái cảnh bắt đầu của sự sống thực của tôi!

Và, cửa phòng được mở. Tuyết nhìn người lạ. Đó là một người đàn ông khoảng trên 30, cao, mảnh, mặt rắn rỏi đôi mắt thì sáng nhưng nặng nề những mộng mị. Đó là một người đầy tâm sự. Người đàn ông đó đứng ở khung cửa và khung cửa cùng người đàn ông làm thành một bức họa, mà nền là ánh sáng mờ của hành lang. Rất lâu Tuyết nhìn người đàn ông

và Tuyết thấy anh ta đầy mệt mỏi. Mái tóc của anh ta nghiêng xuống vầng trán. Cái cà-vạt anh ta hơi xốc xếch, cái cà-vạt đó có linh hồn của nó. Anh ta buồn trong bộ dạ phục. Anh ta đứng đó như một điều ảo mộng.

Đêm đã về khuya và trời đang nói gió mạnh, một cánh cửa sổ của căn phòng bị gió đóng lại vang lên tiếng động chát chúa.

Người đàn ông lúc mới mở cửa không chú mục vào Tuyết mà nhìn tất cả cái cảnh tượng trong căn phòng. Trước đây, anh ta đã nghe những lời nói của Tuyết và anh ta đã nghĩ rằng “người đàn bà đang kêu la lên đó không xa lạ với mình ». Bởi thế, khi mở cửa phòng, anh ta không nhìn kỹ vào Tuyết mà anh ta nhìn bao quát cái cảnh tượng trong căn phòng.

Anh ta thấy Tuyết thì ngồi trên một cái ghế đang nhìn ông Trần X. nhặt những xấp bạc. Anh ta thấy ông Trần X. vừa nhặt bạc vừa ngẩng lên nhìn mình. Nói về ông Trần X.: ông ta bây giờ đang suy nghĩ rằng người đàn ông này là nguyên nhân của sự nổi giận của Tuyết đối với ông ta, chính vì y mà Tuyết mới can đảm quăng bữa bãi tiền bạc ra giữa nền nhà, nói giọng khinh bạc, mặt sát chửi mắng ông ta. Ông ta nghĩ: “Mình muốn bỏ rơi con bé vì đã chán nó rồi, hôm nay tới nói chuyện với nó là mình muốn bàn giao nó cho một người bạn, ấy, chỉ có chừng đó thôi, thế mà nó hung hăng với mình. Mình thật không ngờ. Mình có thiện chí, mình tội nghiệp nó. Mình nghĩ nếu mình bỏ nó mà không giới thiệu nó cho một thằng nào giàu thì nó rồi đến làm đĩ rạc. Mình có thiện chí, ấy thế mà nó chửi mình. Có lẽ nó điên”.

Bây giờ nói về người đàn ông đứng nơi khung cửa: anh ta chính là Diễm. Diễm đứng đó như một điều ảo mộng. Những lời người đàn bà nói chàng được nghe khi chàng vừa tỉnh dậy, đang nằm nhìn ra những vì sao rất ít ở trên trời đầy mây. Những lời người đàn bà nói nghe như vẳng từ một giấc mộng. Nhưng chàng biết đó là những lời rất thực của một người đàn bà rất thực. Có gì bắt chàng phải đứng lên. Có sức gì thu hút chàng. Như những lời nói đó là đá nam châm và chàng là một thỏi kim khí. Diễm đã đứng dậy, phấn khởi trong một nỗi buồn thăm thẳm. Mặt Diễm sáng lên. Như có gì khích lệ, xô đẩy chàng đi ra khỏi phòng, tiến đến nơi vang lên những lời lẽ âm u mà sáng ngời của người đàn bà đang nói. Người ta thường kể chuyện những

kẻ đi tìm vàng khi đã biết vùng nào có mỏ vàng sẽ bắt kẻ gian lao bắt kẻ sống chết bằng mình đến ngay tại đó. Diễn đã tìm đến với tiếng kêu la của người đàn bà như thế. Cho nên không là một điều lạ khi Diễn gõ cửa phòng Tuyết một cách tự nhiên. Điều lạ đây là lần đầu tiên Diễn đường đột một cách dị kỳ.

Bây giờ Diễn vẫn đứng ở khung cửa như một điều ảo mộng. Người đàn ông là ông Trần X. nhật tiền bạc đã xong. Ông ta đứng dậy vừa bỏ bạc vào túi quần. Diễn thấy ông ta có chứa lại một xấp mà chàng không rõ bao nhiêu. Xấp đó ông ta cầm trong tay. Ông ta nhìn Tuyết, chẳng hiểu ông đang nghĩ gì. Ông ta cũng nhìn Diễn, người mà ông ta chưa từng gặp mặt bất cứ ở đâu. Ông ta có vẻ đang lý thú điều gì. Ông ta tiến đến gần cái ống nhổ lớn, quăng vào trong đó xấp bạc. Sự

phản ứng của Tuyết liền khi này thật là ghê gớm, đáng kinh sợ. Nàng đứng dậy cầm một con dao và tiến đến ông ta. Nàng đâm ông ta một nhát dao lút cán. Không, không phải thế. Đó là điều Diễm thấy trong tâm tưởng của chàng. Sự thực Tuyết không có cầm dao nơi tay. Diễm nghĩ, bởi vì không có một con dao cả ở nơi đây, nếu có thì...

Tuyết đứng dậy và nói rất lớn, giọng nói nhọn và sắc:

– Tôi yêu cầu ông nhặt cái đó lên. Tôi yêu cầu ông nhặt lên. Rất gấp và rất cần.

Diễm thấy mắt Tuyết long lên, quắc lên. Diễm thích thú trước cảnh tượng này nhưng mà chàng nghe đau xót nghe bầm tím cả tâm hồn. Chàng chờ đợi cử chỉ của người đàn ông là ông Trần X. Bây giờ chàng quan sát người đàn ông này.

Ông ta là một người khỏe mạnh, độ 40 tuổi ông ta là thứ người thích vui sướng, không biết bần khổ không biết đau khổ mặc dầu ông ta cũng cần, đôi khi phải biết đau khổ và bần khổ. Chính cái khuôn mặt trẻ già của ông đã có lời nhắn nhủ với ông ta như thế. Ông ta là thứ người mà Diễn thường được gặp. Nhìn ông ta Diễn nhớ cha chàng. Cha của chàng, lớn tuổi hơn ông ta, cũng là một thứ người như ông ta.

Diễn quan sát người đàn ông là ông Trần X. Diễn thấy sau khi ông ta quăng xấp bạc vào trong ống nhổ thì ông ta lấy làm lý thú lắm. Nhưng, khi Tuyết phản ứng dữ dội thì ông ta mất ngay liên vẻ lý thú và ông ta kinh hãi. Ông ta phóng đến Tuyết một cái nhìn thù hận rồi ông ta đành cúi xuống lấy xấp bạc, vẻ tự nhiên cũng như khi ông ta quăng vào đấy. Khi

ông ta lấy xấp bạc xong thì ông ta cười, cái cười hơi khả ố, nhưng cái cười đó thâm trầm. Tuyết nhìn cái cười đó, không quan tâm. Diễn muốn tát ông ta một tát và chàng cười với ý nghĩ đó.

– Làm gì đi nữa rồi thì cô cũng là đi. Cái điều quan trọng là cô có còn ngứa tay ra lấy tiền của đàn ông nữa hay không.

Người đàn ông là ông Trần X, nói thế. Tuyết cười gằn không đáp lại.

Lúc này nàng trở lại ghế và ngồi xuống. Người đàn ông là ông Trần X tức giận hiện lên trên mặt. Tai ông đỏ gay. Ông ta nhìn khách lạ là Diễn bằng cái nhìn không chứa đựng ý nghĩa gì hết – Diễn nhận thấy thế. Ông ta làm một cử chỉ để bảo cho người lạ là Diễn biết rằng ông sẽ đi ra khỏi phòng để cho Diễn

tránh một bên. Ông ta hình như không muốn nói gì với người lạ là Diễn. Diễn có vẻ gì nơi mặt làm cho ông ta sợ tuy rằng Diễn đang mơ màng và đang vô cùng mệt nhọc.

Và bây giờ thì ông ta tiến đến cửa. Diễn tránh mình sang một bên. Ông ta cười nhìn Diễn, nụ cười ông ta hơi ngượng ngập và giống nụ cười của một đứa con nít không hiểu gì về đời sống. Ông ta đã đi ra ngoài hành lang. Ông ta đi thật mau bằng những bước ngắn nhưng vội, có vẻ chạy trốn. Diễn nhìn theo. Diễn thấy ông ta ngừng lại một lát ở miệng thang lầu.

Diễn nhìn ông ta biến dần nơi miệng thang lầu theo chiều dọc của thể xác.

4.

Chào ông, có lẽ phòng ông gần đây.

Câu đầu tiên Tuyết nói với người lạ là như thế. Câu nói này có khả năng chia đôi rõ rệt cảnh cũ với cảnh bây giờ và làm bắt đầu một sự mới mẻ trong căn phòng. Câu này nói lên đúng khi cái đầu của người đàn ông là ông Trần X. thụt xuống ở miệng thang lầu. Và nhằm vào lúc Diễm vừa quay lại nhìn Tuyết.

– Tôi ở bên dãy số lẻ, trước phòng cô, Diễm nói.

– Có lẽ ông không hiểu rõ chuyện gì đã xảy ra giữa tôi với ông đó.

Tuyết hình như đang còn xúc động vì

những việc vừa rồi nên nàng quên không nghĩ mời Diễm vào hẳn trong phòng vì thế tới lúc này Diễm vẫn còn đứng ở khung cửa. Còn Tuyết thì vẫn ngồi ở chỗ cũ như cảnh trước.

– Không, tôi hiểu rõ lắm. Tôi đã lắng nghe tất cả những lời lẽ của cô (vừa nói Diễm vừa bước vào, tiến đến một cái ghế gần Tuyết mà ngồi xuống).

Bây giờ không phải là lúc dè dặt kiểu cách của cái gọi là phép xã giao lịch sự. Bây giờ cũng là lúc Tuyết chẳng còn cần biết đến những điều lật vạt tầm thường đó của đời sống mà khi người ta không đau khổ lắm thì người ta mới thường dùng. Bây giờ là lúc mỗi người lấy trái tim của mình đặt lên trên bàn mà ngó vào và để cho người khác ngó vào xem chơi cho biết nó là thế nào.

Tuyết nói:

– Nếu tôi không bị chà đạp một cách ghê gớm thì tôi vẫn còn ở còn trong cảnh cũ. Tôi đã nói là tôi từng muốn làm biến tôi đi để tôi không thấy thân phận tôi nữa...

– Tôi đã lắng nghe tất cả. Những lời lẽ của của cô là những lời lẽ của ngàn triệu năm câm nín của đời sống.

Diễn nói bằng giọng thâm trầm chua cay, nhưng đôi mắt chàng thì sáng lên.

Nghĩ

– Tôi là Diễn, tôi vừa mới đến đây hôm qua, phòng tôi ở bên dãy lẻ, số 3, trước phòng cô. Tôi đến, tôi mệt (những ngày qua có nhiều chuyện xảy đến trong đời tôi... làm tôi mệt, nhưng vì thế mà tôi..) tôi đến đây hôm qua (bây giờ là một

giờ rồi, đã bắt đầu một ngày khác) tôi đến đây hôm qua, tôi mệt và tôi ngủ, ngủ được một giấc, đến khi tôi thức dậy, tôi đang nhìn bầu trời thì tôi nghe vù lên những tiếng kêu la, mà buồn thế, những lời lẽ đó của cô. Những lời lẽ đó làm cho tôi khóc, và tôi vù dậy, tôi choàng áo vét, và đi giày vào (tôi ngủ không cởi sơ mi và không cởi quần và cứ để cà-vạt và cả vớ) tôi đi giày vào vội vàng (lúc này tôi vẫn lắng nghe lời cô nói mà dù tôi không lắng nghe thì tôi cũng cứ nghe) rồi tôi mở cửa phòng tôi và tôi đi ra đứng ở hành lang. Tôi biết tiếng nói đó phát ra từ đâu. Tôi đến cửa phòng cô và tôi gõ cửa. Tôi hiểu hết cả. Dù chưa từng gặp cô nhưng cô không phải là người xa lạ với tôi. Vì thế tôi mạnh dạn gõ cửa. Sự đau khổ chứa đựng trong lời lẽ của cô làm cho tôi mất đi tính dè dặt thường lệ. Thường, tôi không gõ cửa ai như thế

bao giờ. Cô có cho như thế là đường đột không? Không, cô không cho như thế là đường đột đâu, với lại cô đâu còn đủ bình tĩnh, đủ sung sướng để mà nghĩ đến những điều tầm thường nữa. Trước mặt cô, sau lưng cô, bên trái và bên phải của cô là sương mù của đời sống, cô vùng ra khỏi, cô bận đến điều đó rồi thì làm sao cô có bình tĩnh để mà thấy cái gọi là sự đường đột.

– Thưa ông, tôi không nghĩ gì về điều đó. Khi cánh cửa phòng mở và tôi thấy ông, tôi vô cùng sung sướng. Tôi thấy ông như là một người... ông hiện ra để cho tôi khỏi chơi với.. vì đó là giờ phút chót của giấc chiêm bao. Người ta ít mất sức khoẻ vì nằm chìm trong chiêm bao, những người ta rất mệt khi bắt đầu thoát ra khỏi. Ông đã đến và ông đã cho tôi thấy cái sắc diện đầu tiên của đời sống

sau những năm tháng... Tôi là Tuyết, từ lâu tôi sống trong sự chết. Bởi vì tôi bất lực Năm nay tôi vừa hai mươi tuổi. Hai mươi năm nhưng tôi chưa sống không cắt nghĩa được những điều kỳ dị nó chiếm trọn tuổi trẻ của tôi. Năm nay tôi vừa hai mươi tuổi. Hai mươi năm nhưng tôi chưa sống được một ngày. Bây giờ có phải là ngày thứ nhất mà tôi được sống không?

Nỗi buồn trong lời nói của Tuyết có thể làm đá đứng dậy và đi, Diễn thấy núi chạy và rừng thì ca hát.

– Bây giờ cũng là ngày thứ nhất của đời sống tôi. Tôi là Diễn, cha tôi giàu lắm, nhưng... nhưng mà gia đình tôi không được vui vẻ. Ông ấy có một tình cảm ghê gớm với tiền bạc, mẹ tôi có chồng giàu nhưng bà khóc luôn. Và bà chết vì ông ấy yêu thương người khác trước mắt bà.

Tôi có một người chị lấy một người thích triết lý và cuối cùng anh ta tự tử vì triết lý. Chị tôi sau đó biến mất ở đâu tôi cũng không rõ. Còn tôi thì tôi không hợp với ba tôi nên tôi bỏ nhà ra đi nhưng thỉnh thoảng tôi lại về nhà xin tiền ba tôi. Ông ấy cho tôi rất ít, ông tiếc tiền, nhưng ông lại sẵn sàng cho tiền một thiếu nữ rất đẹp. Người này ở với ba tôi được một năm nay. Cô ta trẻ. Ba tôi không thích tôi về nhà thường. Ông ấy sợ gì chắc là cô biết. Tôi thì tôi cũng ít về nhà. Tôi có tiền thì tôi đi trụy lạc. Những cái gì của đời sống đen tối nhất tôi đều biết. Tôi chìm trong đó lâu nay để mà quên những điều kỳ dị trong gia đình tôi. Tôi yêu thương mọi người và tôi buồn về những ghê tởm của đời sống. Rất nhiều lần tôi thấy tôi bất lực trong việc làm cho hết những ghê tởm. Và như thế tôi làm biến tôi đi. Tôi tránh mọi sự thực vì chúng nó làm tôi

khổ. Tôi bắt chước anh rể tôi, hư vô...

Thế rồi hôm gần đây, một điều xảy đến làm thay đổi tôi. Để tôi kể một việc này. Người con gái mà cha tôi đang sống đã yêu tôi. Về sau khi... tôi mới rõ. Cha tôi rõ điều đó trước khi... Tôi thường về nhà xin tiền cha tôi. Cha tôi thấy bất tiện và ông tìm cách giải quyết vấn đề tôi. Đã nửa tháng qua rồi kể từ hôm ấy. Hôm đó tôi hết tiền về nhà xin tiền cha tôi. Tôi ngạc nhiên thấy cha tôi tiếp tôi rất trang trọng, có vẻ nể tôi. Lúc này tôi có nhìn người con gái sống với cha tôi vì cô ta có đi qua nơi chỗ phòng khách mà tôi đang ngồi với cha tôi. Cha tôi tiếp tôi rất trang trọng và có vẻ nể tôi, nhưng mắt ông có cái nhìn ra ớn cho tôi. Tôi chờ đợi. Cha tôi nói:

– Diễn, hôm nay cha con mình nói chuyện quan trọng.

Chuyện quan trọng gì đây, tôi đoán mà không ra. Cha tôi nói tiếp:

– Người làm cha có bốn phận với con cái.

Tôi nhìn cha tôi, tôi thấy cha tôi già và mệt. Tôi thương ông. Cha tôi lại tiếp:

– Cha có bốn phận này với con. Con nên sống cho lành mạnh đi!

(Lúc này tôi cười,) Cha tôi hỏi:

– Dĩn, con cười gì?

Tôi nói: – Dạ, không ạ.

Cha tôi nói:

– Cha muốn chia gia tài cho con. Nhà thì cha cho con cái biệt thự bên Gia Định, còn tiền thì cha đã lập chương mục cho con rồi, con sẽ đến ký, và cha

sẽ chuyển tiền qua chương mục cho con. Lẽ tất nhiên là cha lo cho con rất trọn vẹn.

Đến đây cha tôi ngừng lại một lát, rồi lại tiếp:

– Nhưng mà, Diễn này, cha đề nghị là từ đây... từ đây con thay đổi nếp sống, nghĩa là con đừng lang bang nữa, và điều quan trọng là cha con ta sẽ có một cái nhà khác để gặp mặt nhau. Cha muốn cha được tự do ở đây. Con về đây thường làm cha không được yên ổn...

Cha tôi còn nói nhiều nữa, tôi chỉ cứ việc nghe. Tôi thấy thích vì có tiền. Tôi nhìn cha tôi và tôi thấy cha tôi mệt mỏi lắm. Tôi thương ông. Tôi nghĩ suốt đời ông đã làm tiền, và ông không được vui hưởng, bây giờ thì ông cứ vui hưởng. Tôi không trách phiền ông về việc ông yêu

cầu tôi đừng về nhà. Tôi nghĩ đến người thiếu nữ sống với cha tôi và tôi hiểu. Tôi thương cảm cha tôi và tôi cũng thương cảm cả cô ta. Tất cả đều buồn. Tất cả đều ở trong giấc chiêm bao.

Khi nói những lời trên, có lúc Diễm nhìn ra khung trời mà cửa sổ cho phép thấy – Diễm thấy khung trời lay động vì gió và vì sự nhấp nhánh của sao — có lúc chàng nhìn vào Tuyết để sung sướng trước sự sinh sắc của nàng trong từng phút. Tuyết càng lúc càng đẹp và càng sáng. Chiếc áo dài nền trắng hoa xanh lớn gần bằng một bàn tay xòe ra mà Tuyết đang mặc làm cho Diễm nghĩ đến một vườn hoa đầu mùa. Hắt gi màu hồ phách nằm trước ngực nàng bây giờ là một hạt lệ vui. “Femaine» nơi cổ tay của nàng đã là một Semaine.

«Tất cả những duyên trong giấc chiêm bao đều buồn!» Diễm nói thầm.

(Vừa lúc này ngoài kia có những tiếng gót giày; cô mặc đầm đeo mi giả trở về. Cô ta gieo những bước mệt mỏi xuống nền hành lang. Cô ta cố tình tạo ra thêm vẻ mệt mỏi cho các bước đi của cô ta thấy khỏe khoắn thể xác và tâm hồn. Vào lúc này có tiếng động kim khí của người tâm quất ở dưới đường. Vào lúc này có tiếng động cơ của xe hơi và xích lô máy vang lên. Vào lúc này nơi thành phố bắt đầu thức đều được cả – có những người ngủ yên vào giờ này và cũng có những người rất thức tỉnh vào giờ này nếu như họ thấy cần thiết. Vào lúc này, cô mặc đầm đeo mi giả đang ở trong phòng cô ta, đang lấy cặp mi giả ra từ đôi mắt mình. Cô ta để cặp mi giả trên bàn trước cái gương soi. Trong gương có

một cặp mi giả khác thành thử có đến hai cặp mi giả).

Nãy giờ, Tuyết lắng nghe những lời lẽ của Diễm và nàng thấy ở Diễm đầy sự tội nghiệp. Nàng mơ hồ hiểu rằng vì sao. Diễm không được vui.

– Những điều đó thật buồn. Tôi cũng thương cảm ba anh và cô ta, Tuyết nói lên.

– Tuyết, Tuyết nghĩ thế nào khi tôi nói rằng khi tôi mở cửa phòng Tuyết là tôi tìm được một người mà tôi tìm từ lâu.

Tuyết không muốn che đậy tình cảm của nàng, nàng bây giờ cũng như Diễm, muốn đặt trái tim trên bàn. Sự giả dối sự che đậy bây giờ chỉ càng làm cho mỗi người lại chìm trong chiêm bao trở lại mà thôi.

– Bây giờ là mấy giờ rồi anh? Tuyết hỏi.

– Bây giờ là ngày khác.

– Anh có muốn xuống đường vào lúc này không?

– Đó cũng là điều cần. Tuyết muốn xuống đường? Phải rồi, xuống đường và đi một khúc. Tôi muốn thức đến sáng, Tuyết nghĩ thế nào?

Hai người đi ra hành lang sau đó. Tiếng gót giày của họ gieo xuống nền hành lang và hành lang vang lên. Những tiếng gót giày khuya khoắt nhưng khuya khoắt một cách khác.

KIÊM MINH

NHẬT KÝ

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

5-4

Một ngày làm việc với những người lạ. Tự tử. Chẳng qua cũng vì một miếng ăn, cái quần cái áo mà mặc vào người. Buổi tối ghé lại người bạn đó, T. bảo với người em. Đừng sĩ nhục anh hơn nữa, với lương lính quèn của anh không thể nào đủ để cho em có thể ăn học không thôi, em cũng phải làm việc nữa cho gia đình có cơm mà ăn ngày hai bữa. Tôi rủ T. đi uống cà phê hai đồng. Chẳng lẽ chúng ta chịu bất lực hết hay sao. T. bảo: đừng nói thêm gì, làm được chừng nào thì làm. Bà mẹ ngồi bên bàn máy, đưa

em ngồi bên bàn máy. Một hoặc hai giờ sáng. Đèn dầu, nước giếng, nhà thuê và những thán ăn tục, nói phét, chửi đồng, ăn cắp tiền cha mẹ và chạy rông. T. nói về A. nó vừa mẫn quân dịch, bây giờ làm gì? Cố gắng kiếm cách nào để cho thấy còn có đứa nghĩ đến nó. Không có gì để giúp đỡ nhau hết, nó chỉ có thể cười một mình, nói một mình và ôm lấy nó trong giấc ngủ. Cha mẹ? Anh em? Bạn bè?

Trời bức như muốn ngạt. Ba bề tường bưng bít, chiếc áo quan của kẻ hấp hối. Một thứ xuân thu chiến quốc. Ở một thứ vạc dầu, chúng ta đã nhúng gần hết thân thể vào đó — nó đã nhừ ra rồi. Chung. Bao nhiêu mối liên lạc, tin tưởng tương quan không còn, nó tan ra từng phần, để hoặc chai cứng, hoặc mục nát để đốt lên cũng không làm sao bốc cháy được. Than cho que diêm đánh lên. Sao nó chẳng ra

ơm cho xong? Chín chẵn là thế. Tôi đã bảo: nhìn xem còn ai?

Những trang sách mở ra, đóng lại. Mặt bàn gỗ đỏ và những trang giấy bỏ trắng. Vẫn không bắt đầu. Vẫn hẹn. Vẫn vuốt ve an ủi mình Mày biết không, mày biết không: một thứ sâu bọ nào nằm trong khối óc thối rửa của mày. Còn tự hào cái gì?

11-4

Vẫn cố gắng đến ngồi ở cái mặt bàn lớn đỏ với những kẻ lạ. Nhưng người ta không muốn nữa. Những đồng bạc thí ra. Bây giờ không thể được. Tôi nằm nhà. Ý đến. Hẩn than phiền về chỗ ở. Nhiều chó, ở sâu. Tôi nửa đùa nửa thật: Anh biết có mấy con không, sáu con và một con vừa đẻ ra sáu con nữa. Ở với chó cho nó quen đi. Xin lỗi anh. Ý buồn, và tâm

sự với tôi. Muốn làm một cái gì nhưng không được. Tại sao không cứ làm xem. Nhớ lời một người lớn, gần năm mươi còn cưới một người học trò, đã thanh minh rằng: vì còn mẹ già và con một. Tôi có nói gì đâu. Đó là tất nhiên. Bậy vô số, các anh trẻ các anh thấy đó, các anh đừng trông vào chúng tôi, chúng tôi già rồi, hỏng rồi: như kẻ bị sa chân vào bùn lầy càng cựa càng sụt xuống mỗi lúc một sâu: Nhà Bè... Building, bậy vô số. Thế thì ra: nghe lời chúng tôi nói, đừng trông việc chúng tôi làm. À thì ra tri hành là như thế. Cứ nói đạo đức đi và cứ . . . Tôi trẻ người non dạ, tôi đã noi gương với sức ngu dân, dốt nát, lười biếng của mình. Và tôi nhầm hai ba tầng nhầm . . . Tôi tự trách tôi. Tôi không trách ai hết. Ý nhỏ cho tôi hai sợi tóc bạc. Tuổi thanh xuân của tôi đó, anh đừng buồn tôi.

Chúng ta tưởng chúng ta chín chắn, nhưng thực chúng ta chín nhừ. Trên nhận thức chúng ta đều thấy sai hỏng, chúng ta không làm được, bất lực, thất bại từ những cái nhỏ của riêng từng người, và sa lầy luôn. Vì sao? Chúng ta phải dang tay ra làm sự thật. Dang tay ra làm một bàn tay – một bàn tay có ý nghĩa, nếu chúng ta không muốn thua, không muốn thua to. Tôi lại tiếp tục lang thang từ Saigon xuống Chợ Lớn, lên Gia Định. Gặp mặt đủ nhưng như không gặp ai. Từng đồng bạc còn của “buôn xương, bán máu, mua súng, bắt cóc...” bỏ ra tiêu nốt. Tôi còn yêu một người nên tôi còn phải sống. Tôi đã đứng ở những bờ sông, ven đường tàu, trên gác cao. Còn cha tôi, còn em tôi, còn chị tôi và người nói rằng yêu tôi đó. Tôi đã nói: những móng tay sắc này, em biết không? Để anh nhốt anh vào một nhà tù và tự cào cấu, hành

hạ, đánh đập mình vì không còn gì nữa.
Thực thế hay tôi lừa tôi?

15-4

Anh T. đã muốn tôi làm việc Tôi nhận. Tôi cảm thấy như vừa được tiêm vào người một dòng máu mới. Tôi lại say mê, viết và làm bằng tay chân. Tôi thấy như chính việc của tôi, tôi muốn được góp phần vào một công việc của nhiều người với sức lực mình có. Nhà in, ngoài phố, ga hàng hóa, bưu điện ... Tự thấy phấn khởi bên cạnh sức lực, nhiệt thành của bạn hữu. Ít ra chúng tôi cũng đã nhìn thấy mặt nhau...

16-4

Nhận điện tín chiều qua. Sáng nay cấp cấp với bộ quần áo, ba trăm đồng tôi lên xe đi Đà Lạt, lúc chưa có nắng. Bốn năm trước cũng một buổi sáng tôi đã đi với T. trên con đường này lần đầu tiên với rất nhiều

dự định, với rất nhiều yêu mến. Bây giờ những dự định vẫn là dự định Những yêu mến đổi khác vì mỗi người có một đời sống, mỗi người muốn làm một sự nghiệp.

Rừng cao su. Bờ cây xanh, con đường như những chiếc võng lùa bắc liên tiếp. Bao lâu rồi tôi mới nhìn thấy cây xanh ở chỗ cây xanh. Được hít không khí của thiên nhiên, được thấy trời rộng, được thấy thiên nhiên, xe chạy 100 cây một giờ. Nhưng trong bụng tôi không thanh thản vì công việc phải làm. Tôi muốn quên nhưng không được. Ước cho một

lúc nào tôi không còn phải bận tâm để tận hưởng cái sung sướng của một người trước cái bao la của trời đất. Tôi thấy cái ghê khiếp của mình ở giữa những gạch ngói, sắt thép, khói than... Ăn một bữa cũng là cơm, là rau, là miếng thịt, nhưng sao ngon, nó có vị, điều mà những bữa ăn cho qua đi trước đây tôi không có thì giờ để ý đến. Thật khốn khổ, khốn nạn. Định Quán 10 giờ.

Chào mừng du khách. Hãy bảo vệ rừng ... Tôi đã tới nơi sau những con đường đó. Dưới chân sâu hút những thung lũng mà ngọn cây có sương trắng. Kê nào rơi xuống đó. Mưa và lạnh. Những hơi thuốc dễ chịu. Tôi tìm những địa chỉ để nhờ cậy, ở lại đây một ngày lo công việc. Nhưng “hỏi nhà nhà đã rời xa, hỏi...” lo lắng với số tiền trong túi. Từ khách sạn này sang khách sạn khác hết

cả buổi chiều mới tìm ra chỗ rẽ tiên nhất. Thành phố đã thay đổi nhiều. Những dãy nhà cổ đều phá hết. Một cái chợ rất văn minh dựng lên. Thật chó chết. Bụng rỗng như cái tang trống thùng còn làm điệu.

Đổi cây, những con đường như cánh tay tình yêu tìm gặp nhau. Mưa lạnh và phát ho. Chợt nghĩ đến lá phổi mà lo lắng. Gian phòng có cửa ngó ra sườn đồi dựng đứng không ngó thấy giời. Khói hun như hang chuột, hành lang như nhà thương. Trong phòng khách đợi một người đàn bà khóc: Nó rủ tôi lên đây chơi, nó hứa sẽ cưới tôi ... nhưng bây giờ... khóc đi các con. Khóc nữa đi các con. Rồi một lưỡi dao, một cục pháo xiết cho nó hết cái thời buổi oan trái này. Tôi đã thức thêm một đêm không ngủ nữa giữa một gian phòng xa lạ, giữa những vật tạm bợ.

Bao nhiêu người đã ngồi ở chiếc ghế này, nằm ở chiếc giường này. Tôi đã viết thư cho một người mà lâu nay tôi quên lãng.

“Thực đến khi anh viết thư này cho em anh mới thấy rằng tình yêu em dành cho đời sống anh thật cần thiết. Anh đã trốn tránh tất cả, em dìu anh ngó lại để biết một người mẹ lo lắng cho con ra làm sao, một người chị chăm sóc cho các em thế nào. Để anh thấy rằng đời sống mình chỉ có hạnh phúc sống trong một gia đình với những kẻ máu mủ yêu thương. Ăn bữa cơm rau dưa do những bàn tay nâng niu làm, ngồi trên chiếc ghế, tấm bàn quen thuộc giữa hơi thở, câu nói, tiếng cười mà chỉ những kẻ thân yêu mới có. Em đã dạy anh điều đó. Tuổi thơ anh không được biết gì, anh đã sống lên với thù ghét, ghẻ lạnh, bội bạc... Em đã cho anh biết cái gì đẹp đẽ và cần thiết đó.

Anh muốn trở về đó ngay để nói cho em nghe và nói cho anh nghe rằng thật anh chẳng xứng đáng với tấm tình yêu em dành cho anh. Anh chẳng muốn làm loài chim Kiwi gãy cánh. Anh chỉ muốn làm một con chim khuyên nhỏ trong vườn nhà. Những chiếc áo mẹ anh may cho anh mặc từ hồi chưa biết mặt mẹ, bây giờ anh không còn những chiếc áo đó nữa, hoặc còn anh cũng không mặc vừa. Đáng ra anh phải biết như thế chứ?...”

17-4

Tôi trở về buổi trưa 4 giờ 30 Định Quân. Chúng bắn chết ba người. Chiếc xe T-V lật xuống vệ đường. Mỗi đe dọa vào đời sống. Thế sao tôi không biết đến. Tôi trông thấy những chiến sĩ nơi đó: một vị cố đạo, một người thanh niên

bằng tôi, một người con gái bằng người yêu tôi. Chúng nó ở trong rừng xả súng vào xe. Tôi đã trông thấy những giọt máu hồng. Những lo âu, phần uất. Tội cộng sản đang đe dọa chúng ta. Chúng nó muốn gì ở đây. Rồi ở một chỗ nào chúng sẽ xả súng tiếp tục vào đồng loại. Tôi cảm thấy mối đe dọa hơn bao giờ hết. Thế mà ở cuối chặng đường kia, ở bến xe tôi xuống người ta đang ca hát, cười đùa và đang chơi. “Tôi muốn khắc đờm vào cái đời sống này.” Tôi đã nói câu đó với người tôi gặp đầu tiên. Anh nhả răng cười và tôi đã chửi tục...

Chúng ta đang thảo nhiên tự tử thế nào hồi những chú đà điểu khốn nạn đang rúc đầu vào cát kia?

Không khí chung quanh đã làm tôi không thể im lìm nữa, những chán nản, mệt mỏi bắt đầu trở thành tức bực bất mãn với ngay chính bản thân. Nhiều điều trong tôi bắt đầu thay đổi, những mầm mống nhỏ hình như vẫn lẩn tránh, tôi lại lặn vào những tranh luận. Nhiều vấn đề đặt ra một lúc – cả những điều lớn lao ở ngoài tầm sức của tôi. Tôi kiên tâm dò dẫm từ những điểm nhỏ để gỡ mối. Đầu óc tôi bỗng nhiên có lúc tối tăm lại. Những cơn nhức đầu, choáng váng và ho.

Trở về thăm chị, người em và các cháu. Tôi đã không còn mấy can đảm để ngồi ăn cơm một mình bên chông cả mền mỗi bữa khuya động những bát đĩa cho vui tai. Đã chán những khúc bánh mì khô cứng nhạt nhẽo, những cốc nước lạnh tanh mùi phèn và sắt. Chị tôi rớm

nước mắt nhìn tôi gầy hơn hồi đi. Đứa cháu nhỏ hỏi tôi: “Sao cậu đi hoài không về với cháu.” Tôi ghen ngào bưng bát cơm. Tôi đã có quên, đã cố hành hạ mình, thế nào?

Cuốn truyện dài bỏ dở từ ba bốn tháng nay vẫn không viết thêm một trang. Tôi không viết được một cái gì hết. Tôi thấy trong lòng thường trực những lo lắng, xáo động, không thể tập trung được trí óc để nghĩ một cái gì rõ ràng. Tôi chán cả đọc. Những vấn đề thực tế bày ra trước mắt đòi lên tiếng. Tôi ngổ ý với bạn hữu được làm một tờ báo hàng tuần vào lúc này. Lại thêm một ảo tưởng. Tôi lại say mê bàn định một cơ sở xuất bản được tổ chức đường hoàng với những người viết. Từ in, phát hành... phải được tổ chức lại hết... nhưng thực là “buôn ảo mộng” như T. đã nói với tôi. Tôi không

hiếu sao lại có thể “lãng mạn” đến như thế giữa cái hoàn cảnh khốn khổ này. Nhưng tại sao lại không được nghĩ đến. Muốn tự do trước tiên phải độc lập kinh tế đã chứ.

Tôi muốn đi Nha Trang nhưng không sao đi được vì những việc lặt vặt. Tôi lần nữa mãi. Bạn bè. Những đồng bạc. Mỗi sáng một bát cháo đậu xanh. Và quãng đường bộ Cao Thắng + Cô Bắc. Có người hỏi: nghe cậu có tiền cho vay lãi và chơi họ? — Chứ sao! Cậu ra xem chương mục ở Đông Dương Ngân Hàng đó, mới có nửa triệu chứ mấy, và đã tậu nhà ở... Tôi buồn nhưng lại cười ở căn nhà nhiều tầng đó. Tôi cười như thể chẳng lo sợ gì, vì nhà đổ bê-tông thì làm sao mà có ngói rơi, có cột mà đổ ... Chị tôi vẫn nói: em biết không chị cầm đồng bạc trong tay chảy mồ hôi ra không dám tiêu. Nhà ta

nghèo như thế nào em biết không? . . Tôi vẫn bảo: tôi không biết đi xe đạp – thật thế – nếu tôi biết đi xe đạp tôi sẽ phải kiếm xe xô-lếch, xe máy dầu, rồi ếch bà ... Bữa tiệc đãi lớn đó tôi không đi vì tôi không có một đôi giày, một cái cà-vạt, một bộ mặt ... bởi ở đó thì ai cũng mang “đồ lớn” cả. Tôi biết thân tôi dù thềm ăn một bữa... Tôi thấy nhục cho họ về một bộ đồ mỗi.

Tôi tới tìm S. Hai quả cam sáu đồng bạc. Nhà Bầu Sen, tôi đã biết rằng ở một mình khổ như thế nào. “Đời mồ côi hiu quạnh anh không hề được ăn một lần”. Phải không?

20-9

Những cơn sốt liên tiếp ba ngày. T. đập cửa lại lúc 11 giờ khuya. Tôi bảo: mình sốt cậu về đi — và T. về. Tôi đã mong một người nào tới thăm, nhưng không. Hai thằng khốn kiếp ở gian bên mang gái về hú bí. Tiếng chửi ở nhà dưới và bầy chó cắn theo. Tôi la hét trong những giấc ngủ ngắn. Hai viên thuốc. Bánh mì. Nước máy. Cuộn mình trong chăn. Tôi muốn trở về nhà để được ăn một bát cháo nóng với hành. Tôi nhớ những người thân quá đời. Tôi nghĩ lẫn thẩn: nếu chết đi có lẽ đến thối rửa ra cũng chưa ai biết, nhưng tôi không muốn chết chút nào hết.

Bạn bè bắt đầu ít gặp mặt nhau. Mỗi người có một công việc phải làm. Tôi đã mang cả hai mươi năm nay cho người ta vay lãi và chơi họ nhưng chúng nó quyết nhẫn rồi. Tôi muốn cầm dao ở tay là thế.

Tôi tới cái hộp năm tầng đó – ở tầng thứ tư - tôi hỏi vay H. năm trăm để mua thuốc, nhưng H. không có. Bắt đầu nhận kèm hai đĩa nhỏ mỗi tháng 600\$ để có trả tiền nhà. Tôi có ý muốn rời đi. Năm trăm tiền nhà đối với tôi bây giờ to lớn quá và tôi cũng không biết trông vào đâu.

Câu chuyện chuyển sang văn nghệ: Tôi chê H. đã không can đảm viết là hèn, vứt đi. Sống như vậy chết đi còn hơn. H. cười và buồn: một là nó thành cao ở ảo tưởng hai là cách mạng chưa chấm dứt. Tôi bảo: các anh chỉ tham dự với bề mặt, chưa sống gì hết, đừng nói dối, tôi chán làm. Tôi chán những điều tôi đã làm rồi.

Tôi không tin gì các anh cả. Tôi ở trong cái thế hệ bị chặt khúc ra rồi. Tôi phải làm. Tôi phải lao mình ra với đám đông, với thực tại bi thảm. Tôi chán than van kêu khóc rồi. Tôi đã bảo H. một cách đúng đắn: Tôi phải tìm lại đối tượng. Nó không giản dị như xưa kia nữa.

Tại sao qua gần hai chục năm chúng ta không có một tác phẩm tiêu biểu? Bảy năm trời nay chúng ta làm gì: chúng ta xa lánh thực tại. Với nhiệt tâm của kẻ chiến đấu, tôi không muốn bị cộng sản nó đẩy xuống biển. Tôi đang tìm lấy đối tượng, tôi phải làm lại sinh khí. Tôi phải góp sức vào cuộc chiến đấu này. Tôi đã nhìn thấy những lỗi lầm dù còn lầm – nhưng tôi còn can đảm để nói mình lầm và tiếp tục cuộc hành trình.

20-7

Ngày này nhớ cái tang chia đôi đất nước. Ông nội và chú thím không biết chết sống ra sao.

22-8

Trước khi dọn nhà – cũng chỉ có chiếc va-li, mấy cuốn sách. Tôi đã đốt bỏ tập bản thảo truyện dài viết dở. Tôi phải bắt đầu lại hết. Tôi nhủ thầm: kiên nhẫn, mềm dẻo, khéo léo trong lúc này. Anh T. đã giúp tôi thêm nhiều nghị lực trong công việc. Tôi nói với chị tôi: em về ở với chị, em không đi nữa. Tôi gần như không gặp ai.

Những khó khăn vẫn chồng chất, mỗi số báo thêm một nỗ lực. Những con mắt của người đồng tình trông nhau ghen ngào mà yêu mến. Mọi người đã hy sinh, chịu đựng đến mức cuối cùng của nhau. Chúng ta chỉ có thể, và vui với

sự nghèo túng này. Bởi vì chúng ta còn muốn làm một cái gì.

6-6

Sáng nằm nhà, chiều định lên phố tìm mấy người bạn, chạm trán với chị T. và P. thế là lại phải ăn thêm bữa cơm nữa. Mưa, không kịp chuyển xe buýt cuối. Trời mưa và đi bộ dưới những hàng cây. Điều thuốc cuối cùng tắt ở ngang cầu – giòng nước đen chảy cuộn. Đọc một lá thư và viết trả lời: cậu đi sang đó đã yên, thôi cố đi. Còn mình, mình không đi đâu hết. Mình ở lại đây với những dự định đó. Mình còn là mình và những bạn hữu mà cậu và hàng bao nhiêu người không có. Dù chết đói mình cũng không buông bỏ cây bút ...

15-9

Mồng 6 thành 8 giỗ mẹ, mười ba năm trôi qua với ba chị em ở đây, mẹ nằm một mình ở quê hương. Hồi còn có nhau có bao giờ mẹ nghĩ là rồi chúng con sẽ sống như thế này không. Nhớ mẹ nhưng con chẳng còn nước mắt nữa. Bát cơm quả trứng, chúng con còn được ở cạnh nhau và cúng mẹ.

17-9

Hai ly cà phê ở Đakao. Tôi với anh T. đã đi với nhau từ trưa cho tới khuya. Những công việc khẩn thiết được đặt ra. Không mù mờ nữa. Một bề mặt mở rộng cho tất cả, chúng tôi đã mang cái sôi nổi của 20 tuổi cộng vào cái trầm tĩnh, kiên nhân của 30 để chỉ bảo nhau. Tất cả đã được phác lược và bây giờ bắt đầu, anh em đồng hành không thiếu. Đã dám làm thì làm phải được dù hoàn cảnh ra sao.

Tôi náo nức, phấn khởi. Sẽ phải làm lại hết. Không thể thế này được. Công việc của mình cứ làm còn ra sao thì ra. Họ phải chịu lấy trách nhiệm trước lịch sử. Súng đạn đang nổ. Máu và nước mắt đang chảy, lời tâm huyết đang kêu gọi. Tôi không thể ngồi yên. Chúng tôi không thể ngồi yên.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

KHI HỒI TƯỢNG

NGUYỄN TRUNG

Điều làm xúc động tôi nhất trong những lần xê dịch cũng như trong những ngày còn nhỏ ở tỉnh nhà, là tiếng rao của những người bán hàng rong. Một thứ kỷ niệm vô tư ghi sâu vào tâm trí tôi một cách êm đềm và mơ hồ. Mỗi địa phương có một thứ tiếng rao hàng riêng; điều chắc chắn là thứ tiếng rao hàng nào cũng buồn dù trong đó có vài lời dí dỏm; cái buồn đó tăng thêm buổi sáng tinh sương, và vào buổi chiều

tối. Những tiếng rao hàng hay những ký hiệu nhắc nhở tôi không gian và thời gian mà mình đã sống, nhắc nhở những kỷ niệm âm u trong tiềm thức, mặc nhiên tạo thành những hình ảnh, khi những tiết điệu, âm điệu của tiếng rao hàng được lập bằng tưởng tượng cũng như bằng những tiết điệu, âm điệu tương quan, hay sự liên tưởng từ một nhạc điệu nào đó cũng thế. Khi hồi tưởng những tiếng nhạc đó tôi thấy hiện ra trước mắt từng không khí, từng nhân vật, từng loài thảo mộc có hay không liên quan gì với nó. Sự ghi nhận của ý thức không có, chỉ có những xúc cảm trực tiếp để rồi lẫn mất trong hố sâu kỷ niệm.

Tôi rất ít được đi đây đi đó, nhất là ở ngoại quốc thì chưa bao giờ. Lúc nhỏ, được nuôi dưỡng ở miền đồng bằng, nắng cháy và mưa dầm. Hai mươi năm

chấn, kỷ niệm của đồng bằng, nắng cháy mưa dầm thỉnh thoảng được nhắc lại từ sự liên tưởng những câu rao hàng của một bà mẹ Thổ bán xôi nếp than. Rồi hình ảnh tái diễn lại liên miên, thỉnh thoảng lộ diện trên vài tác phẩm hội họa của tôi; sự lộ diện âm thầm, đến chính tôi cũng không hay biết. Chừng nhìn lại, quả là có một vài cái gì của ngày xưa.

Một thừa, thường lui đến vùng Cao nguyên. Cái buồn của cuộc tình không thành không làm át được cái buồn mênh mông của tiết điệu một câu rao đảo quanh thành phố lạnh buổi tinh sương, chui khe cửa kính vào phòng tôi. Cái thần tiên nào đó, cái sáng khoái nào đó. Tiếng rao hàng của bà mẹ di cư rất nhịp nhàng: “Ai xôi đậu xanh xôi đậu phụng”. Tôi không nhìn thấy người đàn bà có điệu rao khoan thai, nhịp nhàng, có giọng rao

êm ả, xa xôi đó, nhưng đoán là một thiếu phụ có nhiều con, áo nâu và chân đất.

Những lúc buồn và lười biếng, cùng với mấy thằng bạn buồn lười biếng khác vào ngồi chung với một bọn người làm điệu (hoặc giả những người ấy cũng buồn và lười biếng nốt), nghe những bản ca nhạc xa lạ trong các phòng trà, café, thỉnh thoảng bắt gặp vài nét nhạc hay. Những rao hàng âm nhạc trong phòng trà, café với những lời rao hàng lạ lùng và khoa học – kéo mình tới một khoái lạc xà ngầu, dật dờ như một chiếc điều giấy. Có thể tôi thích thú một vài bản hay: “Sérénade de Schubert” chẳng hạn, có thể tôi nhắm theo một vài đoạn của J. Strauss, nhưng quả tình nó không xáo động tâm hồn, không ám ảnh được tâm hồn tôi, không khiến cho tôi bùi ngùi nhớ nhung (dù cho những hình ảnh của cuộc nhớ

nhưng đó liên quan mật thiết tới những buổi ngồi nghe nhạc này bằng cái mộc mạc, cái giản dị ứng khẩu rồi thành thói quen của những tiếng rao hàng từng loại một tỏa quanh thành phố; có một thứ gì quen thuộc dù chỉ nghe lần đầu, có thứ gì như nhắc nhở, có thứ gì như tự kiếp trước tới với tôi và tâm sự với tôi. Không gì chân thành bằng một lời tâm sự, cái chân thành của một lời tâm sự không vụ lợi không cốt ý trình bày, không mục đích cởi mở, nhưng mặc nhiên trở nên một lời xưng rất thật.

Rất nhiều khi, bỗng nhiên những tiếng rao ngày cũ hiện về, khiến nhớ lại những cánh đồng với mưa và nắng, nhớ lại vùng Cao nguyên với mây và gió lạnh, nhớ lại những nhân vật đã sinh hoạt xung quanh mình, nhớ lại những loài vật nháy nhót, nhớ lại loài thảo mộc tấu nhạc trên

đồi cao theo gió, tôi giựt mình tự thấy đã bỏ quá xa những hình ảnh đất đai và không khí đối với mình như lửa và nước đối với ngọn gươm thép.

Chúng ta đã đi tìm. Ở đâu đâu, với danh nghĩa đào sâu thực tại, với danh nghĩa hướng thượng để giải phóng con người. Chúng ta đã quên chính mình, chúng ta đã quên mất những yếu tố cấu tạo bản thể của mình, chúng ta quên mất cái mảnh đất, cái không khí, cái phong cảnh, cái hoàn cảnh đã tạo ra mình, những người da vàng đông đúc nghèo nàn yếu ớt, nhưng chịu đựng. Chúng ta từng chịu đựng và tồn tại. Lịch sử vùn vụt đi qua, số phận lần lượt thay đổi, vinh thì ít mà nhục thì nhiều, những mặt đất, núi, đồi, mây nước vẫn tro tro. Trong cuộc trưởng thành của chúng ta, trong cuộc nung đúc chúng ta, vẫn có

đồng bằng đồi núi, vẫn nắng mưa. Trong lò vẫn có lửa ủng, ngoài bể hãy còn nước lạnh. Vài ngọn gió xa xôi thổi tới, có giá trị tô điểm hơn là nền tảng. Nhưng phần đông thì thích cỡi những ngọn gió ấy hơn là chịu đựng cái nóng lạnh nó tạo nên bản chất của mình...

Tôi đã kể cho người yêu nghe về những tiếng rao hàng ở từng tiếng địa phương mà mình đã đi qua. Tôi lập lại những câu hát đó. Nhưng nàng mẫn thính, không cùng bồi hồi, cảm động như khi tôi được nghe: mà quả thật những câu hát đó không có gì hay ho hết, thật thà, giản dị và tùy hứng, cái tùy hứng của những con người không hề biết nhạc lý là gì, không hề được điểm phúc ngồi lắng nghe một tấu khúc của văn minh... Chính mình, khi lập lại những lời rao hàng đó, thấy vô duyên và khô cháy. Nhưng tôi

đã tìm ra thủ lập lại trong tưởng tượng, thì những sinh hoạt ngày cũ lại hiện về, đầy đủ từng hạt không khí... Cái đẹp của những câu hát ngân ngủi đó không phải tự nó mà chính tự cái hoàn cảnh của nó. Nó đứng bên cạnh và nhắc nhở cùng tôi những gì thâm thiết cũ. Khi tôi xướng lại những lời rao hàng trước, mặc nhiên đã tách rời nó khỏi hoàn cảnh, mặc nhiên làm tro những âm khúc không bao giờ tan đó...

Một buổi chiều, cùng đạp xe trên đường Hiền Vương với một người bạn, sau cái chết tang thương của người cha, sau chuyển ly biệt với người yêu, tự thấy cái vô lý của hành động tích cực của mình, rồi cuộc vẫn đi xe đạp một mình và chui vào rạp chiếu bóng bình dân. Tôi nói những ý đó với bạn tôi và hân cũng đồng tình. Rồi hân cười, chêm một câu:

“Điều tức cười nhất là chính tội mình là những thằng hô hào tranh đấu dữ hơn ai hết”.

Một thời gian, bình tĩnh hơn, hồi tưởng lại những ngày qua với tiếng rao hàng của những bà mẹ đông con, chân đất, với những đồng bằng thẳng tít, với nắng cháy và mưa dầm, tôi thấy ăn năn về những lời đã nói người bạn ở đường Hiền Vương chiều nọ, và muốn đổi câu nói của hắn thành ra: “Điều đáng mừng nhất là chính tội mình là những thằng đã biết hô hào tranh đấu”.

NGUYỄN TRUNG

TỰ DO LINH HỒN

DOÃN QUỐC SỸ

Sáng chúa nhật, trời sà xuống
thấp hoài và mưa rơi rào rào...
Trận mưa sáng nay tiếp tục trận mưa
đêm hôm qua, những trận mưa trái mùa!
Ít khi tháng giêng âm lịch mà miền Nam
có mưa lớn như vậy. Nhưng mưa chỉ trái
mùa theo quan niệm thủ cựu của người,
trái lại với cây cỏ thì những giọt mưa rả
rích vào giữa mùa nắng này mới quý làm
sao. Vào lúc mưa thừa hạt hay tạm dứt,
cây phượng ngoài sân rũ cành xuống la

đà như vừa thưởng thức dư vị trận mưa qua vừa thành thơ chờ đợi trận mưa tới. Không biết là lần thứ mấy trời lại âm u thấp xuống. Và mưa rơi. Thanh vẫn ngồi nguyên chỗ cũ nhưng đưa mắt nhìn quanh gian nhà và dừng mắt lại nơi treo áo mưa.

– Phải đến thăm Tú vào đúng lúc mưa này – Thanh nghĩ – chỉ còn một tuần nữa tới ngày cưới!

Vẫn từ chỗ ngồi nhìn qua cánh cửa hé mở, Thanh thoáng thấy dáng cô nữ y tá lướt qua đường, khuôn mặt trái xoan, nước da rám hồng, đôi môi màu đậm đà hơn. Thanh thấy có người nhìn tới trời đón những hạt mưa lất phất, vô cớ nhoẻn miệng cười, hàm răng trắng đều, rồi khuất. Từ ngày biết Thanh sắp lấy vợ, cô không xung phong, giúp Thanh việc bếp núc như xưa nữa! Hơn thế mỗi khi

qua cửa cô cũng chẳng buồn đưa mắt nhìn vào nhà. Cửa nhà Thanh hôm nay tuy hé mở nhưng với cô cánh cửa đó đã vĩnh viễn đóng. Thanh giữ lấy hình dáng cuối cùng của cô trong trí nhớ — (lúc cô ngửa mặt nhìn trời đón những hạt mưa — để tiếp tục nghĩ thêm: “Mình chỉ phải cúi xuống một chút khuôn mặt giáp nhau theo một góc độ mười lăm phân là đôi môi mình gắn liền với đôi môi ấy như đêm hôm nào lần đầu tiên hôn Tú).

Thanh chưa kịp đứng dậy khoác áo thì mưa đã tạnh. Mưa tạnh hẳn chẳng vì trời hết âm u và sáng dần... chợt một tia nắng vàng lọt khỏi kẽ mây chiếu xuống, phút chốc vạn vật chan hòa trong nắng vàng một nụ cười bát ngát. Cả nắng cả mưa đều hữu lý! Nhưng giờ đây nắng, việc khoác áo mưa ra đi trở thành vô lý và cả việc đến thăm Tú cũng không còn

động cơ quyền rũ. Sự vắng lặng của căn nhà lúc này thật hợp với lòng ước muốn của Thanh.

Thời còn cuộc kháng chiến ở miền Bắc, Thanh theo cha mẹ từ hậu phương vào thành năm 1948 – năm mười tám tuổi – nhưng vì luôn được nghe cha Khóa giảng về đạo Phật nên Thanh ưa đọc sách Phật từ hai năm về trước. Thanh thuộc mẫu chuyện đạo, các dụ trong kinh Phật, và thuộc lòng những điểm chính đời đức Thế Tôn để kể lại cho người khác nghe. Thanh kể thuộc lòng:

– “Gần 3.000 năm về trước thái tử Tất-Đạt-Đa sau khi dạo khắp bốn cửa thành mục kích những thảm cảnh già, đau, ốm, chết, ngài bỏ cung điện quốc thành đến rừng khô hạnh nơi núi Tuyền,

quyết chí tu hành những mong tìm đường giải thoát chúng sinh. Mỗi ngày chỉ ăn một hột vừng thân thể gầy ốm xiêu đổ mà Đạo chẳng tìm ra, Ngài thấy rằng tu khô hạnh đầy đọa xác thân không phải là con đường tìm ra Đạo. Một lần xuống sông Ni Liên Thuyền tắm gội gặp người dâng sữa, ngài uống. Sức khỏe hồi phục, ngài lần đi đến cội Bồ đề mát mẻ ngồi xuống phát thệ rằng nếu không thành đạo sẽ không rời khỏi chỗ đó”.

Câu chuyện về tiểu sử đức Phật Thích Ca trên, Thanh nói được một năm, sang năm thứ hai Thanh thuộc thêm chi tiết đoạn cuối.

“Đêm đó Ngài át được tất cả các ma quái. Quỷ vương Mara chúa tể của ái tình và tử thần – đã vận dụng hết sức lực mà cũng không làm loạn tâm Bồ Tát. Canh hai Ngài chứng quả Túc Mê Minh

thấu suốt được khứ; canh ba ngài chứng quả Thiên Nhân thấu lẽ sanh, trụ, di, diệt của vạn pháp; canh tư ngài chứng quả Lưu Tận Minh biết rõ nguồn gốc đau khổ của chúng sinh là vô minh. Vì chúng sinh, ngài không nhập Niết Bàn tịch mịch mà còn ở lại 49 năm truyền đạo gieo hạt từ bi bác ái làm cầu nối giữa Mê và Ngộ, giữa phù hoa của thế sự với an lạc của chân tâm”.

Thoạt đầu, cậu học trò Thanh kể sự tích đức Phật cho bè bạn nghe như con vẹt nhưng rồi dần dần có một cái gì siêu hình của đạo Phật thấm vào tâm hồn cậu như hương sen thấm vào cành trà, như một hạt giống nảy mầm rồi bén rễ vào đất màu. Tính tình Thanh từ nhỏ vẫn trầm mặc càng lớn Thanh càng ưa suy nghĩ. Vô tình thái độ ưa ngò vào trong đó đã hợp với thái độ nhà Phật đặt con người

đối diện với chính mình để vừa nhìn vào điểm nguồn cội ở chính mình vừa vì thế mà quán thấu cả vũ trụ vô biên.

Ngày đó Khóa nhập cảnh phim ảnh Kodak được hãng sản xuất biểu trưng bức hình đẹp để quảng cáo. Khóa chọn treo lên tường hình một thiếu nữ mặc áo “voan” ngồi trong phòng trang điểm, đùi và ngực có đôi chút hở hên. Đi học về thấy thế Thanh lên tiếng trách bố mẹ:

– Cậu mợ treo bức hình đó lên không sợ người ta cười cho. Không đứng đắn!

– Cái thằng nó lại “bảo hoàng hơn vua”, muốn vượt cả bố nó về phương diện diệt dục trong đạo Phật!

Rút cục Khóa phải nhượng bộ mà cất bức hình đó đi, treo thay vào bức hình khác chụp lũ cá vàng đương bơi trong bể kính.

Thanh tiếp tục đọc những sách khảo luận về đạo Phật, những kinh Phật giáo, những nguyệt san truyền bá Phật giáo. Bước vào rừng thiền như chim trích lạc vào rừng già nhưng Thanh quyết tâm gỡ mối bằng cách ghi chép những nét chính. Chân lý vốn đơn giản nhưng khi đã chuyển mình thì thiên sinh vạn biệt, ghi chép chính là để giữ vững những giường mối hoặc lần theo một số khía cạnh thiên sinh vạn biệt đó mà tiến tới chân lý. Thành thử nếu vui vui nhận xét kỹ ta thấy có sự tiến triển từ Khóa (đời cha) — đến Thanh (đời con); đạo Phật trần bờ và hỗn mang ở Khóa thì bắt đầu được gỡ mối cổ sắp xếp cho thành hệ thống ở Thanh

Đọc những ghi chú của mình, nói về những ghi chú của mình, suy nghĩ

về những ghi chú của mình, Thanh lắng lòng lại và muốn thể hiện chân không trong chính mình. Ngày lên trung học đệ nhị cấp cũng là ngày Thanh bắt đầu vào ngành hội họa. Ngày đó tại Hà Nội có hai giáo sư hội họa mở lớp riêng: họa sĩ C. và họa sĩ N. Thanh đã theo học họa sĩ C. chẳng phải vì họa sĩ này đã trang trí cho đêm kịch kỷ niệm ngày Phật đản tại nhà Hát Lớn mà vì họa sĩ C. giữ được phong độ bất khuất của người nghệ sĩ trong khi N. mở phòng triển lãm dành khoảng trang trọng nhất tại giữa phòng để treo bức hình lớn nhất của viên thủ tướng Sau đó N. còn đi cầu cạnh để viên thủ tướng cử đại diện đến khai mạc. N. biết làm như vậy sẽ được giới chính quyền xu nịnh đương thời mua nhiều tranh. Quả thực N. đã không nhầm. Nhưng vào hôm khai mạc một nhà văn quen biết cùng thế hệ với N. dừng lại khá

lâu trước bức họa chân dung gặt gù nói rất ngọt: “Cả phòng hội họa có bức này toa vẽ đạt hơn cả!”

Thanh theo học hội họa được ba năm thì hiệp định Genève.

Cũng là năm Khóa cam chịu khánh tận, di cư vào Nam và hai bàn tay trắng. Chân ướt chân ráo tới Saigon, Khóa cùng vợ đi Nha Trang giúp một người bạn thầu khoán. Thanh ở lại Saigon, thuê túp lều tranh gần đường Chí Hòa, một mặt giúp việc trình bày và minh họa cho tờ Văn Hóa của Khiết, một mặt tự trau dồi nghệ thuật bằng những tác phẩm vẽ bột màu hoặc sơn dầu.

Khám phá ra Thanh là họa sĩ, Khiết – ông chủ báo Văn Hóa – mừng như tìm được một đồng chí trung kiên trên

con đường cách mạng, Khiết gọi Thanh, là “họa sĩ nhà”.

Khóa, Khiết xấp xỉ tuổi nhau vẫn cùng với các anh em trẻ tuổi khác trong gia đình Văn Hóa xưng hô với nhau “anh anh tôi tôi” hoặc “cậu cậu tôi tôi”. Ngay khi có thêm “nhóc Thanh” (lời của Lãng) gia nhập gia đình Văn Hóa cách xưng hô của toàn thể vẫn thống nhất “anh anh tôi tôi”. Duy một lần nhân Khóa ở Nha Trang về Saigon ít bữa mua đồ, Khóa cùng anh em họp mặt tại tòa báo. Đương câu chuyện thân mật “anh anh tôi tôi” với mọi người bỗng Khóa vỗ túi quần rồi quay lại nói với Thanh:

– Hết thuốc lá rồi, mày đi mua cho tao một bao Cotab!

Lúc đó mọi người mới chợt nhớ ra rằng Thanh là con Khóa.

Lãng nói:

– Nếu vậy lẽ ra nhóc Thanh phải gọi chúng mình là chú và xưng cháu!

Mọi người cười ồ, sau đấy cách xưng hô tiếp tục thống nhất “anh anh tôi tôi” trong thế thượng hạ bằng đẳng, phụ tử đồng bàn.

Hà Nội yên tĩnh với mặt hồ Gươm phẳng in bóng Tháp Rùa với chùa Trấn Võ uy nghi, với hồ Tây rộng càng rộng mênh mông mỗi buổi chiều mặt trời ngả bóng về phía Ba Vì xa. Cánh đồng trung châu miền Bắc yên tĩnh với những lũy tre làng, với những cảnh dòng bát ngát, với tiếng chuông thu không. Ở cảnh trí miền Bắc như vậy Thanh mới có thể lắng lòng lại và suy nghiệm về lý chân không của nhà Phật. Vào trong Nam ở giữa Saigon với ánh nắng chói với nhà cao,

đường lớn, phố bụi, xe cộ đủ loại đi lại rộn rịp cọ sát với thực tế và Thanh được dịp thể hiện cá tính.

Đi vào không khi chan hòa ánh nắng miền Nam, thuê nhà một mình ở Chí Hòa thoát tiên là sự thức giấc của tình trai. Năm 1954 – năm vào Nam — Thanh đã hai mươi bốn. Sự “thức giấc” như vậy xem ra là muộn nhưng chính vì muộn mà mối tình của Thanh vừa có vẻ nồng đượm của mối tình đầu vừa có vẻ chín chắn của tâm hồn đã suy tư nhiều.

Căn nhà Thanh thuê lụp sụp nhưng rất thơ mộng, ở chỗ trước căn nhà có khoảng sân nhỏ giải cuội, giữa sân cỏ cây phượng vĩ khá cao vào mùa nắng tháng lá nhỏ rụng xuống màu vàng óng. Bên trong căn nhà ngồn ngang giá vẽ Palette ống bút, sơn mầu, khung, tranh cũ tranh mới, tranh vẽ dở. Trên tường dán ghim

những bản vẽ phác lớn nhỏ đủ các cỡ. Bàn làm việc bằng gỗ tạp, trên mặt bàn có tấm kính cũng ngổn ngang những croquis nhỏ. Thứ đồ sộ nhất cũng trang trọng nhất trong căn nhà là cái giường gỗ lớn, thấp, trên có nệm và phủ một tấm nhung đỏ thẫm màu tiết dê. Thứ khăn giải giường nhung này là di ảnh thời gia đình Khóa còn phong lưu ở Hà nội. Phải nhìn cái giường gỗ thấp, rộng thênh thang đã rất hợp thời trong đó lại còn phủ một lần nhung vương giả mới thấy hết cái khôi hài của căn nhà tranh lụp sụp làm bối cảnh cho nó.

Một hôm bộ ba Tân, Khóa, Lãng bất chợt xuống đường Chí Hoà tìm tới thăm Thanh. Tân đã trở mắt hết nhìn cái giường lại quay sang nhìn Thanh mấy lần rồi mới phát biểu được một câu.

– Thế này thì trên thế gian này tout est possible!

Khóa không giấu được thèm muốn, nằm lăn lên giường quay mặt vào tường có thể lập tức làm một giấc ngon lành, trong khi đó Lãng vỗ vai Thanh khi nháy mắt hỏi.

– Cậu đã ngủ với người đàn bà nào trên giường này chưa?

Nghe cái điệu Thanh cười hênh hệch, Lãng biết là... “thằng bé chưa dám” càng lắc đầu ngao ngán hơn.



Ngay sát nhà Thanh là căn nhà hai tầng đồ sộ nhưng không có lấy một mẫu sân và để trang trí cho cái khối gạch gỗ, sắt khô khan ấy một ít mẫu xanh thiên

nhiên, chủ nhà cho treo lủng lẳng trước tiền đình mấy giò phong lan. Thành thử căn nhà tranh nhỏ xíu của Thanh với sân rải cuội với cây đổ xuống là đà như một nụ cười xinh xắn đơn giản nhưng bất tuyệt của thiên nhiên.

Các trẻ con quanh xóm (rất nhiều) khoái “chú Thanh” chúng gọi thế vì chú Thanh hiền, hay vẽ chúng nó, vì khi chú Thanh đi vắng chỉ khóa cửa trong nhà, chúng vẫn có thể tự tiện vào sân chơi dưới bóng phượng.

Mỗi khi Thanh đi vắng khóa cửa lại người ta đọc thấy hàng chữ viết bằng sơn trắng lớn thoạt trông tưởng là hàng khẩu hiệu: “Thư từ, sách báo xin ném vào trong nhà!”

Mấy cô gái quanh xóm: cô chủ hiệu may, nữ y tá, nữ thư ký cũng ra chiều

mến Thanh. Những khi giữa tháng tiền gần hết không thể đi ăn hiệu được, các cô xung phong thổi cơm, làm thức ăn giúp Thanh. cũng có cô chú ý đến giường “thất bảo” của Thanh trong thâm tâm chắc các cô nghĩ rằng mình đương giúp đỡ một hoàng tử trá hình. Giúp đỡ Thanh như vậy các cô vừa thỏa được vị kỷ một cách trong sạch; gần đàn ông mà vẫn giữ tròn danh tiết (Thanh hiền lắm!) Thanh có biết nói đùa cho sự hiện diện của các cô thêm duyên nhưng không bao giờ Thanh đi xa hơn. Nói theo danh từ nhà Phật có nhân mà chưa gặp duyên chăng?

Trên đường Chí Hòa có một khu cư xá công chức thiết lập từ hồi Pháp thuộc, đó là những căn nhà biệt thự xinh xắn và biệt thự nào cũng cố triệt để lợi dụng khoảng sân trống để trồng cây, những cây đều đã lớn. Chính giữa khu cư xá là

một ngôi chùa cổ, sáng chúa nhật nào các em đồng nam, đồng nữ của các gia đình Phật tử khu này cũng đến họp bạn và theo học Phật pháp dưới sự hướng dẫn của mấy anh chị đoàn trưởng. Một buổi sáng chủ nhật, “chú Thanh” đã theo mấy cháu Phật tử đến chùa được ban huynh trưởng hết sức quý mến giới thiệu với hai vị cố vấn giáo lý gia đình cùng các bác gia trưởng nam và nữ, các bác bảo trợ trưởng và phó.

Thanh vẽ Caricature hai chị trưởng của gia đình Phật tử và cũng là hai chị em ruột Sâm và Tình. Khi ra về, tình cảm của hai nàng biểu lộ với Thanh khá rõ rệt về thú vui tính hiền lành và căn nhà ngô nghĩnh Thanh cũng có, vì Thanh đã vẽ Caricature cho hai nàng cũng có. Tuy là hí họa nhưng Thanh vẫn làm nổi

bật những nét đẹp của hai nàng, Sâm, cô chị hơi đầy người, nước da trắng, màu trắng mịn như mỡ đồng (nói theo cách ca ngợi trong kinh Thi) đôi mắt tròn thật tròn, từ thật xa nhìn lại càng thấy rõ đôi mắt nhưng đỏ mở lớn với một chút ngơ ngác đáng yêu trên khuôn mặt đôn hậu. Vẻ khêu gợi ở thân hình đầy của Sâm có mâu thuẫn với đôi mắt và khuôn mặt thơ ngây của nàng. Nét ký họa của Thanh đã khéo ghi được một cách thật thành hình các ý thức của hai vẻ mâu thuẫn đó. Nhìn gần thì trên nét mặt Sâm xanh phớt một hàng lông tơ. Điểm đó làm nhan sắc của nàng đuối đi đôi chút.

Tình có nét mặt thật là tình tứ, nhìn thẳng khuôn mặt trái soan đó đã đẹp, nhìn những nét thanh tú càng nổi bật nhất là khi nàng chỉ mỉm cười. Vùng trán

hơi thấp cách âu yếm, mớ tóc đen dày của nàng rủ sõa xuống ngang vai và đóng khung lấy khuôn mặt đẹp đó. Thanh nghĩ đến một trái đào chín nặng từ một cành non nằm nũng nịu trên một mớ bông bóng mượt mà. Thân hình Tình không đầy như Sâm, thon và chắc, hẳn khi đi đôi guốc cẳng cao của Tình hơi đẩy cho thân hình đổ về phía trước như sẵn sàng ngã vào cánh tay người yêu. Thanh chỉ không bằng lồng có nụ cười của nàng, nụ cười của nàng, nụ cười hơi dần với hai chiếc răng cửa phảng... quá phảng. Nụ cười kém duyên đó đã bất lợi lây cho giọng nói của nàng mà Thanh nghe như giọng một người đầy lười.

Lần đầu tiên Thanh đã phân tích quá soi mói hai vẻ đẹp đó. Nắng miền Nam đã thấm vào hồn Thanh? Và chẳng Thanh

đã hai mươi bốn tuổi rồi còn gì. Thanh có đến nhà thăm hai nàng, và chủ nhật vào cũng đến chùa họp vui, chỉ tránh giờ lễ.

Tại sao Thanh tránh giờ lễ?

Ngày đầu dự khóa lễ chánh thức, thoát nghe tiếng niệm Phật các em đồng nam đồng nữ Thanh nghe thấy ngộ nghĩnh những nét bằng âm một dãy đôi lên xuống rất đều. Rồi Thanh cũng theo mọi người khi đứng thẳng đọc, khi quỳ đọc, khi xá rồi đọc tiếp, khi cùng đứng chờ vị đại đức chủ lễ cắm hương lên lư rồi mới đọc tiếp, cuốn sách nhỏ “Nghĩ thức tụng niệm” Thanh cầm trên tay các em đồng nam, đồng nữ đã thuộc lâu các bài niệm, giọng các em đều đều, chàng thẳng thốt khỏi sự tự đặt vấn đề.

Đọc sách Phật, nghiên cứu đạo Phật từ lâu nhưng mãi tới hôm đó Thanh mới trực tiếp chứng kiến cuộc hành lễ. Đạo Phật ở nước nhà đã bắt đầu chú trọng vào hình thức và lời tụng niệm sẽ thành máy móc, hoặc là dẫn người đi. Thanh sợ nhất sự tụng niệm làm dẫn người đi, là một sự ám sát linh hồn không thể dung thứ được.

– Anh Thanh đi chứ? — Tiếng Sâm nói kèm theo tiếng cười của Tình.

– Mời các chị vào đây, tôi sửa soạn xong rồi.

Nói là sửa soạn xong rồi nhưng Thanh còn phải đi giày nữa. Khi Sâm, Tình rón gối xuống chăm chú nhìn Thanh lồng bút tất vào chân, Sâm thì cúi nhìn nệm giường tay vân vê mép nhưng. Chiều thứ bảy đó, hai nàng đã đúng hẹn đến

rủ Thanh cả ba cùng tới nhà Tú xem Tú dượt cho mấy em Phật tử vũ khúc Quay tơ mà các em sẽ trình diễn vào dịp kỷ niệm ngày đức Phật thành đạo tuần tới.

Tú là cô gái Nam, quê ở Trà Vinh cùng học với Sâm, Tình ở trường Gia Long.

Thoạt Tú e lệ khi thấy có thêm Thanh là người đàn ông lạ. Nàng mời Thanh ngồi giọng lí nhí. Nàng lấy phấn đánh dấu vị trí của từng em; có sáu em chia thành ba cặp. Khi bắt đầu dượt cho các em nàng hoàn toàn quên hết người xung quanh. Nàng kén em này, sửa lại bước đi cho em nọ, nàng vỗ mạnh tay làm nhịp, đôi mắt chăm chú theo rồi... khúc “quay tơ” các em vừa ca vừa múa đã gần thuộc hết, chỉ còn bỏ ngỡ đôi chút ở phần điệp khúc.

Điệp khúc Tú hát:

Nhẹ bàn tay

Nhẹ bàn tay

Mừng duyên thắm

Má hồng say

Gió lay cành trúc

Gió giục vùng đồng

Hương tơ quện với hương đồng

Guồng quay quay tit nổi lòng vui vui.

Các em nghe chị nè – “Nhẹ bàn tay”
– Ngồi xuống luôn. Nghe chỉ “Mừng”
quay sang bên phải – Trật rồi cưng! Bữa
hôm em đi trật bị rầy hoài nhớ không?

“Mừng duyên thắm” – (Thanh lắng
nghe giọng Tú cao vút) – Đổi chân này –

Đó, được rồi đó.

“Má hồng say”...– Nè, cũng dòm chị đây...

Thanh nhìn thẳng về phía Tú tưởng như lời nàng vừa nói là nói với Thanh. Hai tai nàng đeo vòng khuyên lớn, lông mày có tô đậm đôi chút. “Gió lay cành trúc”... thì cũng đi lên nghe không hai tay cầm dĩa dẫn em bên tay mặt dẫn vô mà vô chính giữa.

“Gió giục vùng đông”... Chỗ này phải giờ tay lên như đỡ bình trên vai vậy.

“Hương tơ quện với hương đông”... Quện với hương đông... Thanh lắng nghe Tú nhắc lại, tiếng vang nhẹ nhàng như lời kêu gọi thiết tha của chính nàng thốt ra để tự kiểm soát tình duyên.

“Guồng quay quay tít”... Hồng được,

xây mặt lại đi thụt lùi nghe. Bây giờ cũng trở lại chỗ cũ đang đi thụt lùi, nghe.

Hương tơ quện với hương đồng.
“Guồng quay quay tít”... em nghe câu thứ nhứt qua câu thứ nhì thì bước trở lên!

... Nổi lòng vui vui... Em bước xéo lên một bước, ừ đó coi được rồi đó. Giọng nói hồn hậu miền Nam của Tú khi vừa cất lên đã bám chặt lấy hồn Thanh rồi thấm dần. thấm dần xuống chiều sâu giọng nói càng về sau càng quện rũ nghe vui vui, đầm ấm, thân mật, dịu dàng.

– Em bước xéo lên một bước, ừ đó được rồi đó! Coi chừng chân em né, chưa dứt không trúng thành ra coi lộn xộn một hai ba.. ba hơi lại. Trật rồi cũng. Đừng bước dài quá nghe cũng, bước vừa vừa thôi, dứt lại chút xíu nữa nghe cũng. Khi nghe chị hát lại “Nổi lòng vui”... tay

trái em phải qua bên này, tay mặt để vô hông bên này.

Tú đặt tay vào bên hông day day mạnh làm lay động chút ít bộ ngực tròn xinh của nàng đã được bít chặt dưới lần corset quá chặt.

– Thôi các em nghỉ nghe. Mấy lần trước về nhà chắc dượt lắm dữ hả? Lần này cũng vậy nghe, mai dượt một buổi chót nữa là rồi đó.

Vẻ hoạt động ở Tú ngừng khi buổi tập dứt, vẻ e dè phút đầu không còn vì thế nét thù mị của Tú càng thêm trong sáng. Thanh không ngừng kín đáo theo dõi cử chỉ của Tú khi trở lại tiếp chuyện Sâm, Tình và Thanh. Khi thì Tú đặt tay lên ngang ngực chớp chớp mắt, khi thì Tú để một ngón tay trở lên má rồi ngược nhìn người đối thoại cười mỉm, vành

môi như thể vành trăng thượng tuần
mộng ánh sáng hy vọng.

– Chiều mai anh Thanh có đến xem
dượt lại nữa không?

Tình hỏi Thanh khi ba người đã ra
ngoài đường.

– Có chứ. — Thanh đáp.

– Mai đến lượt các anh phải đến đón
chúng tôi ở chùa – Sâm nói. Thanh cười
cho lời đáp ứng ý.

Tình tiếp:

– Tú tốt đấy chứ chị Sâm? Chị Tú
theo công giáo anh Thanh ạ.

Thanh đưa ngón tay trở lên miệng
như để giữ câu hỏi chực bật ra. “Chị giáo
là người công giáo à?”

– Chị Tú – vẫn là Tình – thích vũ và yêu trẻ lắm.

Chia tay cùng Sâm Tình rồi, Thanh dừng lại ở đầu ngõ xóm trước nhà ông y tá trưởng bệnh viện Bình Dân. Ông này đương từ chối không nhận tiền của cụ Đông Y cùng xóm – cụ bị áp lực máu cao được ông tiêm giúp. Bên đòi giả cũng nhiệt tình. Bên từ chối cũng cương quyết.

– Ông không nhận tôi không bằng lòng chút nào!

– Cụ ơi sao cụ lẩn thẩn thế, tình hàng xóm với nhau, đây chính là bốn phận của tôi.

Cũng có thể Thanh nghĩ – bên đòi giả đã biết chắc rằng bên kia nhất định chẳng chịu lấy và bên được giả cũng cần

lòng thân ái của mình, rút cục khi đôi bên chia tay cả hai càng không mà mất gì mà cùng được rất nhiều ở chỗ cùng thấy tâm hồn mở. Tú ơi, Tú là người công giáo mà. Thanh thì không, chúng ta liệu có thể kẻ nợ rót cho người kia mà cùng nhau chén tạc chén thù rượu yêu đương rót vào ly tâm hồn?

– Kìa làm sao anh lại mua chiếc mũ mới? — anh công nhân 1 hỏi anh công nhân 2 (cả hai anh cùng ở trong cuối hẻm)

– Ủi chao, đáng là bao — anh công nhân 2 đáp.

– Nhưng mà cái cũ của anh là tôi mượn.

– Thì anh cứ giữ mà dùng!

– Cha chả là tức — anh công nhân 1

nói bằng giọng hài hước thông minh —
thù này biết bao giờ ta giả được đây?

Rồi anh công nhân 1 kéo anh công
nhân 2 ra đường lớn:

– Thì hãy ra đây kiếm một chai la-ve
lai rai dăm ba sợi chứ!

Tú ơi, em là người công giáo, anh thì
không, chúng ta có thể yêu nhau trong
tình yêu cởi mở của anh công nhân và
thay vào chai la-ve kia sẽ là thứ rượu
nồng đậm hợp cần?

Tú đã nhập thể vào hiện hữu của
Thanh!

(còn một kỳ)

DOÃN QUỐC SỸ

MÃY ĐOẠN ĐƯỜNG

I

*con đường ấy niêm bí mật không cùng
giây thép gai cuộn tròn, nhà hờ hang
và em, một đêm thân thể thâm thi
trong biển cả cuồng phẫn nộ, đời người
chiếc xe mô bi lét vàng, trời nắng mông
mênh
vũng nước hần sỏi đá những tình yêu
hòn đất cuối ném ra ngoài tay với*

kỷ niệm như điều thuốc vàng nhớ tiếc
tôi mò mẫm trên nghĩa trang mùa hạ
mùi cỏ ngái những tiếng kêu quá khứ
tôi không đi thăm ai, nỗi buồn ấy
tôi không nhớ tiếc gì, tháng năm này
chúng nó đã bắn âm vào ngày thơ
những búp non lộc mới tinh con người
hai với hai là bốn chúng ta nhân
con toán bày ra số thành lớn quá t
rái cầu quay như một loài ngu xuân
bầy tĩn vật khùng, những núi những
rừng

II

mọi thứ ngôn ngữ đều bất lực như em
chúng ta ôm tròn hư vô trống rỗng
rừng hoang liêu và tiếng kêu ngơ ngác
giấc mơ này buổi chiều rộng mông lung
soi gương nhìn mặt thành phố buồn hiu
những căn nhà chồng chất cao mãi lên
tuổi trẻ thể thôi gạch ngói cuộc đời
thái dương hệ và những tinh cầu khác
đang ôm những niềm bơ vơ bí mật
rừng nhiệt đới với vết tích mặt trời
tiếng kèn độc tấu men rượu hoang liêu
ôi cuộc tình cây cối miền xích đạo
và em, em những xác thịt rì rầm

bước trở về giấc mộng những chiều hoang

III

*núi rừng Đà Lạt và tình yêu em
truyện một nghìn lẻ một đêm đã hết
một mặt trời mới đang khùng mọc lên
miền cao su và thung lũng hoa vàng
em bé quàng khăn đỏ, con sói già
anh đi Phước Thành súng cầm trên tay
và mất em, mất em không hối tiếc
ôi mỗi người mang một niềm bí mật
chiếc trực thăng hai cánh quạt bay đi
có vết thương nào là không nhức nhối
đường Trương minh Ký bắt đầu sửa lại*

thiên tài rút súng bắn vào phần nộ
nhìn đời mình ngã xuống lòng dửng dưng
VƯƠNG TÂN

SAU CÓN GIÔNG

Buổi chiều treo cổ trên cành cây ca hát

*Con rắn hồi sinh nổi buồn đen trườn
mình*

Trong khu vườn nước mắt và tội ác

Đám lá khô vùi dập lời kêu than

Tôi dỗ dành tôi nào nín đi con

Nín đi con

Ôi tấm khăn muối mặn này trên mặt

Buổi chiều mù cùng với kẻ tật nguyên

Một chiếc xe hàng hoang vắng bay lên
Trên đường nước mắt và hận thù
Và một người trở lại
Tôi dỗ dành tôi nào bước đi con
Bước đi con
Phố hãi hùng giơ hai bàn trống vẫy
Buổi chiều bây giờ là chiếc áo cuối cùng
Trút xuống với cơn giông
Như tiếng nước no hơi hồ reo trong bình
thủy
Khi thỏa rồi mọi sự nổ tung
Suốt cuộc đời nước mắt và hối tiếc
Tôi thúc dục tôi nào sống đi con
Sống đi con

*Thân thể ai gào thét những tháng ngày
phung phí.*

LỜI THAN THỞ

*Trên vết đá xanh nào hạnh phúc đã ra đi
Trong cánh tay dòng máu nào ngỡ ngác
Đứa con gái này đang hóa kiếp cây khô
Cành thương tiếc nghe lá vàng thất lạc
Sau những ngày trong tội lỗi hàm oan
Đôi mắt ấy trúng đau niềm mới lạ
Một bông hoa vô vọng nở trong vườn
Chàng đứng lại cúi nhìn và chợt nhớ*

Nàng bây giờ yên trong khoảng tối tăm

(Anh hồi anh nó bây giờ mục rã)

Những bài thơ dập nát với tên chàng

*Không nổi buồn không niềm vui không
tất cả*

Còn một lần hay hai ba lần nữa

Hòn đá xanh lăn mãi phía mặt trời

Cây trái cũ, kiếp sau này có nhớ

Những mặt trời tan vỡ kín trong tôi.

TRẦN THY NHÃ CA

DOROTHY

ERSKINE CALDWELL

Lúc tôi nhìn thấy nàng, cái nhìn của nàng mắt hút vào ngàn dặm ngàn dặm xa. Nàng dừng lại ở bên kia đường, gần nơi góc, cầm trước người một tờ báo xếp lại. Nàng đã xếp nó lại đến chỉ còn trông thấy những khoảng rạo việc làm. Người ta có thể nói đó là một tờ báo không đề. Bỗng nhiên, nàng chớp mắt nhiều lần rồi nhìn tờ báo nơi tay. Đầu gối và đùi nàng có một vẻ cứng nhắc tuyệt đối, nhưng thân hình nàng

đong đưa từ trước ra sau như người kiệt sức vì đói. Đôi vai nàng co sụp dần dần xuống đến tường chừng chỉ là phần trên của cánh tay.

Nhiều lần nàng liếc nhìn nơi những chỗ rao việc làm, rồi với một vẻ miễn cưỡng, nàng tìm một con số trên những cánh cửa ở đằng sau nàng. Một lúc, nàng mở ví và đọc một cái gì viết trên lưng một phong bì. Phần nhiều nơi những cánh cửa đều có những con số, nhưng, hoặc là nàng không thể đọc được những con số, hoặc là nàng không thấy được con số nàng muốn kiếm – tôi không thể biết là thế nào. Tôi không thấy rõ mặt nàng. Đầu nàng gập xuống và cái cằm dính nơi cổ áo choàng của nàng.

Có lúc nàng nhìn lên rồi, bỗng nhiên lại gục đầu xuống và để như thế cho đến khi nàng có sức ngẩng lên. Nàng giống

như một người mẹ trẻ khóc trên xác đứa con.

Nàng đứng trên vỉa hè trước mặt, gần sát nơi một cột đèn. Nàng có thể dựa người ở đấy hoặc tìm một chỗ để ngồi. Tôi không hiểu sao nàng lại không làm vậy. Tôi tưởng chính nàng cũng không tự hiểu tại sao.

Tôi đứng về phía đường nơi chỗ có bóng mát, chờ đợi một cái gì. Tôi không hiểu tôi chờ đợi gì. Dẫu sao thì cũng là một điều không quan trọng. Tôi chẳng có công việc gì và cũng không định đi đâu. Tôi tình cờ đứng ở đấy khi tôi nhìn qua bên kia đường, và tôi đã trông thấy nàng, tờ báo xếp cầm nơi tay. Trên đường, hàng trăm người vội vã đi về một nơi nào. Nàng và tôi là những kẻ độc nhất đứng yên.

Bảy giờ vào khoảng giữa một hai giờ trưa. Những người đàn ông và đàn bà từ những tiệm ăn hai bên đường rào bước trở ra đi làm việc. Tôi có một đồng hai mươi lăm xu trong túi nhưng tôi chưa ăn trưa. Tôi đói nhưng tôi phải để dành. Tôi muốn lên đến Richmond nơi đó tôi chắc kiếm được việc làm. Đời sống ở New-Orleans yên tĩnh; tôi đã thử đến Atlanta và bây giờ tôi muốn lên đến Richmond. Bây giờ là tháng bảy và không ở đâu có nhiều việc làm. Nhưng, ở Richmond, tôi vẫn thường có may mắn.

Trước mặt tôi, người con gái lật tờ báo và đọc từ trên xuống dưới một cột chữ nhỏ. Có nhiều nhà buôn ở trên đường. Ngoài ra là những cửa hàng tạp nhạp. Nhiều tiệm trưng bày nơi tủ kính những đồ dùng đàn bà. Không dễ gì một người đàn ông có thể kiếm được việc làm,

lại càng khó hơn cho một người đàn bà, nhất là một cô con gái, nếu cô ta không ăn mặc phải cách.

Nàng kẹp tờ báo dưới cánh tay và qua đường. Tôi đang đứng ở cách góc đường vài bước. Nàng tiến tới kẹp sát tờ báo dưới cánh tay, mắt nhìn mãi xuống mặt đường. Lúc nàng qua đến vỉa hè nàng tiến về phía tôi. Nàng vẫn không đưa mắt lên. Nàng vẫn gập đầu xuống như là nàng nhìn đôi giày.

Mặt đường nóng hổi, chúng ta đang ở vào tháng bảy.

Tôi nghe thấy nàng đi qua sau tôi, cát và bụi làm thành một tiếng kêu khô dưới chân nàng. Như là một thanh sắt cọ với giấy nhám. Rồi tiếng kêu bỗng im bật. Tôi ngoảnh đầu lại và thấy nàng ở gần sát cạnh tôi. Nàng đứng gần đến nỗi tôi

có thể đụng vào nàng với bàn tay. Mắt nàng tái xanh và môi nàng trắng hơn trán nàng. Lúc nàng nhìn lên tôi, nàng không nhúc nhích đầu, chỉ có đôi mắt nàng là nhìn thấy tôi. Mắt nàng ẩm ướt. Mắt rất xanh. Nàng không muốn tôi biết là nàng đã khóc.

Tôi quay hẩn người lại và nhìn nàng. Tôi không biết phải làm gì Cho đến lúc nàng nói, nàng nghiền chặt hàm răng lại nhưng nàng không thể giữ cho môi khỏi run.

– Ông có thể chỉ dùm cho số 67 đường Forsythe? nàng hỏi.

Tôi nhìn nàng. Bàn tay nàng co rúm lại nên tôi chỉ thấy mặt trên của những ngón tay. Chúng bị lấm bẩn như là suốt ngày chúng đã sờ mó vào những tờ báo mới in xong. Chúng không dơ. Chúng

chỉ bị lấm bẩn. Một thứ bụi đen dính trên lưng đôi bàn tay nàng. Có bụi trong không khí nơi tất cả những thành phố lớn và nhiều người phải rửa tay mỗi ngày năm sáu bận để giữ cho được sạch. Biết đâu? Có thể là nàng đã không thể rửa tay được trong nhiều ngày. Mặt nàng không bẩn nhưng có thể nói nàng đã thử sửa soạn với một khăn mặt ướt và một tấm da linh tắm phấn.

Nàng đã hỏi tôi số 67 đường Forsythe ở đâu: Nàng đã nói: “Xin lỗi ông” lúc hỏi tôi điều đó. Tôi biết là nàng sẽ nói: “Cảm ơn ông lắm” khi tôi đã trả lời nàng.

Tôi đã phải nuốt nước miếng một cách khó khăn trước khi tôi phải nói một cái gì: Tôi biết số 67 ở đâu. Đó là một sở kiểm việc. Tôi đã đến đấy mỗi ngày hai hoặc ba lần trong tuần lễ đó. Nhưng không có việc làm cho một ai. Bây giờ

là tháng bảy. Từ chỗ tôi đứng tôi có thể trông thấy, bên kia đường, con số ở trên cửa bằng chữ lớn nạm bạc. Cánh cửa cứ mở ra rồi đóng lại để cho nhiều người đi vào rồi đi ra.

Tôi nói: “Sao ạ?” Nhưng vào lúc tôi nói thế, điều đó đã không có cái hiệu quả ấy. Khi người ta nói với một người con gái rất đẹp, người ta nói một cách khác.

Tôi hiểu điều nàng nói với tôi, nhưng sau đó tôi không còn nhớ là nàng đã nói điều ấy. Tôi đã nhìn nàng quá lâu đến nỗi không nghe thấy câu hỏi của nàng.

Nàng mở ví và bỏ tay vào trong, tìm cái phong bì ở trên đó nàng đã viết địa chỉ. Mắt nàng đóng vào người tôi với cái nhìn mất hút ở xa khi tôi thấy nàng lần đầu bên kia lề đường. Nàng tìm cái địa chỉ ấy mà hoàn toàn chẳng để ý nhìn nàng

đang làm gì. Cái phong bì rơi xuống đất ngay vào khi cái ví của nàng vừa mở ra.

Tôi lượm phong bì lên. Đó là phong bì thư gửi cho Dorothy... tôi không đọc được là họ gì. Nó được gửi lưu trí nơi nhà bưu chính của một thành phố nhỏ ở xa ven bờ biển Floride. Có lẽ là thư của mẹ hay chị nàng. Chữ viết là chữ đàn bà. Nàng giựt lấy nó một cách nóng nảy trước khi tôi có thể đưa trả lại nàng. Trong cách nàng lấy lại bức thư có một cái gì làm tôi ái ngại. Có lẽ cha nàng vừa chết và nàng phải kiếm một việc làm để nuôi mẹ — biết đâu? Đó là những điều vẫn thường xảy đến. Cũng có thể là những người trong gia đình nàng bị chết trong một tai nạn và nàng phải bỏ nhà để đi kiếm ăn – đó là những điều vẫn xảy đến khắp nơi.

Những người đi đường ngảnh nhìn

chúng tôi – họ đi quá chúng tôi, rồi quay đầu lại nhìn mặt chúng tôi. Con đường Peachtree chạy ngang đúng vào chỗ ngã tư nơi chúng tôi đứng. Đó là một khu sang trọng.

Tôi không biết cái gì đã thúc đẩy tôi làm điều tôi đã làm. Tôi biết số 67, đường Forsythe ở đâu: chính tôi đã ở đấy cách đây không quá nửa giờ. Đấy là một sở kiếm việc làm. Họ nói rằng: “Hãy trở lại sáng mai”. Họ đều nói như thế với mọi người – với đàn ông cũng như đàn bà. Bấy giờ là mùa chết. Bấy giờ là tháng bảy.

Tôi nói:

– Cô đi xuống đường này, cô sẽ thấy số 67 ở sau con đường thứ ba, ở phía bên kia cái cầu – Tôi chỉ hướng cho cô gái, cánh tay đưa ngang trên đầu nàng. Trông nàng thật bé nhỏ bên cạnh tôi.

Nàng nhìn suốt con đường đến gần về phía bên kia cầu. Ở đấy có một nửa tá những khách sạn bần. Những thứ khách sạn tồi bại nhất. Mọi người đều biết chúng. Nhiều người trong chúng ta biết những gì xảy ra ở đấy. Những thứ khách sạn như thế có ở trong tất cả những thành phố lớn. Chúng lấy sáu mươi lăm xu và hơn nữa. Tôi tưởng hình như tôi đã có lý để hành động như thế. Không có tiền trong ví nàng. Không một đồng xa. Tôi đã nhìn thấy những gì ở trong. Tôi có hai mươi lăm xu và tôi cần phải đi hết đoạn đường đến Richmond trước khi tìm được việc làm. Không có việc đăng trước, nơi số 67. Bấy giờ là mùa chết. Không có một ai ở thành phố trong mùa hè. Không có việc làm vào tháng bảy. Và nàng thì đói. Và rồi nàng đã thử nằm ngủ trong những nhà ga... Về phía bên kia cầu có đến ít nhất bảy hay tám cái khách sạn.

Những thứ tôi bại nhất. Tôi đã thấy ở đó những người đàn bà bận áo choàng ngủ, chạy trên những hành lang, vào quá nửa đêm. Những người này lúc nào cũng có tiền, có vừa đủ để mua đồ ăn khi họ đói. Tôi biết đói là thế nào – một người đàn ông có thể chịu đựng nó trong một thời gian, một tuần lễ, mười ngày, hai tuần lễ, — nhưng một người đàn bà! – Nếu bao giờ các anh đã nhìn thấy thân thể một người đàn bà chết vì đói, các anh sẽ hiểu tại sao tôi đã tưởng rằng tôi hành động như thế là phải.

Nàng đứng không nhúc nhích.

Tôi nhắc lại:

– Chùng vào khoảng sau con đường thứ ba, phía bên kia cầu.

Nàng đã hiểu từ lần thứ nhất.

Nàng không nhúc nhích.

Nàng đứng đấy, nàng biết phải hiểu những khách sạn đó như thế nào. Có vài cái mang những dấu hiệu có thể đọc thấy được từ chỗ chúng tôi đứng. — “khách sạn, 75 xu” – một đô la. Nàng đọc những chữ ấy. Tôi đang bỏ tay trong túi quần và cầm đồng hai mươi lăm xu giữa những ngón tay. Tôi không thấy nàng có thể làm gì với số tiền ấy. Tôi sẽ phải xấu hổ mà đưa cho nàng số tiền đó – chỉ có hai mươi lăm xu.

– Vâng, nàng nói.

Có thể nói nàng vừa quyết định một việc rất trọng hệ, như một vấn đề sống còn. Hình như nàng đã nói: “Vâng, tôi đến đây”. Nàng không cảm ơn tôi đã cho nàng biết con số ở đâu. Nàng biết điều đó, là số 67 ở bên kia cầu.

– Vâng, nàng nói. Nàng xây người lại và đi vào con đường hướng về phía những khách sạn bằng gạch đỏ bản; gót giày nàng đã mòn về một bên. Nàng cố gắng giữ thẳng người trong lúc đi và nàng phải bước với đôi chân cứng để khỏi trật mắt cá. Nếu nàng buông lơi trong giây phút nàng sẽ ngã treo chân.

Nàng không quay đầu lại phía tôi. Cái váy nỉ xanh của nàng bị nhăn nhúm và mất cả nếp. Như là nàng đã mặc nó ngủ nhiều đêm, một tuần có lẽ. Người nàng đầy bụi và những khúc chỉ vụn. Cái áo choàng bằng lụa trắng của nàng bị nhàu nát và bạc màu. Bụi bám bám cùng khắp và những nếp nhăn gạch trên vai nàng những đường ngang. Có thể nói cái mũ của nàng đã dầm nhiều giờ dưới một trận mưa lớn rồi đã được phơi khô trên

một vật nhọn. Nó có một đầu nhô làm chẳng giống cái gì.

Tôi không thể đứng đấy lâu hơn nữa. Nàng đã đi gần đến con đường thứ nhất về hướng những dãy nhà bằng gạch đỏ bản. Tôi qua đường và chạy trên con đường ngang hướng về phía đại lộ Alabama. Đến đầu đường, tôi trông thấy một miệng cống. Tôi đề rơi xuống đấy đồng hai mươi lăm xu của tôi. Tôi không cần thử tiền ấy trong túi tôi nữa.

Tôi đi đến một nhà sửa xe nơi đại lộ Alabama. Một người thợ máy đã nói với tôi rằng tôi có thể may mắn được một chỗ đi Richmond nếu tôi chịu ở lại đấy khá lâu để chờ có một xe hơi đi đến thành phố đó.

Khi tôi đến nhà sửa xe tôi thấy ở trong ấy một chiếc xe người ta đang vô

dầu. Người thợ nhà sửa xe gặt đầu làm dầu và chỉ cho tôi chiếc xe. Đây là một chiếc xe lớn. Tôi thấy rõ rằng không bao lâu nữa người ta sẽ lên đường với chiếc xe ấy. Tôi hỏi người lái xe có thể đưa tôi đi cùng ông đến Richmond. Ông này hỏi dò về tôi với người thợ máy. Họ nói chuyện một lúc trong xe, rồi ông ta đi ra và nói bằng lòng nhận tôi đi với ông. Ông ta đi tức thì.

Chúng tôi đến Richmond. Tôi chạy đi kiếm một công việc nào đó. Có một xóm bán hàng sỉ dưới đường xe điện hầm chạy ngang giữa điện Capitole và con sông – Tôi đã có ở đấy rồi.

Nhưng có một cái gì không xong. Tôi không có kiên nhẫn để kiếm một công việc Tôi thấy lo ngại – Tôi cứ phải xê dịch hoài. Tôi không thể ở yên một chỗ.

Vài ngày sau, tôi ở Baltimore — Tôi xin việc nơi một sở kiểm việc làm — Họ có việc làm đấy, nhưng họ không cho ngay. Họ bắt phải đợi một tuần hay hai để xem anh có giữ vững tinh thần – Phần đông lên đến Philadelphie. Chính là công việc đã diễn ra như thế vào mùa hè. Tất cả họ đều đi lên; bao giờ thời tiết bắt đầu trở lạnh họ lại trở xuống. dừng lại ở Baltimore cho đến khi thời tiết bắt gặp họ, họ lại lên đường đi đến một thành phố lớn gần đó.

Mọi người đều dừng tại ở New Orleans.

Tôi không thể dừng lại được. Tôi không thể ở yên một chỗ. Tôi tiếp tục con đường lên đến Philadelphie, như mọi người. Từ Philadelphie, người ta lên

đến xứ New Jersey. Tôi thì không. Tôi ở lại Philadelphie.

ERSKINE CALDWELL⁴

HÀ HOÀI dịch

⁴ Erskine Caldwell, văn sĩ Mỹ, sinh năm 1903. Trước khi sinh sống bằng nghề viết văn, ông đã làm nhiều nghề: đá bóng chuyên nghiệp, bán hàng, hái bông vải, thợ máy, bồi nhà hàng, bếp... Về sau ông có viết báo và viết truyện phim ở Hollywood. Những truyện nổi tiếng của ông là: Poor Fool, Tobacco Road, God's Little Acre, Kneel to the Rising Sun, Jackpot, Trouble in July, Tragic Ground.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

BA BẰNG CHỨNG

MỘT NHẬN ĐỊNH

MỘT TẬP TẠP VĂN

Tôi được anh chủ nhiệm trao cho tập “Bóng Mát” của Trần Thế Nguyên và ân cần dặn dò: “Đây chắc là của một cây viết mới cậu cần đọc, và giới thiệu, mình đang thiếu cây viết trẻ và tác phẩm mới như khát nước, chắc có nhiều cái lạ và đáng nói lắm”.

Vừa nghe lời căn dặn, vừa cầm cuốn sách xinh xắn trên tay, cuốn sách khổ bé nhỏ nhắn, với bảy chục trang giấy mỏng, với nền bìa màu xanh. Tên tác giả cũng như nhà xuất bản còn mới toanh: Trần Thế Nguyên và Hoa phương Đông. Tôi đã cẩn thận ghi tên cuốn sách vào ngay phần thời sự kỳ này.

Sau một châu cà phê ở Đa Kao về, trời mưa nhỏ ở vùng Gia Định yên tĩnh, tôi đốt thuốc lá và trịnh trọng đọc Bóng Mát với tất cả khát khao của mình.

Vừa đọc xong bài tựa tôi đã khó chịu, nhưng tôi lại cho rằng người đẹp thường làm xấu mình cho những kẻ thường không biết được. Tôi gạt bỏ những chữ sáo rỗng tuếch ấy ra một bên để hưởng “bóng mát” tôi đã đọc một hơi với tất cả can đảm, tính nhẫn nại của mình cho đến câu cuối cùng: “Đàn bà, con gái, xứ

ta hay thật” – mới bỏ sách xuống và đi ngủ.

Vậy *Bóng Mát* là gì? Tôi xin hầu chuyện cùng quý vị với những dòng dưới đây:

Bóng Mát – Tên một tập văn xuôi được tác giả gọi là tạp văn, trong tập gồm 6 đoản văn:

1 – *Bóng Mát*: Thu của một người con gái tên Nga gửi cho một người anh nhưng “so bề họ hàng, Anh còn là em tôi kia đấy” ở xa để kể lại những kỷ niệm hồi nhỏ về mối tình giữa hai người mà có lần đã “tôi cảm thấy anh nhìn suốt người tôi. Da thịt như cháy bỏng mỗi khi anh dừng mắt nơi đâu” – hay hơn nữa — “Mãi đến khi anh nắm lấy tay tôi thì người tôi mới run lên. Tôi nghe rõ hơi anh thở man và đứt đoạn, còn lỏng mình thì muốn kêu

lên thật to, vì không sao ôm cho đầy tấm tình yêu chan chứa trong vòng tay nhỏ bé này. Đến khi anh hôn môi, hôn trán tôi, thì tự nhiên tôi đâm lo sợ"... Sau hai người không lấy nhau, nhưng cái đó là một cái hay, bởi "không thể, chúng ta khó mà giữ được tấm tình yêu trong sạch và lý tưởng".

2 – Trái mùa: Diệu một cô gái sung sướng, nhân một buổi sớm thăm vườn, gặp Luân, con trai người bố già, Luân cảm Diệu nhưng không nói ra, rồi trèo lên cây ổi hái trái để nghe cô Diệu nói: "Phải, trái mùa nên ngon miệng lắm".

3- Diệu tình: Tả một mối tình của đôi trai gái từ lúc biết nhau cho tới lúc: "Đột nhiên cả hai cùng dừng lại. Đôi môi nàng hé nở. Có tiếng chim hót dịu dàng từ tùm lá đưa ra. Lòng tôi tự nhiên hồi hộp

và yếu đuối. Tôi đưa tay cầm lấy tay nàng kéo sát vào mình. Chúng tôi hòa hơi thở với nhau, đắm đuối trong chiếc hôn đầu tiên. Một lúc chúng tôi cùng buông nhau ra, tấm thân thon lả của nàng còn rung lên như một sợi dây đàn”...

4 – Nhịp cầu hạ lý: Tả mối tình thoáng qua của một cậu học trò nhỏ với con gái chủ nhà, với những kỷ niệm vụn vặt: cuộc đi chơi, chiếc khăn tay trắng, cuốn sách nhạc, rồi hai người xa nhau. “nhưng trong lòng tôi vẫn in sâu một mối tình chớm nở, thơ dại của thuở học trò”.

5 – Mầu hoa cũ — Mô tả cặp Minh, Vân trở về trại ở quê, tại đây Vân gặp lại Quân, người anh ruột Minh và là người yêu cũ của Vân. “Nàng thấy mình vô lý thật, ừ, tại sao nàng lại giận Quân rồi đi

yêu Minh, em Quân? Có lẽ tại duyên số,
Và lúc gặp gỡ đã làm Vân xao xuyến nhớ
chuyện... xưa”.

6 – Đàn bà con gái xứ ta – Đây có lẽ là một bài tiểu luận, hay là một bản nhận xét về “Đàn bà con gái xứ ta” như đề tựa. Từ Bắc đến Nam, từ con gái đến đàn bà. Con gái thì “Bởi cái vẻ đẹp của các cô tượng trưng cho cái vẻ đẹp trong sạch, thanh tao... môi các cô chưa một lần phạm tội. Toàn thân các cô toát ra một dáng dấp, đến nỗi người ta không dám ôm ghì lấy tấm thân thon lả của các cô trong vòng tay xiết chặt của mình, vì sợ làm tì vết cả cái trong sạch của các cô đi”. Còn về đàn bà: “Đứng cạnh các bà, người ta cảm thấy máu trong người chạy mạnh hơn và da thịt thì căng theo nhịp thở của các bà” ... Rồi đi đến kết luận: “Đàn bà con gái xứ ta hay thật”.

Nếu ai tin tôi hoặc không tin tôi đều có thể tìm đọc Bóng Mát — của Trần Thế Nguyên giả 20đ, không lấy gì làm đắt, và tôi nhường sự phê phán lại bạn đọc ở chỗ này.

NHẠC VĨA HỀ

Từ lâu nay tôi vẫn có thành kiến về những ca khúc mới ở xứ ta. Tôi tự nhận là một người dốt âm nhạc nên vẫn thường hỏi ý kiến những người chuyên môn về ngành này và ai cũng bảo hỏng. Ca khúc mới thua xa thời trước chiến tranh. Không có căn bản kỹ thuật, không có chân tài, ham sự bắt chước và thấp kém. Một hồi hai lỗ tai cứ nhồi chạy theo những thị hiếu hoài những: Bernadine, cha cha cha, que sera sera suốt từ phố lớn tới phố nhỏ, hang hẻm ngoại ô... tôi

đã tưởng rằng cứ thế thì chả mấy mình hóa tây đen... nó thịnh hành đến độ tôi không ngờ, nhất là trong giới thanh niên, khi ở nhà, lúc ra đường, tới lớp cứ mở miệng là có hơi Mỹ thở ra. những ca sĩ trở thành những thần tượng: họ thờ ở bàn học, trong sách, đầu giường, ví tiền... có lẽ hơn cả những nho sĩ thời xưa thờ Khổng Tử, thờ thầy, cha mẹ ... có khác là họ không lễ bái hay hương khói mà thôi... nhưng phong trào ấy cũng xuống dần dần, nhưng trong thời gian gần đây tôi lại thấy một hiện tượng khác. Tôi có một người em mới lớn, tự xưa tôi chẳng thấy nó hát hồng bao giờ, rồi hôm nay tôi bỗng thấy nó hát những câu như ... chiều mưa biên giới anh đi về đâu... anh sẽ đưa em về mà không nói đến tình yêu... rằng em đã có chồng... những câu đó cũng cứ oang oang ra ở ra-dô, ở ngoài phố. Người ta đi đứng rún rẩy, miệng ngheu ngao

như một hiện tượng khá lạ lùng làm tôi phải ngạc nhiên.

Đến đây, tôi xin kể hiện tượng tôi đã chứng kiến để ai chưa biết thì biết, ai biết rồi thì rõ và cùng suy nghĩ với tôi: một chiều thứ bảy gần đây tôi có dịp đi ở đường Lê Lợi tôi thấy ở một vài sạp góc đường và cửa hiệu có rất nhiều người, đều là thanh niên trạc từ 16, 17 đến độ 30, con gái, con trai, trông mặt mày có vẻ sáng sủa, đầu tóc chải chuốt, quần áo bảnh bao, có khi còn có thêm cặp kính, cũng có khi cầm tay những sách ngoại ngữ, hoặc sách bậc cao học nữa... thêm vào đó vài cô tóc cặp, bế trẻ nhỏ như cô sen, mới đầu tới ngỡ họ bán thuốc... nhưng tôi thấy họ nghiêm chỉnh quá, ai cũng im lặng cúi mặt nhìn xuống, miệng lẩm nhẩm, chân đánh nhịp theo tiếng hát ở trong máy... những bài hát quay đi

quay lại những câu như:

“Tim em những chiều mưa tê tái. Gặp em ta say hôn, lòng dâng lên cung đàn gửi em bao tơ lòng... còn đâu cặp mắt mơ huyền nhìn nhau không nói lên lời: ôi tiếc thời xuân qua! thời gian trôi qua bao sầu nhớ! người ơi nước mắt hoen mi rồi, đừng khóc trong đêm mưa đừng than trong câu ca, buồn ơi trong đêm thâu ôm ấp ta nhé người em thương mưa ngâu hay khóc sầu nhân thế, người ơi mang về tình ấm hôn em thêm say mê.. Đã chót yêu rồi nhưng đâu ngờ tình em tôi... Người đi trên xác pháo nhìn em anh nát tan tình anh đã lỡ làng... Tìm đâu những ngày như bài thơ đẹp như giấc mơ... Em ơi lệ ướt hoen mi, còn ước mong chi kiếp sau chờ nhau em nhé ôi sầu biệt ly”...

Thế là tôi rõ rồi: đây là một cửa hàng, quán bán bản nhạc những người đứng chung quanh là để tập hát truyền máy, rồi mua bản hát đó về nghe ngao cho nó qua ngày tháng, nhớ tiếng hát rất ư là du dương họ có thể bỏ ra ít chục bạc vào ngồi ở những trà thất – để học lại nếu không mở ra-dô ra cũng được

Ai không tin xin mời đến những trà thất, ra phố hay mở ra-dô ra xem có thực không.

THƠ VÀ NHẠC YÊU CẦU

Qua một cuốn sách, qua những bản nhạc vĩa hè rồi bây giờ tôi mời quý vị ngồi ở máy ra-dô với tôi để mà nghe thơ và nhạc của thánh giả yêu cầu và nhiều khi

không yêu cầu nữa: thơ thì những: bài thơ thứ nhất, Hai sắc hoa ty gôn, Màu tím hoa sim, Mười hai tháng sáu... bao nhiêu là những thơ lãng mạn xưa với “chàng” và “nàng” và bây giờ với “anh” và “em” cùng với những bản nhạc ngoại quốc và nhạc ở vỉa hè nữa... Thế là sao? Những người có trách nhiệm nghĩ thế nào?

ĐI ĐẾN NHẬN ĐỊNH

Với một cuốn sách nhỏ của một tác giả mới, với phong trào đang lên của những ca khúc rẻ tiền cùng với chương trình trình diễn của đài phát thanh, nhạc ngoại quốc, tôi đã quy nó vào một hiện tượng cần được cứu xét, cần được trả lời, nhất là đối với người làm văn học nghệ thuật có trách nhiệm. Tôi có ý kiến: “Văn nghệ nói hẹp và văn học nói rộng

hiện hay phải làm sứ mạng trọng đại của mình: cách mạng xã hội và tư tưởng, mà trước tiên là nhìn thẳng vào đời sống hiện nay, xã hội hiện nay, của chúng ta”. Tôi mang điều này ra nói chuyện với một người bạn, anh đã bảo: “Thực thì như thế đấy, nhưng anh thấy: một là người văn nghệ cũng không có đời sống xã hội, hai là người làm, cũng như người thưởng ngoạn đã chán nản quá rồi đến sợ cả sự thật – sợ cả căn bệnh mình mắc mà chỉ muốn cho khuây khỏa, anh thấy trong bảy năm trời nay văn nghệ của chúng ta dần dần đi mãi từ hố cá nhân xuống sa đọa và ru ngủ...”

Ý kiến trên phải nói rằng có phần đúng, nhưng nó bi quan và hơi phiến diện, bởi vì trong khi những phong trào văn học sai lạc hoành hành thì vẫn có những người làm công tác văn học nghệ

thuật làm việc với trách nhiệm và lương tâm mình – dù nó gần như không có hay bị lấn áp. Điều này có một nhà văn khi lên tiếng nhận định về thi ca và cao trào cách mạng đã góp ý rằng: chúng ta hiện có những tác phẩm gắn liền với cao trào cách mạng, chống cộng sản của những người văn nghệ chiến đấu, nhưng vẫn có những người than mây khóc gió, nói chuyện tình yêu – đó cũng là một điều hay cho nền văn nghệ của ta thêm hương sắc, nhưng miễn sao đừng để nó lấn át. Điều đó thật đúng với chúng ta — nhất nữa nó đúng với lý tưởng chúng ta đang sống: Tự Do.

Nhưng đứng trên quan điểm của một người chiến đấu, gắn liền sinh mạng, văn học nghệ thuật vào sự tồn vong của tổ quốc này tôi không thể đồng ý hoàn toàn được. Bảy năm trời nay chúng ta

đã tự do như thế nào, đã tự giết mình và người khác như thế nào? Không nói đến những kẻ có liêm sỉ, trách nhiệm, có chân tài; trong bảy năm nay những gì đã tác oai tác quái trên văn đàn. Hoặc du nhập nghệ thuật đồi trụy của Tây phương. Hoặc dựng dậy những xác chết trong viện bảo tàng mà mua bán. Hoặc xu nịnh kẻ quyền thế mong thủ lợi. Hoặc học đòi cộng sản... cho nên hậu quả đưa đến những phong trào lố bịch, lạc hậu, phản tiến hóa phản dân tộc, đi sâu dần vào chỗ sa đọa và ru ngủ.

Hoặc mệnh danh nghệ thuật, hoặc mệnh danh sự đòi hỏi của quần chúng. Họ đã táng tận lương tâm và thiên chức của kẻ cầm bút.

Bây giờ tôi trở lại ba bằng chứng nhỏ nêu ở trên: Tập tạp văn Bóng Mát — (Tôi xin lỗi tác giả của nó để xin làm một

trường hợp) – Nếu như nó xuất hiện vào một lúc khác chắc tôi cũng sẽ cho đó như những tập văn thường, người ta đọc rồi người ta quên. Nhưng hiện nay chúng ta phải xem nó là một trong những hậu quả tất nhiên của những thú văn nghệ ngoại lai, hay lãng mạn lạc hậu. Thanh niên du mình vào một phiêu lưu tình ái đầy nhục dục. Họ ca tụng ái tình, ca tụng xác thịt. Sang các ca khúc rẻ tiền thì mới thật thảm; khi chấm dứt (hay bớt đi) những câu hát líu lo Tây, Mỹ thay vào đó những ca khúc mới, thì những ca khúc này cũng không có giá trị gì.

Nhưng thực tình chúng ta đang ở một tình trạng trọng bệnh, những sách truyện nguy hại, rẻ tiền đang được tung ra: những truyện lãng mạn thời tiền chiến, những: Ân mạng trong phòng the, Bàn tay máu... đang tràn ngập, cùng

trong những trang hai và ba các nhật báo con buôn, để trở thành kinh điển hàng ngày cho độc giả, những ca khúc lãng mạn ru ngủ, nhạc ngoại quốc đang được hát ngoài hè phố, được diễn tả trong phòng trà, trong ra-dô cho thêm hấp dẫn, mùi vị quyến rũ — hay ngâm nga những vần thơ ủy mị, tình ái thời tiền chiến, với tất cả du dương trầm bổng của tiếng sáo tiếng đàn mà tôi cho đó như một thứ hơi độc của bệnh hoa liễu, như đờm rãi bệnh ho lao... đang tỏa ra đầu độc, ru ngủ thanh niên — đó là một thứ sản phẩm văn nghệ sa đọa, độc được nguy hại không thể không khiến chúng ta quan tâm đến.

Tôi phải tự nhận là kẻ thất lễ của phường hậu sinh mà nói rằng: những bậc đàn anh trong giới văn nghệ của chúng ta hiện nay thật đáng trách — những người

đã hoạt động trước chiến tranh, hay sau này – họ đã, hoặc ngồi yên không làm gì (tại sao?), hoặc mang những quan niệm lỗi thời như vượt không gian thời gian ra, hoặc tiếp tục con đường mòn cũ tưởng chúng ta vẫn ở thời kỳ hút thuốc phiện, liếm chảo mỡ, leo đu thời nô lệ, hoặc tự nhận là kẻ sáng suốt, nhưng hết cái lầm này sang cái lầm khác, với những cái đánh vỡ đầu đã tự làm mình quanh quẩn, mất nguồn sáng tác, hoặc đi theo con đường vay mượn, ngụy trang, hoặc phổ biến những trào lưu sa đọa, lạc thời, lạc hoàn cảnh khiến cho cái hậu quả hiện nay đối với xã hội, nhất là với thanh niên thật nguy hại: với trường hợp Bóng Mát đó, cùng với vô số những tập thơ dày mỏng ca tụng tình ái với kỹ thuật thấp kém, quan niệm nghệ thuật ấu trĩ tung ra – mà phần nhiều của những người trẻ, cả ca khúc cũng vậy. Và lẽ tất nhiên báo

chỉ một số cũng chạy theo đà này. Hoặc dở dở ương ương ra cho có, hăng hái làm nhưng không biết đi đến đâu hết – như vậy thì đối với người đọc sẽ ra làm sao?

Không thể như thế được, chẳng thể như thế được, đã là người chúng ta đều công nhận bốn phạm của mình trong tương quan xã hội, như vậy thì mình phải làm gì chứ?

Những điều tôi vừa bày tỏ trên đây chắc có người sẽ cho là võ đoán, quá khích. Có phải là chúng ta đã phải từ bỏ chế độ cộng sản vì phải mặc đồng phục, thích một thứ, hưởng một thứ hoa vạn thọ thôi không? Tôi cũng vậy. Chúng ta muốn ở một xã hội tự do, văn nghệ phải đủ hoa thơm cỏ lạ, đủ mọi khuynh hướng khác biệt – người chính trị có bốn phạm để nó phát triển không được cấm đoán, nếu không họ phải nhận lấy

trách nhiệm. Nhưng đó không phải là lý do chúng ta vin lấy để làm bậy, phá nhà hàng xóm, lấy vợ người, hiếp con nít.. mà bảo là tự do – đó là tự do của loài thú vật không xã hội. Có lẽ những kẻ làm văn nghệ sa đọa ru ngủ hoặc biết, hoặc không biết đã lấy cái mặc tự do ở trên tôi nói mà tự hào mà che chở. Như vậy là họ có tà tâm. Họ có hiểu rằng văn nghệ đi sát quần chúng, gắn liền với xã hội đâu có nghĩa là xu phụng, nịnh bợ, nường chiều những thị thiếu thấp hèn? Mà văn nghệ phải là tiếng nói, ý muốn, khát khao của quần chúng luôn luôn sinh động để duy trì những giá trị đích thực, tìm một trật tự, một sinh khí tùy theo hoàn cảnh không gian và thời gian, hoàn thiện đời sống...

Tôi đã căn cứ vào những bằng chứng nhỏ, những trường hợp hiển hiện để đưa

ra một nhận định chủ quan. Chỉ như vậy thôi chúng ta cũng nhận thấy rằng những mầm mống, những ảnh hưởng của những phong trào văn nghệ xấu đang lan tràn và ảnh hưởng. Chúng ta đang đối địch sống chết với cộng sản, với thực dân đế quốc để giữ lấy đời sống tự do, tồn vong của dân tộc. Chúng ta không thể thờ ơ được nữa. Chúng ta phải nhìn thẳng vào đời sống xã hội chúng ta với ý muốn cách mạng, chúng ta phải phá tan cái không khí bùng bít giữa văn nghệ và chính trị, với sức lực và thiện chí mỗi người làm cỏ những độc được đang nảy mầm ra lá và cùng nhau khởi đầu một mùa mạ mới.

PHAN NGUYỄN

THÊM HOANG

Truyện dài của Nhật Tiến – nhà xuất
bản Đời Nay 1961

– người đọc P.I.N

Ai mang tôi đến chốn này

Ban đêm thì tối ban ngày thì đen

Ôm dân gầy khúc huyền thuyên

*Nghêu ngao mấy điệu cho quên tháng
ngày*

Mấy câu hát trên đây là một trong những câu hát không “bậy” của bác Tố trong truyện Thêm Hoang, Nhật Tiến đã mang ra để đầu cuốn truyện dài thứ ba vừa xuất bản, đồng thời cũng như một đề từ, hay lời vào đầu của cuốn truyện “Ban đêm thì tối ban ngày thì đen” rõ ra lời một người mù; “ôm đàn...” rõ ra đây

là một nghệ sĩ... Chỉ mới mở đầu như thế, chỉ mới đọc hai chữ Thêm Hoang chúng ta cũng nghĩ ngay rằng đây lại là “một trường hợp bất hạnh”, nhất nữa nếu chúng ta đã có dịp đọc hai tác phẩm trước đây của Nhật Tiến nói về những đứa trẻ trong viện mồ côi, những đứa trẻ nghèo khó sống lên ở vỉa hè, thiếu tình thương. Nhưng khác với Những tà áo trắng và Những vì sao lạc, Thêm Hoang của Nhật Tiến đã phóng một tầm mắt rộng hơn, tác giả không muốn chỉ là nhà văn của những đứa trẻ bất hạnh, mà còn muốn nói đến mọi người bất hạnh khác, đủ đàn ông, đàn bà mọi tuổi tác, khác nghề nghiệp, kẻ yếu người khỏe, nhưng chung một hoàn cảnh nghèo khó, chung một khu xóm lao động ngoại ô là xóm Cỏ. Thêm Hoang là một truyện dài không có truyện, không có đóng có mở cho những nhân vật chính nhân vật phụ, đây

là truyện của nhiều người. Tác giả tả đời sống của những bác Tồn bị mù làm nghề hát dạo, có tình thương trải qua một quá khứ đen tối, đi hát ở các tiệm ăn với thằng Ích, mơ tưởng lấy cô Huệ làm vợ tạo lập một đời sống khác. Cô Huệ là một cô gái làng chơi đã về già, bệnh tật, nghèo khó trong nghề “bán chôn nuôi miệng”, bác Tồn đã tặng cô này một hộp bánh trong khi ốm đau, cô Huệ cũng có để ý đến mối tình của bác ta và khi có được một thằng Giảng lính Tây nhiều tiền cô cũng không quên mua tặng cho người bạn tình một bánh thuốc Lào. Nhưng chẳng được bao lâu chú lính thuộc địa về nước để lại cho cô một giọt máu trong bụng, rồi đẻ non, không tiền và chết trong khi sinh nở vì thiếu máu.

Bên đó là người hàng xóm nấu cơm cho bác Tồn là u Tám và dưỡng Tám mẹ

và cha ghẻ thằng Ích và cái Ngoan, dựng Tám chỉ đánh bạc, rượu chè và hành hạ vợ con để có tiền. Khi u Tám không còn sức buôn bán kiếm tiền nữa dựng Tám bỏ đi. Vợ phải treo cổ chết. Cái Ngoan đi ở. Thằng Ích ở với bác Tồn. Bên đó nữa vợ chồng bác Nhan, chồng bệnh tật sống mơ tưởng trong óc, ham ăn uống... vợ buôn bán, con đi ăn cắp bị nhốt, sống trong vòng khốn quẫn. Rồi lão Hói hơi gàn dở với một sự tin tưởng ở ông Trời như cố gắng mang niềm an ủi bất lực đến cho mọi người. Phó Ngũ góa vợ, nuôi đứa con gái lẳng lơ bán rau là cái Đào. Hai Hào “lớn” được cô Đào cưới làm vợ. Mụ Năm Trà có chồng đi lính ở nhà “đánh đĩ” nuôi mẹ và con, nhưng sau rốt bỏ đi. Bà mẹ túng quẫn mang cháu cho nhà mồ cô rồi phát điên. Khi con trai trông thấy hoàn cảnh phát điên luôn nên đốt nhà. Những dòng phác lược trên chỉ

nói tới một số nhân vật tương đối sinh hoạt nhiều hơn cả, suốt từ trang đầu đến trang cuối cuốn truyện rồi chết, hoặc bỏ đi. Kết thúc cuốn truyện tác giả viết chương cuối với bác Tồn và thằng Ích ngồi nói chuyện với nhau sau khi xóm Cỏ cháy.

Trước khi viết một vài nhận xét về cuốn truyện, tôi phải nói ngay đây không phải là một bài phê bình đầy đủ, nó chỉ là nhận xét, cảm tưởng rất riêng tư đối với một tác phẩm mà tôi rất mến tác giả: anh Nhật Tiến.

Độc Thêm Hoang thỉnh thoảng tôi có được những ý nghĩ vui vui ở nhiều chi tiết, câu đối thoại vụn vặt, lời bông lơn họ hỏi thăm nhau. “Mệt không cô Huệ ơi!... Vẫn tiếng chanh chua của Huệ: “mệt phải gió. Cha tổ bố, ít tiền mà cứ muốn của đẹp”, “cô Huệ ơi! Nếu cô lấy

tôi thì tôi xây nhà gạch hai tầng, tôi mua ô tô cô ngự, mua váy đầm cho cô thay. Mới đầu Huệ còn bật dậy, chửi đồng qua vách hàng xóm. “Khỉ gió đừng lân! Thừa cơm rủng mỡ chữa!”

+ Cô Huệ béo hay gầy?

nó đáp:

– Cũng nhùng nhằng!

– Đen hay trắng?

.....

Bác Tồn cười hì hì:

– Ủ nhĩ! thơm thực.

+ “Ìa rồi còn khóc! Trời ơi, tụi bây muốn làm lớn hả?...”

+ “Đừng nằm tàng! Diên tiết ông khện cho vỡ đít... ghè! Ghè cái nỡ đít”

Những đoạn có tính cách bông lơn, đùa bỡn, những câu chửi, ở những đoạn tác giả nói về mơ ước của bác Tồn, của con Ngoan muốn có chiếc lược màu xanh, ở cảnh bác Nhan ăn thịt chuột không được cái kỉnh, vợ lại cho ăn một bữa no say, ở đoạn Phó Ngũ biết con bị “ve” đuổi bắt kẻ trộm tình, rồi phải gọi đến gả con cho; ở những chi tiết đó, Nhật Tiến có nhiều nhận xét tinh tế, sâu sắc và có duyên.

Từ những cái nhỏ ấy, tôi thấy rằng nếu cắt cuốn truyện ra làm nhiều truyện ngắn không có truyện, tôi thấy hay hơn. Và Thêm Hoang chỉ là một tập truyện ngắn ghép lại do sự mô tả những chi tiết chung quanh một số nhân vật. Điều này tôi thấy ở nhà văn Nhất Linh khi viết một số truyện ngắn gần đây.

Truyện dài của Nhật Tiến khi viết không có một ý chính. Những nhân vật

tác giả dàn ra chỉ bày một bề mặt những sinh hoạt. Chúng ta nhận thấy các nhân vật đã được tác giả nuôi nấng, vẽ với nhiều nét đặc sắc từ: tả người, tính nết, ngôn ngữ... mỗi người một vẻ, nhưng nó không phải là nhân vật của truyện dài. Như tôi nói cuốn truyện không có ý chính, sau nữa nó còn như một tác phẩm viết cho đăng báo từng kỳ — đoạn đầu tác giả viết cẩn thận, nhưng càng về sau tôi càng thấy sự vội vàng ở cách chia chương và giải quyết những nhân vật. Tôi có cảm tưởng khi viết được độ ba phần tư cuốn chuyện tác giả mới sức nghĩ tới số phận của các nhân vật nên dần dần cho người bỏ đi, kẻ treo cổ, người băng huyết, rồi lại sợ xóm Cỏ còn mà hết truyện thì vô lý nên cho một kẻ — Năm Trà — bỗng nhiên xuất hiện đốt nhà và đốt luôn xóm Cỏ đi (?) Chương cuối cho vào chỉ để cốt cho câu chuyện được khép lại với hai

nhân vật có mặt ở trang đầu.

Từ ít năm trở lại đây văn chương của chúng ta rất nghèo nàn, số tác phẩm và tác giả có mặt rất hiếm hoi, nhất là những tác phẩm dài. Nguyên nhân là sao? Tôi vẫn cho là tại đời sống chúng ta quá bấp bênh không ai còn đủ sức để làm, hai nữa là không khí chính trị. Đọc Thêm Hoang của Nhật Tiến, tôi muốn quy định cái xóm Cỏ của tác giả nói là ở đâu, nhưng thực khó mà rõ được. Nhân vật đa số là người Bắc, nhưng cũng có cả người Nam. Thời gian lại càng khó định nữa, không thể rõ được ở vào quãng nào: hiện nay hay xưa kia của xã hội chúng ta? Tôi cho đó là một nguyên nhân quan trọng làm Thêm Hoang mất một phần giá trị của nó, đó cũng là điều căn bản, nên nó không làm nổi những nhân vật điển hình kết tinh, không gây được một

không khí tiểu thuyết, không trình bày được một bộ mặt thực của xã hội. Nhận xét này đối với Nhật Tiến cũng là nhận xét chung cho nhiều tác phẩm ngắn, dài hiện nay. Sự kiện trên đối với Nhật Tiến, theo tôi có thể ở trong những giả định:

Một là Nhật Tiến theo chủ trương của Nhất Linh công nhận một thứ văn chương nghệ thuật “vượt không gian” và đó là một sai lầm lớn. Một nền nghệ thuật thật sự không thể là một thứ gì lạ lùng trên trời rơi xuống. Một tác phẩm nghệ thuật thành công không phải là “vượt thời gian và không gian” mà chính nó đã bắt nguồn từ một xã hội thực sự, hình ảnh một vùng đất đai, khẳng định một cá tính – nó tiến đến kết tinh điển hình không thể nào thay đổi. Thất bại của Nhật Tiến là đã bỏ cả không gian thời gian, nên dù tả một bộ mặt xã hội

nó cũng trở thành vu vơ hời hợt: không kết tinh nhân vật, không tiêu biểu thời đại.

Hai là Nhật Tiến không dám thành thật viết ra bởi hoàn cảnh xã hội chúng ta đang sống. Lâu nay trong văn chương chúng ta có một hiện tượng lạ lùng là mọi người như lần trốn những sự thực vây quanh để nói những chuyện đầu đầu hoặc tưởng tượng, hay là mang thời gian hàng hai ba chục năm về trước. Phải chăng đó là tình trạng do không khí chính trị gây nên? Với con mắt của những nhà phê bình trường phái có thể bảo Nhật Tiến đã “bôi đen” xã hội. trường hợp Nhật Tiến thật tình không thể có chuyện “bôi đen” hay “tô hồng”, bởi tôi có thể đoán chắc Nhật Tiến không hề có những ý muốn xã hội khi cầm bút, hoặc có thì đó cũng chỉ là một chút lòng vị tha, chút yêu mến

nhưng không đưa tác giả đến con đường tranh đấu. Nhật Tiến đã viết tới ba cuốn truyện về những kẻ bất hạnh, nhưng có đến một chục cuốn đi nữa, thì những kẻ bất hạnh đó vẫn thế, vẫn là cái thêm vào cho nó thành cái xã hội có đủ mọi người. Và sự thương xót cũng chỉ đến một chốc lát như chúng ta trông thấy kẻ ăn xin ngoài đường thương hại bố thí bát cơm nguội hay đồng bạc tiêu thêm. Nghĩa là sự nghèo túng được coi như tất nhiên và nếu có thay đổi thì đó cũng chỉ như một ước muốn mơ hồ...

Đi vào thế giới người nghèo của Nhật Tiến tôi không thấy có gì nghèo hết, họ chửi nhau, văng tục, nhưng chỉ như là một sự làm dáng có duyên dưới ngòi bút Nhật Tiến. Cũng như chuyện bác Nhan thềm thịt chuột để rồi vút chuột đi ăn món xào với cút rượu. Tôi

cho cái thế giới người nghèo của Nhật Tiến vẫn chẳng khác chi những người nghèo mà trước đây những người trong Tự Lực Văn Đoàn nhắc đến. Đó là thái độ của những người có lòng nhìn xuống một lớp người khổ ải, nên chỉ nhìn thấy một khía cạnh hời hợt – mà cái vẻ có duyên Nhật Tiến làm ra đó – không sao diễn tả nổi cái thâm kịch của đời sống họ, dù cho Nhật Tiến có xếp đặt cho tất cả các nhân vật đều tự tử, xe cán, phát điên hay ăn thịt nhau đi nữa. Đọc tác phẩm của Nhật Tiến, tôi cho tác giả là người có nhiều điểm nhất có thể theo được con đường của Tự Lực Văn Đoàn sau thời chiến, nhưng dù thế cũng không sao vượt nổi được dòng văn chương này. Có lẽ trong thâm tâm Nhật Tiến vẫn lấy làm lạ rằng sao mình không đổi mới như nhiều người viết mới hiện hay, nhất nữa Nhật Tiến còn trẻ — nhưng trong

thâm tâm Nhật Tiến có gì đổi mới đâu mà Nhật Tiến phải làm ra — cho nên tôi mến Nhật Tiến ở đó. Tác giả không theo thời trang, thực với mình, có sao viết vậy. Tôi cho đó là một thái độ khôn ngoan làm gương cho những ai muốn cho mình mới mà thực mình không mới để trở nên một thứ làm dáng khó chịu, nhưng thật tình mà nói: Thời đại văn chương của Tự Lực Văn Đoàn không còn nữa. Văn chương hiện nay của chúng ta đã thay đổi rồi — cho nên Tự Lực Văn Đoàn có cố gắng đến mức nào đi nữa thì nó cũng chỉ còn là một dư vang — Nhật Tiến là một trong những dư vang còn sót lại đó. Xã hội chúng ta đã thay đổi cùng với sự thay đổi của con người. Vẫn những đàn ông đàn là, những yêu, ghét, hờn, giận. giàu nghèo nhưng đã diễn ra những cảnh huống khác mà những quan niệm cổ xưa, những cái nhìn lạc thời,

một dòng văn chương xuôi chảy không còn đủ sức diễn tả được.

Điều sau chót nói về Thêm Hoang và Nhật Tiến, tôi quả quyết rằng: Đây là một tác phẩm được viết với tất cả lương tâm, thận trọng của tác giả — thành công hay không là một chuyện khác — đó là điều hiếm hoi trong văn học hiện nay mà chúng ta tìm thấy ở Nhật Tiến.

P. I. N.

NHÌN LẠI BA CUỘC TRIỂN LÃM

Ba cuộc triển lãm liên tiếp tại phòng thông tin đường Tự Do với những kết quả về tài chính khả quan đã cho chúng ta ấn tượng thế nào về mặt nghệ thuật của chúng? Nhắc tới sự khả quan của kết quả về tài chính không phải để nhân đó suy ra giá trị nghệ thuật mà chính để tìm biết cái năng khiếu, cái trình độ cao hay thấp của người thưởng ngoạn (chỉ người mua tranh) theo tỉ lệ thuận hay nghịch giữa giá trị nghệ thuật và sự tiêu thụ.

Tôi đề cập tới Văn Nền trước. Họa sĩ trẻ, cần cù và có nhiệt tâm. Lối vẽ của anh, khởi từ ấn tượng sang đến biểu tượng, lần lượt mang sắc thái của 3 danh họa Tây phương: Van Gogh, R. Gauguin và Soutine. Nhất là Gauguin. Văn Nền

cũng thử vẽ với những nét chữ thập. Thí nghiệm này tôi thấy anh đã thực hiện lâu rồi. Theo tôi nó vô ích vì đó chỉ là hình thức kênh kiệu của phái Điểm họa (pointillisme). Thối thân của ấn tượng. Bức tranh trội nhất của Văn Nền vẽ 3 đầu người đề là “ý tưởng tinh nghịch” có thể là một cái cầu bắc cho anh đi tới nghệ thuật đầu tiên đúng nghĩa của nó, tức là một nghệ thuật đứng đắn không bày vẽ, ý thức trọn vẹn tinh thần của hội họa, hơn nữa, hội họa hiện đại. Điều quan trọng là Văn Nền chịu bước qua cái cầu ấy. Chắc chắn với nhiệt tâm và cần cù của anh, anh sẽ tìm ra một con đường phong quang. Điều quan trọng, xin nhắc lại, là biết chọn cái cầu bắc ngang, một bên là sự hỗn độn, mờ ám, một bên là trật tự và sáng lạng. Sự chọn lựa đó là một hành động quan trọng khởi từ ý thức, quan trọng ngang với hành động quyết

liệt của bàn tay, chuyển biến của cây cọ trước khung vải. Trong sự sáng tạo, hai hành động đó song hành. Một đàn do ý thức và một đàn vô thức. Tóm lại, trí thức và thiên bẩm...

Bây giờ xin nói về Văn Đen. Văn Đen là họa sĩ được huy chương vàng trong kỳ triển lãm mùa Xuân 1960, là một người có kinh nghiệm và lương tâm nhất trong nghề. Coi mấy phòng tranh ngày xưa của anh ở Pháp văn đồng minh hội, hay hồi năm ngoái ở phòng triển lãm đường Tự Do thì biết, chẳng nói tới giá trị nghệ thuật kỹ thuật về sự dựng tranh của anh đã đi tới mức công phu, đứng đắn. Lối vẽ của anh là lối vẽ mờ mờ, thỉnh thoảng được nhấn mạnh bằng những màu vàng đáng. Nó không hẳn là cổ điển, không hẳn là ấn tượng. Nhưng được thực hiện bằng khuynh hướng tranh sáng tranh

tối, bằng khuynh hướng luân chuyển ánh sáng. Sang năm nay, như đã được xem ở phòng triển lãm đường Tự Do, tranh của Văn Đen bỗng nhiên khác lạ, từ hình thể tới màu sắc. Hình thể thì được phá bỏ từ hình thức cũ, méo mó hơn và kém cân đối. Màu sắc thì sặc sỡ hơn, dùng nhiều màu nguyên chất. Nguyên chất đến đổi trở nên non nớt. Người ta bảo Văn Đen muốn làm mới. Nếu quả thật vậy (vì còn nhiều nguyên do khác trong sự thay đổi hình thức này, thí dụ nguyên do về thương mại chẳng hạn), nếu quả thật vậy thì Văn Đen đã làm lớn, đứng trên bình diện nghệ thuật. Thứ nhất, không thể thay đổi khuynh hướng hội họa như người ta thay đổi y phục được. Một thiếu nữ khuê các trong một gia đình nề nếp, quen với những bộ đồ dài tha thướt, không thể một sớm một chiều, mặc quần áo cao bồi, để đi diễu phố được. Dù cho

Văn Đen có thật tình muốn làm mới mẻ hội họa của mình đi nữa, anh cũng không thể thực hiện được đúng ý nghĩa bởi anh chưa có và không thể có một tinh thần mới được. Cái ngưỡng ngừng đó đảng lý không xảy ra nhưng vì lẽ này lẽ khác Văn Đen đã phá hỏng nghệ thuật của mình, cái nghệ thuật cho thấy có một công phu tìm tòi đáng mến. Nhờ thế, tôi nói về anh và thêm vài hàng để nhìn lại trường hợp Trần Quang Hiếu.

Trần Quang Hiếu là một họa sĩ trẻ tuổi đẹp trai, từng học ở Pháp, không biết trường nào. Xem tranh của anh thì không thấy được giải thích về câu hỏi trên. Khi về nước (tức là Việt Nam) anh có làm một dự án về nền mỹ thuật tương lai cho nước nhà. Đó là điều đáng quý nhất đối với một người trẻ tuổi, từng du học ở Balê, từng mang danh nghệ sĩ (thường

thì những người trẻ tuổi, từng được như trên thì mất đi sự đáng quý đó). Trong bản dự án cho nền mỹ thuật tương lai Việt Nam anh Trần Quang Hiếu có đề cập và hô hào tới dân tộc tính trong nghệ thuật. Anh lại được cảm tình hơn trong những lời hô hào của nhà ái quốc đó. Song song với những lời hô hào đó, anh có tổ chức cuộc triển lãm ở phòng thông tin đường Tự Do. Như vậy chúng ta vừa được nghe lý thuyết vừa được biết về thực hành của anh họa sĩ trên. Vậy, sau khi xem được 2 phần lý thuyết và thực hành của họa sĩ Trần Quang Hiếu, tôi có ý nghĩ như sau: Tôi đã tin tưởng ở anh Hiếu về tính cách say mê và hăng hái của anh. Nhưng rất tiếc sự say mê và hăng hái đó không được điều khiển bằng một ý thức đúng đắn, một sự thể hiện đúng đắn. Trước hết, tôi không đả động gì tới tập dự án về nền mỹ thuật Việt Nam bởi chưa đủ

khả năng để được mang tên trọng đại đó. Tuy vậy nó cũng đủ đại diện cho Trần Quang Hiếu để bày tỏ ý muốn về tính cách dân tộc trong nghệ thuật của anh. (Ý muốn đó đã được nói lên cách nào, thế nào, tôi sẽ phân tích kỹ để nhân đó tỏ sự bất đồng ý của tôi, trong mục khác). Với ý muốn về tính cách dân tộc trong nghệ thuật đó, anh đã thực hiện thế nào? Xin nói ngay là anh đã phụ người xem rất nhiều, nhất là đối với tôi, một người không hề quen biết nhưng sẵn sàng dành tất cả cảm tình đối với phòng triển lãm của anh, tôi không chọn được bức nào. Tất cả đều như có vẻ vội vàng, hấp tấp, bừa bãi rồi cuối cùng không thành hình gì hết. Nguyên do thứ nhất là quan niệm sai lầm tính cách linh động của hội họa mới. Trong hội họa mới hay cũ cũng vậy, sự linh động được thể hiện không phải do cách nhảy múa của cây cọ trên khung

vải mà do cái ấn tượng hay đúng hơn cái biểu tượng cuối cùng (khi bức họa xong xuôi) của bức họa đối với khách tưởng lẫn. Từ nguyên do thứ nhất, sinh ra hai nguyên do phụ thuộc, phụ thuộc những quyết định: Trần Quang Hiếu chưa nắm được thể chất sơn dầu và Trần Quang Hiếu chưa làm được hình nét. Thể chất, hình nét là những yếu tố quyết định nghệ thuật. Trần Quang Hiếu không cho thấy khả năng của anh về những yếu tố đó...

Để kết luận, tôi xin nhắc lại ý kiến mình trong mấy tháng trước cũng trong mục này: Hội họa chúng ta chưa đi tới đâu hết. Muốn kịp bước thiên hạ, thì phải cố gắng hơn nữa, bằng lương tâm và trách nhiệm.

NGUYỄN TRUNG

TIN NGẮN

Nhóm Bút Việt đã bắt đầu hoạt động nhiều với ban thường vụ mới gồm có: Nhất Linh, Thanh Lãng, Vi Huyền Đắc, Phạm Việt Tuyên ... Nhưng không hiểu sao nhà văn Nhất Linh đã từ chức chủ tịch và giao lại linh mục Thanh Lãng đảm nhận. Trong chương trình mới nhóm sẽ: tổ chức các buổi nói chuyện, tham khảo phê bình sách, ra đặc san và dịch thuật.

Trong thôn khổ sinh hoạt thường xuyên này, sau buổi diễn thuyết về kịch của Vi Huyền Đắc, buổi nói chuyện thứ hai đã được tổ chức tại giảng đường trường đại học Văn Khoa hồi 9 giờ sáng ngày 1-10-61. L.M. Thanh Lãng đã nói về

Thử nghĩ về thái độ của giới sản xuất cái đẹp và giới tiêu thụ cái đẹp trong nghệ thuật.

Vốn dĩ xứ ta có rất nhiều hội, nhưng thường chỉ là hình thức, mang bộ mặt khoa trương, rất ít hoạt động cụ thể ... để rồi dần dần lui vào... lịch sử. Chúng ta chờ đợi những hoạt động cụ thể và lớn lao của nhóm Bút Việt.

* Hội nghị lưỡng niên thi ca quốc tế lần thứ 5 đã khai mạc tại Knokk ngày 8-9-61. Đề tài của hội nghị năm nay: Những huyền cảm của thi ca (Les Mythes de la Poésie). Chúng ta nhớ lại hai năm trước đây của kỳ đại hội trước, hai ông Vũ Hoàng Chương và Đái Đức Tuấn đã đại diện cho Việt Nam. Đó cũng là nguồn cảm hứng ít lâu nay của Vũ

Hoàng Chương và khiến có hai tập thơ: Cảm Thông, Tâm Tình Người Đẹp được dịch ra Pháp văn và xuất bản. Năm nay ông Phạm Xuân Ninh, giám đốc nha vô tuyến truyền thanh Việt Nam, tức Hà Thượng Nhân, làm thơ trào phúng trên nhật báo Tự Do đại diện cho Việt Nam.

* Nhà văn Nghiêm Xuân Hồng, lý thuyết gia của nhóm Quan Điểm đang cho in tác phẩm thứ tư của ông, đó là cuốn: Luyến ái quan, vẫn do Quan Điểm xuất bản, ngoài ra Nghiêm Xuân Hồng đang viết tiểu thuyết dài.

* Ông Caillois, trưởng ban văn chương của UNESCO đã đến Saigon để tiếp xúc với các giới văn hóa tại đây. Ông

đã hội kiến với ban thường vụ Bút Việt. diễn thuyết tại viện đại học: Từ truyện thần tiên đến truyện khoa học giả tưởng (Des contes de fée à la Science fiction). Sau đó chiều ngày 16-10-61 Ông Caillois đã dự buổi giới thiệu tập thơ Tâm Tình Người Đẹp của Vũ Hoàng Chương do nhóm Bút Việt tổ chức tại câu lạc bộ báo chí.

* Nhà thơ Chế Vũ, tên thực Hồ Xuân Tịnh tác giả hai tập thơ Hoa Tâm Tử và Khát Vọng đã tạ thế tại dưỡng đường S. Paul ngày 15-7 âm lịch (25-8-61), thọ 30 tuổi.

Cái chết của Chế Vũ là một cái tang cho giới văn nghệ, và là một mối tiếc thương lớn cho bạn hữu của Anh.

* Đệ nhị nhiếp ảnh quốc tế đã khai mạc tại Saigon nhân dịp quốc khánh. Năm nay có hơn 30 nước tham dự, đây là một thành công lớn cho giới nhiếp ảnh Việt Nam. Chúng ta phải lấy làm hãnh diện về những kết quả, những uy tín của các nhà nhiếp ảnh Việt Nam với thế giới nhờ những Nguyễn Cao Đàm, Mạnh Đan, Trần Cao Lĩnh.

* Hai cuốn phim Việt Nam vừa được chiếu ở Đô thành cho công chúng thưởng ngoạn: Bể Bàng, Mưa Lạnh Hoàng Hôn. Nói về giá trị của hai phim này các báo chuyên môn đã nói đến nhiều: chê cũng có, khen khuyến khích cũng có, nhận xét phê bình cũng có. Riêng ý chúng tôi thật chán ngán. (Chúng tôi định viết một bài

nhận định nhưng thấy nó quá kém nên thôi)

Bẽ Bàng: Một tuồng cải lương (chính nó), chiều thị hiếu vụ lợi, chỉ có một người biết đóng kịch cải lương: Kim Cương.

Mưa Lạnh Hoàng Hôn: không nên nói gì khi đọc quảng cáo: tất cả quý ngài hãy đi coi cuốn phim đã thực hiện với lòng thương của quý ngài.

Không thể vin vào hoàn cảnh, nhiệt tình, chân thành để đòi được khoan dung. Không thể chỉ làm cho có. Riêng chúng tôi vẫn cho rằng không thể nào có điện ảnh Việt Nam khi chưa có những nghệ sỹ điện ảnh thực sự làm nghệ thuật điện ảnh. Và chưa có sân khấu thì chưa

nên có điện ảnh nếu không muốn bơi nhỏ, ăn hiếp, đánh đĩ nghệ thuật.

* Nhà văn Nhất Linh lại mới cho in thêm tập truyện ngắn Thương Chồng. Tập truyện này cũng như những tác phẩm thời hậu chiến khác của ông, Nhất Linh không mang tới những gì mà chúng ta mong đợi, cho nên đọc hay không cũng được.

* Chiều ngày 3-10-61 đoàn ca vũ nhạc Joey Adams đã tới Saigon. Sự có mặt của đoàn nghệ sỹ này nằm trong khuôn khổ trao đổi văn hóa giữa Hoa Kỳ với các nước. Sau khi trình diễn tại nhiều nước Á Châu đoàn sẽ trình diễn tại Saigon trong một thời gian, số tiền

thu được sẽ dùng trong việc cứu trợ các đồng bào bị lụt trong cơn thủy tai mới đây. Ngoài nghệ sỹ Adams đoàn còn có những nghệ sỹ quen thuộc như Condyl Adams, ban hợp ca Sylte Sisters, vũ bộ Step Brothers, nữ ảo thuật gia Cleste Evans, nghệ sỹ kịch câm Chaz Chase cùng với Bonnie và Shirley. Hoan hô và chào mừng đoàn nghệ sỹ bạn.

**Trong một xã hội
cách mạng thường
trực để bảo vệ sự
sống còn và tự do,
văn học hiện đại tất
nhiên phải mang
những tính chất cách
mạng, khai phá đòi
hỏi người làm văn
học nhìn thẳng vào
thực tại xã hội với ý
thức sáng tạo những
giá trị mới, đổi mới
xã hội.**

Giá 15đ

**nhà in Lê Văn Thoan
34, đường Cô Bắc Saigon -
điện thoại 060**